

HOÀNG  
XUÂN  
HÂN



*Hồ  
Xuân  
Hương*

**T**hiên tình sử

Th. VĂN HỌC

HOÀNG XUÂN HÂN

THIÊN TÌNH SỬ  
HỒ XUÂN HƯƠNG

---

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

## GIỚI THIỆU

Trong hơn nửa thế kỷ vừa qua, trong các công trình biên khảo cũng như sưu tầm, giới thiệu, chú giải của mình, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã đem đến cho người đọc và giới nghiên cứu những kiến giải mới mẻ, có tính khoa học cao trên cơ sở tư liệu giá trị, về nhiều tác phẩm văn học cũng như các danh nhân dân tộc thuộc thời kỳ cổ cận đại. Giáo sư là người đầu tiên đánh giá đúng vai trò và vị trí của La Sơn Phu Tử cũng như tấm lòng trân trọng những kẻ sĩ thực sự có tài có đức và biết tìm cách trọng dụng họ vì quyền lợi dân tộc của vua Quang Trung Nguyễn Huệ (trong tác phẩm *La Sơn Phu Tử*). Tác phẩm *Lý Thường Kiệt* chẳng những dựng lên hình ảnh rõ nét về một người anh hùng với những chiến công hiển hách phá Tống bình Chiêm cách đây ngót mười thế kỷ mà còn soi sáng nhiều khía cạnh của nền lịch sử ngoại giao triều Lý. Và trong quá trình đi tìm ai là tác giả bản dịch *Chinh phụ ngâm khúc* của Đặng Trần Côn, trong chuyên luận *Chinh phụ ngâm bị khảo* của mình, Giáo sư đã bằng nhiều cứ liệu lịch sử và văn bản đã khẳng định đó là Phan Huy Ích - một kiến giải khác hẳn nhiều nhà nghiên cứu xưa nay nhưng khá thuyết phục và cho đến nay cũng chưa có công trình nào phản bác có sức thuyết phục hơn.

Nhà xuất bản *Văn học* trong năm qua đã cho tái bản hai

tác phẩm *La Sơn Phu Tử và Chinh phụ ngâm bị khảo* của Giáo sư và đã nhận được sự hoan nghênh của đông đảo bạn đọc, đặc biệt là của giới nghiên cứu, giảng dạy văn học, sử học.

Đáp ứng nhu cầu học tập nghiên cứu của bạn đọc, lần này chúng tôi xin giới thiệu tập khảo luận *Thiên tình sử của Hồ Xuân Hương*.

Dưới tiêu đề chung trên đây, tập chuyên luận này gồm ba công trình của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn :

- *Nguyễn Biểu, một gương nghĩa liệt và mấy bài văn thơ cuối đời Trần*. Đây là một thiên khảo luận được công bố lần đầu tiên trên *Khai Trí Tiến Đức tạp san* (số tháng giêng 1941) về cuộc đời và hành trạng của Nguyễn Biểu, một tấm gương yêu nước, bất khuất thế kỷ XV với bài thơ bữa tiệc ăn cỗ đầu người mà sử sách bao đời vẫn truyền tụng. Với nhiều chứng liệu lịch sử cụ thể, những thơ văn viết về Nguyễn Biểu và nhiều truyền thuyết trong dân gian, đặc biệt là ở chính quê người anh hùng, về thần tích trong làng xã ... tác giả thiên khảo luận giúp ta hiểu thêm không chỉ về người anh hùng mà còn về một mảng đề văn học vốn từ lâu đã thành truyền thống : văn thơ ca ngợi các anh hùng nghĩa sĩ.

- *Chuyện Ý Lan* là một truyện thơ nôm lục bát xuất hiện khá sớm viết về Hoàng Thái Hậu thứ ba triều Lý, mẹ vua Lý Nhân Tông mà lịch sử vẫn thường gọi là Nhiếp chính Ý Lan. Trong kho tàng truyện thơ nôm nước ta, có lẽ đây là tác phẩm duy nhất có tên tác giả và năm sáng tác cụ thể : tác giả là Trương Thị Ngọc Trong, thị nữ cung tần của chúa Trịnh Doanh,

viết năm 1759, vốn là một bản thân tích. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã sưu tầm, giới thiệu hiệu đính và chú thích tỉ mỉ *chuyện Ý Lan* từ năm 1949 cho đến năm 1984 và công bố lần đầu trên *Tạp san Khoa học xã hội* xuất bản tại Pari năm 1986.

- *Hồ Xuân Hương với vịnh Hạ Long và về tình sử và văn thơ Hồ Xuân Hương* cũng là một thiên khảo luận nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn của nữ sĩ Hồ Xuân Hương vốn vẫn còn nhiều khoảng trống vì thiếu tư liệu xác thực. Tác giả đã tiến hành công trình trong nhiều năm, dõi theo từng bước hành trạng của "Bà chúa thơ nôm" mà văn bản xưa còn ghi dấu, kể cả những phát hiện gần đây về Hồ Xuân Hương công bố ở trong nước và đã dựng lại được những cái mốc quan trọng trong cuộc đời của nhà thơ. Mãi đến gần đây, năm 1984, Giáo sư mới công bố công trình này, góp thêm tiếng nói có sức thuyết phục về một hiện tượng văn học của thế kỷ XIX.

Do nhiều hoàn cảnh khác nhau, những công trình trên đây chưa được phổ biến rộng rãi trong nước, nên chúng tôi xin được tập hợp và giới thiệu cùng bạn đọc. Chúng tôi tin đầy đủ và nguyên văn các văn bản mà tác giả công bố, kể cả phần Hán văn. Riêng về chính tả, xin được theo lối viết phổ biến hiện nay ở trong nước. Tác giả các công trình trên đây - Giáo sư Hoàng Xuân Hãn - năm nay đã ngoài tám mươi, lại sống ở Pháp, nên chúng tôi không có điều kiện trao đổi trực tiếp về một vài chỗ cần đi sâu hoặc hoàn chỉnh thêm ... Đối với khoa học, tiếng nói cuối cùng bao giờ cũng ở phía trước. Trong những kiến giải của tác giả chắc còn có chỗ cần đi sâu, bàn lại ... nhưng có một điều chắc ai cũng nhận thấy : đây là những tìm tòi khoa học, công

phu và đầy tâm huyết, một thái độ nghiêm túc cẩn trọng trong nghiên cứu mà thiết tưởng, ngày nay chúng ta nên trân trọng.

Với tinh thần trên, chúng tôi giới thiệu cùng bạn đọc và xin phép tác giả được lấy tên chung cho tập sách là *Thiên tình sử của Hồ Xuân Hương*. Mong rằng đây là những đóng góp của một thế hệ đi trước, có sức gợi ý và động viên các thế hệ đi sau trong việc tìm hiểu, đánh giá vốn văn học quá khứ của cha ông.

#### HỮU NHUẬN

## NGUYỄN BIỂU MỘT GƯƠNG NGHĨA LIỆT và MẤY BÀI VĂN THƠ CUỐI ĐỜI TRẦN

Ngày tôi còn bé, ở làng, hàng năm đến ngày mồng một tháng bảy thì nghe người nhà nói: “Hôm nay tế đức thánh Nghĩa Vương chắc giờ sắp mưa”. Quả thực, chiều lại, mây đen kéo đầy giờ, chớp lòe, sấm động làm cho ai cũng chắc là uy linh Đức thánh đã làm chuyển giờ động đất. Vẫn biết ấy chỉ là một sự ngẫu nhiên, nhưng cũng đủ chứng lòng tôn kính của dân chúng đối với một vị trung liệt thờ ở làng bên cạnh.

Bên con đường quan lộ đi từ Vinh lên Lào qua miền Na Bè, Cách Vinh chừng 13 cây số (xem bản đồ) có một ngôi đền nấp sau một đám cây cao. Người đi đường ai qua đó cũng đều ngả nón và dẫu đương nói chuyện ồn ào cũng nín hơi. Thế không phải là vì đền đẹp lộng lẫy đâu. Sân đền tuy rộng nhưng từ cửa vào cho đến tường trong đều rêu phủ lem nhem. Dàn trong miền Nghệ Tĩnh không hay cúng bái xằng xiên. Nhưng lúc nào có việc quan hệ như kỳ yên, cầu đảo cũng thường tới cúng ở đền này.

Vậy Đức thánh Nghia Vương là ai, sự nghiệp đã có gì mà nhân gian sùng bái như vậy.

Ngài họ Nguyễn, húy là Biểu 阮表 người làng Bình Hồ 平湖 huyện Chi La 支羅, tức bây giờ là làng Yên Hồ 安湖 huyện La Sơn 羅山, đồng lý với phủ Đức Thọ 德壽, tỉnh Hà Tĩnh 河靜. Làng này lúc đời Lê cũng có tên là Bà Hồ 婆湖. Từ thành phố Vinh đi, thì phải qua cầu Cửa tiền trước dinh Công Sứ, qua đò Phù Thạch 浮石 (cũng có tên là Rum cách Vinh 10 cây số; đi hai cây số lại đến đò Hào 壕, đi thêm một cây số nữa thì qua làng Ngài, tức là chỗ có đền bây giờ (xem bản đồ).

Ngài sinh vào năm nào, ngày nào; cha mẹ Ngài là ai, làm gì, bây giờ không biết. Gia phả họ Nguyễn chỉ chép từ Ngài giờ xuống và tôn Ngài là thủy tổ.

Tiểu sử Ngài thì có ông Hoàng Trưng, chất ngoại Ngài, về đời Lê chép lại trong bài *Nghĩa sĩ truyện*, mà tôi sẽ lục và dịch ra sau đây.

Người trưởng tộc họ Nguyễn bây giờ có giữ một bản chữ Hán viết tự tay người cụ thân sinh ra ông ấy. Ông ấy nay đã già hơn sáu mươi tuổi. Vậy bản chép này có đã gần một trăm năm nay.

Bản chép gồm có ba phần: phần đầu là *Nghĩa Vương ký*, phần thứ hai là những bài văn thơ nôm của Nguyễn Biểu, của vua Trần Trung Quang và của một vị sư chùa Yên Quốc. Cuối cùng mấy bài thơ đề vịnh, câu đối ở đền, và các bản sao sắc thần đình theo.

年間詔求陳後命公為求封使、陛前拜命、便道寧家、謁築城于支羅南岸、與賊對壘、後帝如化州、明太祖永樂先是明賊將張輔築城于義烈山、文園總界即今興元府重光帝光辰由太學生官至殿前侍御史為人剛直遇事敢言、進士黃公澂義士傳云公支羅平湖人、縣今安湖社陳重齋方物表正色罵輔輔大怒殺之、陳亡、

義王記 史記帝幸化州命臺官阮表充求封使、

後、湖故里、今廟前有陵在焉、事聞帝為之痛惜、祭文具有諭

下、輔神、之、遂解縛、抱公于安國寺堂前、辰三日、水潮不進、至所、口罵輔不絕聲、搥殺之、公沒

又殘害生民、真雲賊也、輔大怒、縛公于安國寺前、藍橋

義之師、既許立陳氏子孫、設置郡縣、不惟掠取貨寶、抑

使公拜、公愈不屈、正色罵輔曰、內圖攻取之計、外揚仁

柱云、七月初一日、阮表死、公再往、輔責其無禮、左右抑

由濟、輔然之、即使人追還、公自度必死、乃取手題藍橋

之說曰、彼是安南豪傑、公欲要取安南、而舍斯人、事何

與賊相表裏、輔因問僚曰、公何如人、僚素與公不悅、為

石河縣、盤石社人、潘僚、潘貴、佐父子降賊、為乂安知州、

見者莫不驚怖、賊知公不屈、以禮遣歸、公行至藍橋、辰

和醋啖之、人幾曾得食北人頭耶、輔嘆曰、此壯士也、

賊因設饌、饋人頭、以進、微觀其意、公即取箸、抉雙眼、

祖治裝、爰方啟行、往輔軍前、賊徒使公拜、公堅立不動、

陳家末造北虜攬來、築城對壘、謀取其國、朝廷擇可以  
嬰湖產也、科太學生、宦侍御史、秉性剛直、立朝敢言、當  
之宇宙而不朽也、敬惟 義王尊神、阮公、我古支羅  
不可奪、故古之人有舍生以取義、殺身以成仁者、名傳  
天地有正氣於人曰浩然、其氣也不屈不撓、臨大節而

碑文

生氣世或偷生降虜、視此能無愧乎、

國盡忠、舍生取義如此、千載之下、聞其風者、凜然猶有  
安有伏羲死節之臣、惟公遭辰末造、顛沛流離、而能為  
義之報云、噫、辰末面從、頓無犯顏敢諫之士、臨難改操、  
人洒夫六名以奉事焉、其後子孫累世貴顯、人以為忠  
大王、命有司歲時祀之、許子孫一人為奉禮郎、祀丞二  
果大敗明兵、大定之後、詔立祠于平湖故里、敕封義士  
黎太祖藍山起義、與明兵即柳相拒平灘寺、報夢護捷、

氣此江山、共傳之、永久敢碑銘以誌之、

魯中後學、屬爪戚之雲、仍、久仰靈德、欽名節、惟欲此正  
起人於千載之下、真是氣所磅礴、凜烈萬古存也、風湖  
葩、一方香火、名儒巨公、世多艷談、其流風餘韻、足以與  
於必斃、邦國賴以圖存、其靈聲有以默相之耶、歷代哀  
耶、為公、身完名節也、是以生為英、必死為靈、逆賊終

沉、橋老敵而公之名不為之朽、沒北虜安能殺公  
賊忘肝義腑、烈日秋霜、潮升降而公之節不與之浮  
者三日、吁壯哉、公之浩然之氣也、心上惟君、目中無  
以死誓心、賊輔乃甘心焉、臨殞之日、題橋罵賊、聲不絕、  
嗾使邀其歸路而迫之、公再往安國橋所、抗言不諱、  
知其不可以威劫、既以禮遣歸、乃僚佐姦臣、陰與賊憤、  
入虜庭者、公毅然請往、至則不誓不攝、正色莊言、彼

千載精靈悽慘地，夕陽古樹嘯寒鴉。舉人黎楨全恭拜

國書齋往績東阿，藍橋石刷孤臣筆，烟寺雷轟正氣歌。進士香溪阮再

<sup>2</sup> 江山埋沒儘堪嗟，義烈芳名獨不磨，人眼挾來惶北賊，

平灘大敗明人殪，正是先生殺賊年。奉題祠堂進士黃公澂

千古綱常日月懸，秀實未亡猶罵訛，文山雖死不降燕，

<sup>1</sup> 義士祠堂何處邊，平湖岸上草芊芊，一生忠義華夷見，

義王祠諸題詠

清化省銳村石匠黃登伍 恭鐫

秀才陳允徽安奉 敬書

誥授奉誠大夫建瑞府知府仁壽舉人黃春泐恭銘

嗣德二十八年五月初二日

我公名聞 山高水長

道義三綱 城山轟轟 藍水泱泱

銘曰 丈夫志氣 邦國棟樑 死生一節

黎皇有道異明皇、

嗣德御製詩

7 軍中數語瀝肝腸、壯志捐軀壯國光、千古平湖靈廟在、

留取丹心照汗青、嗟乎丈夫當如是、白苗段志遵拜咏

孟曰舍生而取義、烈烈轟轟做一場、千載之下聞風起、

8 世間所謂奇男子、亦有仁義而已矣、孔曰殺身以成仁、

經過再拜瞻祠廟、正氣吟成起白雲、拜咏

琮瑤解元楊桂譜

終古綱常節義身、藍浦潮歸應屹柱、城山石老未封塵、

5 不管興亡定宿因、回天壯志彊存陳、此州悽愴煮煎地、

悽慘平湖千古廟、依依正氣引清芬、知府阮范遵拜題

尚存吾舌尚存陳、數聲罵賊响天地、九字題橋泣鬼神、

4 東阿日暮起黃氛、馮驥華原屬諫臣、能啖人頭能啖輔、

至今故里經初度、烈節依依起後生、張圭拜題

琮瑤制導攝府守

五夜湖生罵賊聲、醜虜安能殺文相、完名將欲卑顏卿、

3 安寺藍橋古石城、義王遺廟炳丹青、千秋月照孤臣魄、

8 重光天子久蒙塵、受命軍前屬爭臣、慷慨正言摧賊黨、

丈夫謀國豈謀身、范搗謙詠史

## BÀI KÝ VỀ ĐỨC NGHĨA VƯƠNG

Ông Tiến sĩ Hoàng Trùng trong **Nghĩa sĩ truyện** kể rằng: "Đức Nguyễn Biểu, người huyện Chi La, làng Bình Hồ. Đậu Thái học sinh. Về đời Trần Trùng Quang làm quan đến chức Điện tiền thị ngự sử. Tính Ngài rất cương trực, gặp việc gì thì quả quyết nói ngay. Trước hồi bấy giờ, giặc Minh sai Trương Phụ đắp thành trên núi Nghĩa Liệt (1). Vua Trùng Quang đắp thành ở Chi La về phía nam sông (2), cùng giặc đối lũy.

Sau vua vào Hán Châu. Trong khoảng đời vua Minh Thái Tổ hiệu Vĩnh Lạc có xuống chiếu tìm con cháu nhà Trần. Vua bèn sai Ngài sung chức sứ đi cầu phong (3). Ngài bèn lạy trước bệ vua để lĩnh mệnh; tiện đường qua thăm nhà, yết tổ tiên và sửa đồ lễ, rồi mới ra đi. Khi tới trước quân Trương Phụ, bọn giặc bảo Ngài lạy. Ngài đứng trơ không nhúc nhích. Nhân thế, giặc đặt tiệc thết, nấu một đầu người mà mời, cốt để dò

(1) Tên này có lẽ sau lúc Ngài mất rồi mới có. Bấy giờ gọi là Rú Thành, hay Thành sơn, hay là Rú Rum. Xem bản đồ.

(2) Sông Lam Giang

(3) Năm 1413 S.Th.Ch.

cho rõ ý Ngài. Ngài tức thì lấy đũa, khoét hai mắt, hòa với giấm mà nuốt (trong bản chép có chua thêm rằng : Lúc tiệc bày ra, Ngài cười mà nói : đã mấy lúc mà người Nam lại được ăn đầu người Bắc).

Trương Phụ than rằng : "Thực là một tráng sĩ, thấy thế mà không kinh sợ". Giặc biết Ngài không chịu khuất, lấy lễ phép mà mời Ngài về.

Ngài về tới cầu Lam (1). Có tên Phan Liêu là con Phan Quý Hựu, người làng Bàn Thạch, huyện Thạch Hà (2), trước đã hàng với giặc, được làm tri châu Nghệ An (3) và hay cùng giặc vào ra bàn bạc. Nhân đó, Trương Phụ hỏi Liêu rằng Ngài là người thế nào ? Liêu vốn cùng Ngài không thích hợp, nên nói rằng : "Người ấy là một người hào kiệt nước An Nam. Nếu Ngài muốn lấy nước An Nam mà lại thả người ấy ra thì việc làm sao xong được". Trương Phụ cho là phải : tức thì sai người đuổi bắt trở lại. Ngài tự đoán chắc là phải giết, bèn lấy tay để vào cột cầu Lam rằng : "Thất nguyệt sơ nhất nhật Nguyễn Biểu tử" nghĩa là : ngày mồng một tháng bảy Nguyễn Biểu mất".

Ngài bèn trở lại. Trương Phụ trách Ngài vô lễ, người hầu bắt Ngài lay. Ngài càng không chịu khuất, và nghiêm sắc mặt mà mắng Trương Phụ rằng : "Bể trong thì lấy kế để mưu đánh lấy, bể ngoài thì phao rằng đem quân sang để làm việc nhân nghĩa. Đã hứa lập con cháu nhà Trần, mà lại đặt bày ra quận

(1) Cầu này ở cạnh chân núi Nghĩa Liệt.

(2) Bây giờ là phủ Thạch Hà, Hà Tĩnh.

(3) Có lẽ là như Tống đốc bây giờ. nguyệt sơ nhất nhật

huyện để cai trị. Không những cướp của cải quý báu, mà lại còn giết hại sinh dân. Bay thực là tội giặc làm càn !"

Trương Phụ giận lắm, trói Ngài vào dưới cầu Lam, trước chùa Yên Quốc, rồi đánh chết (bản chép có chua thêm : lúc ấy, ba ngày nước thủy triều không lên đến đó, Ngài vẫn mắng Phụ không dứt tiếng. Phụ cho là có thần giúp, bèn cởi trói mà đem trói trước cửa chùa Yên Quốc rồi đánh chết). Sau lúc Ngài mất (bản chữ Hán có chép thêm rằng : Phụ vì nghĩa mà lấy hậu lễ đem táng Ngài ở làng Bình Hồ. Bây giờ trước miếu là lăng đó). Vua nghe tin lấy làm đau đớn và than tiếc.

Vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở núi Lam Sơn, cùng quân Minh đánh nhau ở chùa Bình Than (1). Ngài báo mộng rằng sẽ đến giúp. Quả thực, quân Minh thua to. Sau lúc đã đại định rồi, vua hạ chiếu lập đền thờ ở làng cũ, sắc phong làm Nghĩa Sĩ Đại Vương, sai quan mỗi năm về tế : cho cất một người trong con cháu làm chức phụng lễ, hai người phụ tế, sáu tên hầu rượu để thờ Ngài.

Về sau, con cháu Ngài, đời đời quý hiển (2) người ta cho là vì lòng trung nghĩa mà giờ báo đáp.

Ôi ! lúc thời mạt, cúi đầu mà theo, bỗng nhiên không kè

(1) Làng Trần Xá, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

(2) Có ông Hoàng Trùng đậu Hoàng Giáp khoa kỳ vị, Lê Hiến Tôn, Cảnh Thống năm thứ hai : 1498, chính là tác giả Nghĩa sĩ truyện ; và Nguyễn Phong cháu bốn đời, theo gia phả thì đậu Tiến sĩ, theo đăng khoa lục thì đậu Hoàng giáp khoa canh vị, Lê Thế Tôn Quang hưng : 1583. Nhưng Hoàng giáp cùng vào hàng Tiến sĩ.

vì vua can gián ; khi gặp nạn, tiết tháo thay đổi, ai là tôi giỏi, vì nghĩa chết trung. Chỉ có Ngải, gặp thời vận hết, nước nhà nghiêng đổ lìa tan mà hay vì nước hết lòng trung, bỏ thân giữ nghĩa. Làm như vậy, nghìn năm sau, nghe tiếng Ngải, người ta vẫn tưởng rằng sinh khi Ngải còn rõ ràng trước mắt. Hoặc là cuộc đời thay đổi, kẻ đã hàng giặc, thấy đó mà không thẹn lấm ru !”.

Phần thứ hai trong bản chép gồm có năm bài văn vắn, ba bài đường luật : Bài vua Trùng Quang tiễn Nguyễn Biểu lúc ra đi sứ, Bài Nguyễn Biểu họa lại và bài Ngải làm lúc ăn cỗ đầu người. Một bài văn tế của vua Trùng Quang và một bài kệ của sư chùa An Quốc. các bài ấy chúng tôi chép lại đăng sau đây.

\*

\* \* \*

Nguyên hồi bấy giờ, Hồ Quý Ly đã bỏ vua Trần phế đế (1400) và lên làm vua, rồi nhường ngôi cho con là Hồ Hán Thương (1401). Muốn chống chế sự tranh quyền, họ Hồ sai sứ sang Yên Kinh (Bắc Kinh) nói rằng giòng dõi Trần đã hết. Năm 1404, con cháu nhà Trần là Trần Thiêm Bình sang cầu viện quân Minh. Vua Minh sai 5000 quân đưa về, nhưng quân Minh bị Quý Ly đánh thua và Thiêm Bình cũng bị giết (1406). Vua Minh Thành Tổ sai cử đại binh hai đạo : Chu Năng và Trương Phụ đi đường Long Châu ; Mộc Thạnh đi đường Vân Nam sang đánh An Nam, Hồ Quý Ly thua chạy vào phía nam. Hai cha con theo đường biển vào Thanh Hóa. Sử chép rằng

quân bị tan ở cửa sông Mã. Không biết vàng Sấm Sơn năm trước có phải của họ Hồ chăng ? Trương Phụ đuổi theo, bắt được cha con Hồ ở núi Cao Vọng, huyện Kỳ La (huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh 1407).

Người Minh chia nước ta để cai trị, dùng những người qui hàng ra làm quan. Trong bọn này, có Phan Quý Hựu và Phan Liêu đã nói tới ở trên. Nguyên Phan Quý Hựu làm Thái bảo đời Trần. Sau hàng Trương Phụ. Nhưng mắc bệnh chết. Phụ dùng con là Liêu làm tri phủ Nghệ An (theo *Khâm định Việt Sử*, quyển 12, tờ 58).

Nhưng trong vùng Hoan Châu bấy giờ, có những trung thần như Đặng Tất (người huyện Thiên Lộc tức là Can Lộc bây giờ) và Nguyễn Cảnh Chân người làng Ngọc Sơn huyện Nam Đàn, Nghệ An, tôn con vua Nghệ Tôn lên làm vua hiệu là Giản Định. Tuy đánh được một trận ở Bô Cô (huyện Phong Doanh, Nam Định) nhưng Giản Định nghe lời dèm pha giết hai tướng đi. Con hai tướng là Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị ra Thanh tìm cháu vua Nghệ Tôn là Trần Quý Khoáng tôn lên làm vua hiệu Trùng Quang và đóng đô ở huyện Chi La (phủ Đức Thọ, huyện La Sơn bây giờ) vào khoảng các làng Yên Hồ, Yên Phúc, Nam Ngạn bây giờ (xem bản đồ). Giản Định sau bị Trương Phụ bắt ở gần phủ Nho Quan. Trương Phụ bèn đem quân về đóng trên núi Nghĩa Liệt.

Núi Nghĩa Liệt là một quả núi bé và cao không quá 170 thước tây, đột khởi ở phía nam thành Vinh, trên bờ bắc sông Lam Giang, gần chỗ hai ngọn nguồn đổ dồn lại (xem bản đồ và ảnh). Ngọn núi này có nhiều tên : Hùng Sơn (熊山), Tuyền

Nghĩa Sơn (宜義山), Đồng Trụ Sơn (銅柱山), Thành Sơn (城山), Lam Thành Sơn (藍城山) hay Rú Thành hoặc tên Nôm hẳn là Rú Rum. Tên hiện bây giờ là Thành Sơn, Lam Thành Sơn, Rú Thành và hay gọi nhất là Rú Rum.

Theo lời Bùi Dương Lịch (Ở đời Lê Mạt, Tây Sơn, Gia Long) trong sách *Nghệ An Chí* thì Mã Viện dựng cột đồng ở núi này, là chỗ giới hạn nước ta hồi bấy giờ. Nói như thế cũng có lẽ phải. Vì nước ta lúc bấy giờ có lẽ chỉ có tới Nghệ An. Mà người Tàu, sau khi lấy nước mình thì họ sát nhập nước mình vào nước họ. Cương giới mình tức là cương giới Tàu. Và sử chép rằng Mã Viện dựng đồng trụ ở chỗ phân giới. Phân giới nước nào với nước nào? Không có lẽ là phân giới Giao Chỉ với nước Hán, vì Giao Chỉ đã nhập giặc vào nước Hán. Và Mã Viện bởi lẽ gì lại vạch chỗ phân giới Hán và Giao Chỉ? có phải là sợ dân Giao chỉ lán đất Tàu đâu.

Còn việc sử chép rằng, Mã Viện đi đánh dẹp các nơi, đi đến đâu xây thành đắp lũy đến đấy. Thì cái thành bấy giờ hiện còn nguyên ở trên núi Thành Sơn có lẽ cũng có từ đời Mã Viện chăng?

Phải chăng quân Trương Phụ chỉ tu bổ lại cái thành cũ để đóng đồn mà thôi?

Dấu sao mặc lòng, thành này bây giờ còn trọn vẹn (xem ảnh) ở trên núi. Vì ngọn núi cao và bờ đứng phẳng, nhất là bờ đông nam và đông, nên không ai lên lấy đá; trừ bức thành phía nam, có người đã lấy đá rải đường nên chỉ còn thành đất. Thành rộng tới gần 4,5 mét, cao 4,5 mét, ở giữa bằng đất trong ngoài

ghép đá, chu vi độ chừng 2 cây số. Phía nam và phía đông mái núi đứng thẳng, chỉ phía tây là có đường đi lên xuống tiện. Ở trong thành có gổ đất cao, gọi là Kỳ Đài, xưa, để dựng cột cờ. Đứng xa trông lại thấy chòm núi bằng phẳng, có một cái nuốm ở trên. Dân làng xung quanh trước đây vẫn đào thấy những tiền, súng đồng thuộc đời Minh.

Muốn đi lên thành này, thì con đường quan lộ Vinh Na Bẹ đến cây số 9 rẽ sang tay phải, theo con đường đê đi Yên Thái. Đến làng Yên Cư cách chỗ rẽ ba cây số thì leo lên núi. (Xem bản đồ).

Đứng trên núi trông xung quanh, phong cảnh rất đẹp mắt, ba ngã sông Lam Giang uốn khúc ở phương tây, nam và đông. Phương tây có núi Thiên Nhận, phương đông có núi Hồng Lĩnh, phương bắc phương nam, hai cánh đồng chạy dài cho đến chân núi xa xa. Chính chỗ này là chỗ trung tâm điểm của xứ Hồng Lam, khách du lịch nên dừng chân lại. Và thêm vùng này sử tích rất nhiều. Thành còn lại có 4, 5 cái, đấy lại là châu ly đời Lê, còn dấu tích vua Lê Thái Tổ, và các danh thần, danh tướng.

Phía nam núi, về nam ngạn sông Lam, vua Trần Trung Quang đóng quân. Hiện bây giờ không thấy dấu tích thành trì, nhưng ở làng Yên Phúc còn có những khoảng đất hoặc *dãm* tên là *dãm* Mã chúa, *dãm* Mã tù. Chắc là chỗ này khi xưa có mộ bà chúa Trần và chỗ kia có mộ tù binh Tàu. Vây dinh trại vua Trần chắc ở làng Yên Hồ, thôn Yên Phúc. Quê Nguyễn Biểu ở thôn Nội Diên cũng trong làng ấy.

Ông Hoàng Trùng chép rằng ông Nguyễn Biểu đậu Thái học sinh. Thái học sinh là tiến sĩ. Trong sách sử chép rằng vua Trần Duệ Tôn (1374-1377) năm Giáp dần (1377) mở khoa thi lấy 50 tiến sĩ. Trước vẫn thi Thái học sinh bây giờ mới đổi ra tiến sĩ. Sau Hồ Quý Ly (1400-1407) lại đặt ra thi Thái học sinh chắc là Nguyễn Biểu đậu Thái học sinh trước đời Duệ Tôn. Quyển lịch triều đăng khoa lục không chép tên Ngài.

*Khâm Định Việt Sử* chép rằng : nguyên trước vua Trùng Quang đã sai quan Hành khiển Nguyễn Nhật Tư (阮日孜) và quan Thám hình Lê Ngân đi sang cầu phong với vua Minh. Vua Minh giết sứ đi. Đến năm Trùng Quang thứ 3 (1411) lại sai quan Hành khiển Hồ Ngạn Thần (胡彦臣) và quan Thám hình Bùi Nột Ngôn (裴訥言) sang cầu phong một lần nữa. Vua Minh phong cho Trần Trùng Quang làm Giao Chỉ Bố Chánh và Ngạn Thần làm tri phủ Nghệ An. Nhưng vua Trùng Quang giết Hồ Ngạn Thần, vì những người này đã làm tiết lậu việc nước và đã nhận chức quân của Minh.

Tháng 6 năm sau (1412) quân Đặng Dung, Cảnh Dị bị thua ở Mô Độ.

Vua Minh sai quan sang trấn thủ Nghệ An và hạ chiếu dụ các quan lại.

Năm Trùng Quang thứ năm (1413) thế yếu, vua Trùng Quang dời quân vào Hóa Châu. Thời ấy, Nguyễn Biểu làm chức Thị ngự sử, là quan có trọng chức chỉ trích việc làm của triều đình. Ông tính rất cương trực. Thấy sự gì thì nói ngay, nên được vua tin dùng. Vậy nên lúc vua dựa theo lời chiếu của vua

Minh Thái Tổ, muốn cầu phong cùng Trương Phụ, vua sai ông đi. Ông tới trước bệ linh mạng. Vua tặng bài thơ Đường luật sau này :

*Mấy vần thơ cũ ngợi hoàng hoa,  
Trịnh trọng rày nhân dấng (1) khúc ca.  
Chiếu phượng mười hàng tơ cận kề,  
Vó câu ngàn dặm tuyết xông pha.  
Tang bồng đã bắm lòng khi trẻ,  
Khương quế thêm cay tính tuổi già.  
Việc nước một mai công ngõ vẹn,  
Gác Lân danh tiếng dọi lâu xa.*

Ông họa lại rằng :

*Tiếng ngọc từ vâng trước bệ hoa,  
Ngóng tai đồng vọng thờ thi ca.  
Đường mây vó ký lần lần trái,  
Ái tuyết cờ mao thức thức pha.  
Há một cung tên lông chi trẻ,  
Bội mười vàng sắt đúc gan già.  
Hồ mình vả thiếu tài chuyên đối,  
Dịch lộ ba ngàn dám ngại xa.*

Theo *Nghĩa sĩ truyện* thì ông về (chắc là ở Hóa Châu về). (1) *Dấng* : chỉ trống trời lên

Nhà ông ở bên cạnh đồn Trương Phụ, nên ông qua nhà, bái yết tổ tiên, rồi sang yết kiến Phụ. Từ làng Nội Diên sang làng Yên Cư là chỗ dưới chân núi Thành, bây giờ đi đường quan lộ tới sáu cây số. Mà nếu đi băng qua đồng thì chỉ bốn cây số thôi. Không biết bây giờ đường sá thế nào, vì con sông Lam chỗ này có hai ngọn nguồn chập lại, uốn khúc quanh co, nên bờ, bên bồi bên lở luôn luôn : vậy nên ở chân núi Thành từ lúc ấy đến giờ đã có năm làng gần mất đất.

Việc hội kiến với Trương Phụ thế nào thì *Nghĩa sĩ truyện* và lời chua thêm đã nói rõ trên kia. Nhưng không thấy chép rằng Trương Phụ có nhận lời cầu phong không có truyền rằng lúc cổ đầu người đã dọn ra, ông nói đủ một câu (xem trên) và ngâm bài thơ này :

*Ngọc thiện, trân tu đã đủ mùi,*

*Gia hào thêm có cổ đầu người.*

*Nem công (1) chả phượng còn thua béo,*

*Thịt gũ (2) gan lân hẳn kém tươi.*

*Ca lối lộc minh so cũng một,*

*Vật bày thỏ thủ bội hơn mười.*

*Kìa kìa ngon ngọt tày vai lợn,*

*Tráng sĩ như Phàn (3) tiếng để đời.*

(1) Công.

(2) Gấu

(3) Phàn Khoái, danh tướng đời Hán.

Về chuyện Phan Quý Hựu ton hót, chuyện ông bị bắt trở lại, ông Hoàng Trưng đã kể rõ ràng. Theo *Khâm Định Việt sử* thì lại nói Trương Phụ muốn bắt giữ ông lại : Ông giận mà mắng cho. Còn việc ông mất thì ông Hoàng Trưng chỉ nói : “Trương Phụ cả giận, trói Ngài dưới cầu Lam, trước chùa Yên Quốc rồi đánh chết”. Còn người chép lại còn có chua thêm rằng : “Trương Phụ cả giận, trói Ngài dưới cầu Lam. Ba ngày nước thủy triều không lên đến đó, Ngài vẫn mắng Phụ không dứt tiếng. Phụ cho là thần giúp bèn cởi trói và đem Ngài về trói trước cửa chùa Yên Quốc rồi đánh chết”. Mà trong các bia ở sân đền cũng nói như vậy. Hai bia này về đoạn sau sẽ nói tới. Dân gian còn kể chuyện một cách khác nữa. Rằng : Phụ trói Ngài vào cột cầu để nước lên cho chết. Nhưng ba ngày nước không lên. Trong lúc đó, có ông sư chùa Yên Quốc đi qua, Ngài bèn bảo ông về tụng kinh cho nước lên để Ngài mất. Sư nghe lời. Quả thực nước lên. Trước lúc mất Ngài vạch vào cầu tám chữ đã kể trên kia. Sau lúc Ngài mất, vua Trưng Quang có làm bài văn tế nôm như sau này :

*Than rằng : sinh sinh, hóa hóa, cơ huyền tạo mờ mờ ;  
sắc sắc, không không, bụi hồng trần phôi phôi.*

*Bất cộng thù, thiên địa chứng cho ; vô cùng hận, quý  
thần thể với.*

*Nhớ thừa Tiên sinh, cao dơ mạo (mũ) trại, chăm chăm (1)  
ở ngôi đài gián, đành làm cột đá để ngăn dòng ; tới khi Tiên  
sinh xa gác vó câu, hăm hăm chỉ cán cờ mao, bỗng trở gió vàng*

(1) Chữ nôm viết 𠄎 𠄎 đọc chăm chăm hay là chăm chăm ?

bèn lên nói.

*Thói tình chiền Hồ tặc chín hăm ; gan thiết thạch Tô Công dễ đổi.*

*Quan Vân Trường gặp Lữ Mông, dễ xa cơ ấy, mắng thày chữ "phê tê hà cập" dạ những ngùi ngùi ; Lưu Huyền Đức giận Lục Tốn mong giã thù này, nghĩ đến câu "thường đảm bất vong" lòng thêm dội dội.*

*Sầu kia khôn lấp cạn giòng ; thảm nợ dễ xây nên núi.*

*Lấy chi báo chùng hậu đức, rượu kim tương một lọ, vơi vơi mượn chuốc ba tuần ; lấy chi ủy thừa phương hồn, văn dụ tế mấy câu, thăm thăm ngô thông chín suối.*

Vị sư chùa Yên Quốc có làm bài kệ để tụng cái chí khí của Nguyễn Biểu. bài kệ ấy bằng nôm như sau này :

*Chói chói một vùng tuệ nhật ; ùn ùn mấy đóa từ vân.*

*Tam giới soi hòa trên dưới ; thập phương trải khắp xa gần,*

*Giải thoát lần lần nghiệp chướng ; quang khai chốn chốn mê tân.*

*Trần quốc xấy vừa mặt tạo ; sứ hoa bông có trung thân.*

*Vàng đúc lòng son một tấm ; sắt rèn tiết cứng mười phân.*

*Trần kiếp vì đâu oan khổ ; phương hồn đến nỗi trầm luân.*

*Tế độ dạn nhờ từ phật ; chân linh ngộ được phúc thần.*

Trương Phụ lấy hậu lễ đưa Ngài về táng ở làng. Trước

đền bây giờ có một giải đất, lập thành cấm địa. Mộ Ngài ở đó, nhưng không biết đích là chỗ nào.

Sau vì có âm công giúp vua Lê Thái Tổ đánh được quân Minh ở Bình Than (huyện Chí Linh, Hải Dương). Vua sắc phong cho là *義烈顯應威靈助順大神* Nghĩa liệt hiển ứng uy linh trợ thuận đại thần.

Trước sân đền bây giờ có hai cái bia đá : một bia của ông cử nhân Hoàng Xuân Phong là cháu đời thứ 12 ông Hoàng Trưng, dựng năm Tự Đức thứ 28 (1874) kể lại sự nghiệp Ngài và ca tụng khí tiết Ngài (1) ; và bia của xã Yên Hồ, do ông cử nhân Lê Viết Huy (người làng Mỹ Đà ở Thanh Hóa) nhuận lại. Bia này dựng năm Tự Đức thứ 30 (1876) nói về các sắc phong và việc lập đền thờ.

Vua Lê Thánh Tông năm Hồng Đức hạ chiếu lập miếu thờ, cấp tế điền, cắt con cháu một người làm chức Lễ lang, hai người ky chùng, và dân làng phải túc trực.

Năm Cảnh Hưng thứ 41 (1780) vua lại ban sắc phong, thần sắc ấy vẫn còn.

Đến lúc Tây Sơn nổi loạn thì sự cúng tế bỏ nhãng. Tục truyền rằng lúc vua Tây Sơn ban sắc, Đức Nguyễn Biểu ứng lên xé sắc. Vua Tây Sơn biết chuyện bắt đốt đền.

Năm Minh Mệnh thứ 5 (1824), Thiệu Trị thứ 3 (1842), Tự Đức thứ 3 (1849) đều có phong sắc cả.

Còn sắc trước đời Cảnh Hưng thì không thấy nữa. Theo

(1) Xem bản chữ trang 9 và bản dịch trang

bia của xã Yên Hồ, lúc nhà Nguyễn đã dẹp yên trong nước, lại phong tặng thêm. Dân lập lại miếu thờ. Đền lợp gianh. Đến năm Tự Đức Kỳ tị mới trùng tu và tục cũng truyền rằng, đời Tây Sơn miếu bị đốt phá. Có lẽ cũng có nhiều tự khí, hoặc sắc bị thiêu hủy. Đền này là đền chính còn có nhiều đền nữa ở dọc bờ bắc ngạn sông Lam, ở gần chân núi Thành.

\*  
\*     \*

Trên đây, chúng tôi đã chép chuyện theo bản chép cũ và theo bi ký ở đền. Nay chúng tôi muốn khảo và bàn về đoạn lịch sử và mấy bài thi văn chép trên.

Về lịch sử thì ta có thể tin vào *Nghĩa sĩ truyện* của ông Hoàng Trưng.

Ông Hoàng Trưng người làng Bình Lộ, huyện La Giang (nay là làng Nhân Thọ, huyện La Sơn) ở giáp làng với đức Nguyễn Biếu mà mẹ là chất ngoại Ngải. Ông là một nhà hay chữ đời Lê. Trong gia phả họ Hoàng kể rằng, thời ông, ở Thăng Long có câu phương ngôn: "Bánh dẻo như văn Hoàng Trưng". Ông đậu đầu Hoàng Giáp khoa kỳ vị Lê Hiến Tôn, Cảnh Thống năm thứ hai (1499) đồng khoa với ông Bảng Nhân Lương Đắc Bằng thấy học ông Nguyễn Bình Khiêm. Sau làm quan đến chức Đông Các, Lễ bộ Tả Thị Lang. Văn ông còn hai bài thơ chữ Hán. Một bài có chép trong *Hoàng Việt thi tuyển*, một bài chép và khắc vào gỗ ở đền đức Nghĩa Vương. Bài đầu làm lúc ông làm quan đã lâu năm và thấy Mạc Đăng Dung lộng quyền. Và có mẹ già ở nhà; ông bèn từ chức mà về quê chung dưỡng.

## BÀI CHỮ HÁN

*Gia sơn tình vọng bạch vân qui.*

*Thân thế hồi đầu sự sự vi.*

*Nhất đại cô hàn đẳng quán các*

*Thập niên cam chí ngộ đình vi.*

*Lâm tuyền hữu ước nhàn vi qui,*

*Danh lợi vô tâm mộng diệc hi.*

*Ký đắc cố viên, thu chính hảo,*

*Lô ngư, thuần thái, đạo miêu phi.*

## BÀI DỊCH của ông Hoàng Xuân Hải

**con ông Hoàng Xuân Phong.**

*Mây bạc ngày trông lại núi nhà.*

*Việc đời ngang trái biết bao là.*

*Cô hàn một mấy lên cung cấm,*

*Cam chí mười năm bỏ mẹ già.*

*Thong thả lâm tuyền đà trước hẹn,*

*Mơ màng danh lợi từ rày xa.*

*Chạnh niềm vườn cũ vừa thu tiết,*

*Gỏi vược, xôi rồng, thú đất ta.*

Từ đời Trần mất đến năm ông đậu Hoàng Giáp có 85 năm, vậy cũng chẳng bao lâu. Và chẳng ông người ở kế làng

đức Nguyễn Biểu mà lại là cháu ngoại, nên chắc ông biết chuyện rõ ràng. Vậy *Nghĩa Sĩ truyện* ông biên chắc là đúng cả. Nhưng mà những điều ngoài chuyện chính, ông không chép. Đó cũng là một điều đáng phàn nàn cho ta.

Nay chúng tôi cũng muốn bàn tới chuyện đức Nguyễn Biểu mất. Về đoạn này, như chúng tôi đã kể trên, có ba thuyết. Ông Hoàng Trùng nói rằng Ngài bị trói dưới cầu Lam và bị đánh chết.

Ông Hoàng Xuân Phong (ở bài bia) nói Ngài bị trói dưới cầu Lam. Ba ngày nước thủy triều không lên. Trương Phụ thấy vậy bảo cởi trói và đem lên trước chùa Yên Quốc đánh đến chết. Trong ba ngày, Ngài mắng Trương Phụ không dứt tiếng.

Tục truyền rằng, thấy ba ngày nước không lên, Ngài bảo ông sư chùa Yên Quốc tụng kinh cho nước lên. Nước bèn lên. Ngài chết.

Chẳng nói, ai cũng biết rằng đối với dân chúng, sự huyền bí lúc nào cũng lấy làm thích hơn. Đã có chính khí thì phải có linh ứng. Vậy chuyện nước thủy triều ba ngày không lên là vì lẽ ấy đặt ra. Và chẳng, đối với họ sự bị đánh chết không xứng với một vị thần như đức Nghĩa Vương chẳng? Ông Hoàng Xuân Phong nhận rằng Ngài bị đánh chết, nhưng cũng chép chuyện thủy triều. Nhưng nếu thực như vậy thì *Đức Nghĩa Vương mất ba ngày sau khi viết tám chữ ở cầu, tức là ngày mồng ba; ngày kỵ Ngài tất phải là ngày mồng ba tháng bảy*, chứ không phải ngày mồng một tháng bảy như theo lệ bây giờ trong làng. Có lẽ đầu dân làng lại chỉ theo tám chữ đề cầu để làm sai ngày

kỵ. Vậy chuyện nước thủy triều ba ngày không lên và đến ngày thứ ba mới lên làm chết đức Nghĩa Vương là không đúng. Vì sao có chuyện này? Chắc nó cũng có căn cứ vào một việc gì có thực.

Tuy là ông Hoàng Trùng không nói đến chuyện thủy triều, ông cũng có nói rằng: “Trương Phụ trói Ngài ở dưới cầu (xem bài *Nghĩa sĩ truyện*) rồi đánh chết”. Muốn đánh chết thì sao lại trói ở dưới cầu? Đã trói dưới cầu, chắc là cốt để cho nước lên ngập chết.

Và cầu Lam, theo tục truyền thì qua sông Lam, chỗ trước chùa Yên Quốc. Cái lạch sông này bây giờ hãy còn, nhưng vì đất chỗ lở, chỗ bồi, nên sông cạn, nước không chảy thông (xem bản đồ). Nghe nói rằng khi nào nước thủy triều xuống, còn thấy di tích cột cầu.

Vì sao nước không lên? Nguyên về miền bắc Trung Kỳ, nước thủy triều thường nhật có hai con; một “con mạ”, một “con con”. Vào tuần thượng huyền (mồng 7) và hạ huyền (23) thì hai con cách nhau và đều bé, thành ra một ngày nước lên hai bận. Hai con nước ấy dần dần gần nhau và vào ngày sóc (30) và vọng (rằm) thì chỉ có một con nước lớn về buổi chập tối.

Có lẽ là đức Nghĩa Vương bị bắt sáng ngày mồng một. Trương Phụ trói Ngài ở dưới cầu, tưởng để con nước buổi trưa lên ngập chết. Nhưng lại đúng ngày mồng một. Nước thủy triều mỗi xứ mỗi khác, Trương Phụ lạ phong thổ nên không biết là ngày ấy buổi trưa không có con nước như mọi ngày. Thấy nước không lên, mà bị người địch mắng, nên tức mà đem

đánh chết.

Sự thực có lẽ gần như vậy : chuyện thủy triều có, chuyện mắng giặc có, chuyện đánh chết cũng có, mà như thế thì ngày viết tám chữ ở cầu và ngày mất cũng là ngày mồng một tháng bảy. Vậy ông Hoàng Trùng chép sự thực chỉ bỏ chuyện nước thủy triều vì cho là huyền hoặc và chuyện chửi mắng giặc vì cho là không quan hệ.

Việc thứ hai mà chúng ta phải xét là năm bài thi văn sao lại trên kia có thực là của những tác giả ấy không ? Có một vài điều đáng làm cho ta ngờ : một là bài *Nghĩa sĩ truyện* không nói gì đến các bài ấy, hai là bài đức Nguyễn Biểu lúc ăn cỗ đầu người có ai chép lại cho, vì từ lúc ăn đến lúc mất Ngài không về tới nhà.

Nói là ông Hoàng Trùng không biết mấy bài ấy là vô lý, ông ở làng bên cạnh lại là cháu và sinh ra chỉ cách 50 năm sau. Nói là vì văn nôm nên không trọng cũng không đúng, vì đời Lê, thường hay dùng văn nôm để làm văn tế, văn hịch, chứ không phải là coi như văn chơi. Vậy có lẽ ông Hoàng Trùng chép truyện theo lối sử gia, chỉ chép chuyện, chứ không chép văn ; đến sự quan hệ như cha, mẹ, ngày sinh, ngày tử của đức Nghĩa Vương mà ông cũng không chép, nữa là mấy bài văn. Và chẳng chính ông cũng có làm một bài thơ vịnh đức Nghĩa Vương, mà ông cũng không chép trong *Nghĩa sĩ truyện*. Hồi sau, ông Hoàng Xuân Phong là người cùng họ có khắc vào biển gỗ và treo ở hạ đường đền. Bài ấy lục đăng sau này. (xem bài số 1, trang 42).

Điều thứ hai, chúng ta cũng không nên lấy làm lạ, vì lúc

Ngài đi sứ chắc không phải đi một mình, còn có bộ hạ nữa. Ngài bị giết chớ bộ hạ Ngài còn, nên bài thơ Ngài ngâm trước lúc ăn cỗ có người nhớ mà truyền lại đến nay.

Nay xét ra thì thấy bài cho là của vua Trùng Quang, giọng trôi chảy, ý dồi dào hơn hai bài mà cho là của đức Nguyễn Biểu. Hai bài này, văn đã lủng củng mà ý tứ lại trùng điệp. Nếu người đời sau làm những bài này thì chắc là cùng một người làm cả ba bài. Như thế điệu văn phải giống nhau. Dù có muốn đổi giọng cho giống sự thực thì không lẽ lại làm văn đức Nghĩa Vương kém xa văn của vua. Trong bài thơ họa, có câu : “Hổ mình và thiếu tài chuyên đối” lời nói nhún mình như vậy chắc không phải của người khác làm thay Ngài. Trong chuyện nói tính Ngài cương trực, gặp việc nói ngay. Tính như thế, văn chẳng chải chuốt là phải lẽ. Bài văn tế, văn pháp rất tinh xảo, ý tứ cứng cỏi, cũng theo một lối với bài tiền sử trên. Còn bài kệ thì rất là đặc sắc. Lối văn này hiếm lắm, trong các tập văn tuyển của ta, chưa thấy ở đâu có : Lối văn sáu chữ ; hai câu một, đối nhau từ đầu đến cuối, lại có vần. Vì văn pháp đặc biệt có lẽ là văn kệ chỉ thời Trần hay dùng chăng.

Nói tóm lại, ta bây giờ không có cách gì mà chứng thực rõ ràng rằng những văn này đích là thực của những tác giả đã định trên. Nhưng ta cũng không có lẽ gì ngờ là không thực. Cũng như trăm nghìn bài văn nôm khác; tác giả là ai phần nhiều không chắc. Nhưng những bài này vì có tính cách cá nhân và địa phương, nên ta có thể tin được. Năm bài này là rất quý cho văn Việt Nam, vì văn hay mà lại vào bậc cổ nhất trong những bài còn lại một cách tạm cho là chắc chắn.

\*

\* \* \*

Người đời sau đề vịnh đức Nghĩa Vương nhiều lắm. Ở hạ đường đền chính Ngài có bốn bài thơ khắc vào gỗ và sơn son thiếp vàng. Những bài ấy đã lục đăng nguyên văn chữ Hán ở trên (trang 13), nay xin theo thứ tự dịch âm và dịch nghĩa như sau này :

**1 - Nghĩa sĩ từ đường hà xứ biên ?**

*Bình Hồ ngạn thượng thảo thiên thiên  
Nhất sinh trung nghĩa Hoa Di kiến  
Vạn cổ cương thường nhật nguyệt huyền  
Tú thực vị vong do mạ Xế  
Văn sơn tuy tử bất hàng Yên.  
Bình Than đại bại Minh nhân ế,  
Chính thị tiên sinh sát tặc niên.*

**Hoàng Trưng.**

*"Nghĩa sĩ từ đường ở chốn mô ?  
Xanh xanh bãi cỏ bến Bình Hồ.  
Một đời trung nghĩa gần xa tỏ,  
Muôn kiếp cương thường chói lợi phô.  
Tú thực hãy còn, còn mắng Xế,  
Văn sơn tuy khuất, khuất đâu Hồ.*

*Bình Than một trận Minh tan vía,  
Chính lúc Tiên sinh giết kẻ thù."*

**2 - Giang sơn mai một tấn kham ta**

*Nghĩa liệt phương danh độc bất ma  
Nhân nhân quyết lai hoàng Bắc tặc  
Quốc thư tê vãng tục Đông a  
Lam kiều thạch loát cô thân bút  
Yên tự lô oanh chính khí ca  
Thiên tái tinh linh thê thâm địa  
Tịch dương, cổ thụ, khiêu hàn nha.*

**Nguyễn Tái**

Tiến sĩ khoa Tự Đức Mậu thìn (1868) và

**Lệ Trinh**

Cử nhân khoa Tự Đức Canh tuất (1850)

Làm năm Tự Đức Nhâm thân (1872)

*"Non sông vùi lấp, khắp đều than  
Chỉ có cô trung tiếng vẫn toàn  
Khoét mắt nuốt tươi kinh giặc Phụ  
Mang thơ đi quyết cứu giòng Trần  
Cô thân, nét bút, cầu Lam tạc  
Chính khí chùa Yên tiếng sấm ran*

Muôn thừa hồn thiêng đây quanh quẽ,  
Bóng chiếu, cây cỏ, quạ rầu van”.

3 - Yên tự Lam kiều cổ thạch thành.

Nghĩa Vương di miếu bính đan thanh.  
Thiên thu nguyệt chiếu cô thân phách,  
Ngũ dạ triều sinh mạ tặc thanh  
Xú lỗ an năng sát Văn tướng,  
Hoàn danh tương dục tí Nhan Khanh.  
Chí kim cố lý kinh sơ độ,  
Tiết liệt y y khí hậu sinh.

**Trương Khuê** (Huấn đạo

Quỳnh lưu trí phủ Đức)

“Cầu Lam chùa cũ đá Lam Thành,  
Miếu Nghĩa Vương còn rạng sử xanh.  
Giảng dạy phách cô thân, vạn thừa,  
Triều lên tiếng máng giặc, năm canh.  
Giặc hèn đầu giết nối Văn tướng.  
Tiếng tốt còn dăng mãi, Nhan Khanh.  
Bước tới lần đầu nơi xóm cũ,  
Trông gương tiết liệt tráng tâm sinh”.

4 - Đông a nhật mộ khí hoàng phân,

Mã sậu hoa nguyên thuộc gián thần.  
Năng diễm nhân đầu năng diễm Phụ.  
Thượng tôn ngô thiết thượng tôn Trần.  
Số thanh mạ tặc hương thiên địa,  
Cửu tự (1) để kiều khắp quý thần.  
Thê thâm Bình Hồ thiên cổ miếu,  
Y y chính khí dẫn thanh phân.

**Nguyễn Tuân** (Tri phủ)

Giời Đông a tối, kéo mây vàng :  
Việc sử thời đành mặc gián quan.  
Hay nuốt đầu người, hay nuốt Phụ,  
Hãy còn lưỡi Biếu hãy còn Trần.  
Vài câu Máng giặc giờ vang chuyén.  
Chín chữ để cầu quý khóc than.  
Quanh quẽ Bình Hồ trợ cổ miếu,  
Mùi thơm chính khí nức nhân gian.

5 - Bất quán hưng vong định túc nhân.

Hồi thiên tràng chi cường tôn Trần.  
Thử châu thê thảng huân xao địa,

(1) Theo trên thi chi có tám chữ; nhưng cũng có truyền lại rằng còn có chữ  
Thần 臣 trên chữ Nguyễn Biếu tử “Thần” là ý để tin cho vua biết.

Chung cố cương thường tiết liệt thân,  
Lam phổ triều phi ưng ngật trụ.  
Thành sơn thạch lão vị phong trần.  
Kinh qua tái bãi chiêm từ miếu.  
Chính khí ngâm thành khí bạch vân.

**Dương Quế Phổ** (Giải nguyên,

khoa Tự Đức Mậu dần (1878) người Quỳnh Lưu)

"Chẳng quản hưng vong tự hóa công  
Kéo gời cứu chúa quyết ra công.  
Lạnh lùng một áng đầy hương khói.  
Tiết liệt ngàn năm rạng tâm lòng.  
Lam phổ triều về cầu vẫn đứng,  
Thành sơn đá cũ bụi nào phong.  
Qua đây trân trọng thăm từ miếu,  
Chính khí kia : mây bạc giữa không."

6 - Thế gian sở vị kỳ nam tử,

Diệc hữu nhân nghĩa nhi dĩ hi,  
Khổng viết : "sát thân dĩ thành nhân"  
Mạnh viết : "xả sinh nhi thủ nghĩa"  
Liệt liệt oanh oanh tổ nhất trường,

Thiên tài chi hạ vấn phong khi.  
Lưu thủ đan tâm chiếu hạn thanh.  
Ta hổ ! trượng phu đương như thị.

**Đoàn Chí Tuân hiệu Bạch Xi** (1)

Thế gian đã gọi bậc trai giỏi,  
Cũng cốt nhân nghĩa làm nguồn cội  
Khổng bảo : "Liễu mình để gây nhân"  
Mạnh bảo : "Quyên sinh mà giữ ngãi"  
Rột rột rầm rầm nên một trường,  
Nghìn thu nghe tiếng lòng phẫn khởi.  
Để lại lòng son chói sử xanh  
Hỡi đứng trượng phu như thế phải !"

7 - Quân trung số ngữ lịch can trường,

Tráng chí quyên khu tráng quốc quang  
Thiên cổ Bình Hồ linh miếu tại  
Lê Hoàng hữu đạo dị Minh Hoàng.

**Vua Tự Đức**

"Trong quân thét mắng liệt can trường,  
Tráng sĩ quên mình nước vè vang.

(1) Sinh đồng thời với cụ Phan Đình Phùng nổi tiếng hay chữ và có chí lỗi lạc

*Muôn thừa Bình Hồ đèn lấm liệt,  
Lê Hoàng có đạo khác Minh Hoàng.”*

8 - *Trùng Quang thiên tử cửu mông trần  
Thụ mệnh quân tiền thuộc tránh thần  
Kháng khái chính ngôn tội tặc đảng  
Trượng phu mưu quốc, khí mưu thân.*

**Phạm Huy Khiêm**

*“Trùng Quang lặn độn chạy bao lần,  
Vâng mệnh trong quân nọ gián thần !  
Kháng khái lời ngay trùn bọn giặc,  
Trượng phu lo nước há lo thân !”*

## **BÀI BIA CỦA ÔNG HOÀNG XUÂN PHONG (1)**

“Chính khí trong gười đất, đối với người, lớn lao thay. Khí ấy không khuất, không quanh. Gặp tiết lớn, không thể lẫn mất. Vậy những người xưa đã quên sống để giữ nghĩa, liều mình để gây nhân, tiếng truyền lại cùng vũ trụ mà không tàn hủ. Nay kính nhớ tới đức tôn thần Nghĩa Vương họ Nguyễn. Ngài sinh ở huyện Chi La, làng Ba Hồ xưa. Khoa, đậu Thái học sinh; quan, làm Thị ngự sử. Tinh Ngài cương trực, vào triều giám

(1) Xem nguyên văn chữ Hán trang

can. Gặp lúc nhà Trần vận hết, giặc Bắc vừa sang. Đắp thành đối luy giặc, tìm mưu giữ nước nhà. Triều đình chọn người sang trại giặc. Ngài không ngần ngại không sợ hãi, xin đi. Tới nơi không run không sợ, nét mặt vững vàng, lời nói mạnh bạo. Giặc biết rằng không thể lấy uy mà bức hiếp, đã lấy lễ mà mời về. Bèn có Liêu, Hựu là bọn gian thần, thâm quen với giặc ; bảo sai chặn đường về mà bắt lại. Ngài trở lại qua cầu Yên Quốc ; cài lại không kiêng, lấy chết làm chắc với lòng. Thế mà giặc Phụ vẫn cam tâm ư !

Đến ngày chết, Ngài để chữ ở cầu, mắng giặc ba ngày không dứt. Thực là hùng tráng thay !

Khi lớn lao sáng láng của Ngài, là lòng nghĩ tới vua mắt xem không giặc. Gan trung, phủ nghĩa, trái bao nắng gắt sương thu. Nước triều lên xuống, mà tiết Ngài không theo chìm nổi ; cầu cũ đổ nát mà tiếng Ngài không phải hư tàn. Giặc Bắc sao giết nổi Ngài được ! mà lại còn dâng Ngài tiếng hay. Ấy là, vì sống đã rạng thì ắt chết phải thiêng. Nghịch tặc chung qui đều chết mà nước nhà nhờ đó mong còn. Danh tiếng thiêng của Ngài chắc có ngầm giúp vậy. Ngàn đời tiếng ngợi, một vùng khói hương. Các quan to, nho giới đời đời đều vui chuyện bàn khen. Cái phong vận Ngài để lại ngàn đời sau còn đủ làm hứng khởi lòng người. Thực là, khí mông mênh, lấm liệt vạn đời còn.

Phong tôi đây, kẻ hậu học ở Yên Hồ làng Trỏ, cùng là giòng giõi họ ngoại ; từng trọng đức thiêng, kính phục danh tiết, muốn rằng cái chính khí ấy cùng với non sông truyền lại lâu dài. Nên dám làm bài minh này để ghi lại.

**Minh rằng:**

Trương phu chí khí    Rường cột nước nhà  
 Tử sinh như một    Giường môi tròn ba  
 Núi Thành đứng sực    Sông Lam bao la.  
 Núi cao sông rộng    Tiếng Nghĩa Vương ta  
 Tự Đức năm 28 tháng năm ngày mồng hai  
 Tri phủ Kiến Thụy, Cử nhân, Làng Nhân Thọ  
**Hoàng Xuân Phong (1) kính ghi**  
**Tú tài Trần Doãn Huy kính viết**  
 Thanh Hóa, thợ đá làng Nhồi **Hoàng Đăng Ngụ**  
 Kính khắc

(1) Ông Hoàng Xuân Phong, thế tôn ông Hoàng Trùng. Cuối đời Tự Đức làm Án sát Lạng Sơn. Lúc Lạng Sơn thất thủ, triều đình triệu về làm Tuần phủ Hà Tĩnh để chiêu dụ lòng dân. Nhưng, ông bị bệnh không chịu uống thuốc, để chết. Trước lúc chết, có làm hai đôi câu đối tự đối. Một đôi nôm và một đôi chữ Hán. Câu đối nôm:

Kế vai cật cả gánh giang sơn, sức hèn chẳng nổi;  
 Ra tay cứu một phương thủy hỏa, việc dở chưa xong.  
 Câu đối chữ:

Thiên tài hướng thủy luân, tri ngã giả, bất tri ngã giả;

千載向誰論, 知我者, 不知我者.

Tam sinh hốn nhược mộng, như chi hà, mạc như chi hà.

三生澤若夢, 如之何未如之何.

"Nghìn thừa" nói cùng ai, ai biết bụng ta, ai chẳng biết?

Ba sinh nương giấc mộng, còn làm sao được, tính làm sao.

**NGHĨA VƯƠNG CHÍNH KHÍ CA (1)**

Phong thiêm triển thư độc.  
 Chính khí ca cần tục một thiên.  
 Dâng lên Thánh đức ngự tiền,  
 Huyền nhật nguyệt dám xung dương bao xiết.  
 Tin Quốc công khi chẳng đầu Tất Liệt  
 Dụng khúc ca thổ hết tám trung trinh  
 Thơ rằng:  
 "Thiên địa hữu chính khí: tạp nhiên phú lưu hình  
 Hạ tắc vi hà nhạc, thượng tắc vi nhật tinh.  
 Ư nhân viết hạo nhiên, bái hổ tắc thương minh".  
 Khuôn tú linh đức nên người thiên cổ  
 ..... (2)  
 Vĩ nhân bì sánh với danh nhân bư binh  
 Thanh di hội thế bình chúa thánh  
 Trong miếng đường đùng đình đại cân.  
 Chi ra làm khang tế kinh luân

(1) Bài ca này người ta thường đọc để cầu Ngai. Bài này chắc mới làm vào khoảng đời Tự Đức, vì trong bài phần nhiều là vay mượn ở các bài thơ trên.

(2) Sót mất một câu.

Tay tri trạch quyết quân dân Nghiêu, Thuấn  
“Thời cùng tiết nãi hiện”  
Câu Mạnh đồ đa suyễn quân chi  
Thơ rằng : “Gia Cát an Hán Tộ di”  
Đức Nghĩa Vương vừa gặp lúc Trần suy điên bá  
Người Trương Phụ đưa thư cầu Trần phái.  
Cờ Khâm sai phơi phơi rộn ba quân.  
Vận nha Trần mười hai lá hầu chung.  
Lời oanh thế anh hùng tỏ mặt.  
Trời đất nhẽ ! thua bại vàng hiu hắt,  
Xe lục phi chạt rật hạnh Chi La.  
Tuyển hoàng hoa chiếu mệnh đài thần.  
Khâm lệnh chỉ đảo ngay sân giặc Phụ  
Yến gia tân thiết một bàn nhân thù,  
Miếng ngọt ngon no nghĩa phủ trung can.  
Trương Phụ đã rụng mặt mê hồn  
Chắc chắc lưỡi gươm ghê khen tiết nghĩa  
Ba quân nợ xót lòng kính úy ;  
Đâu cũng là thiên lý tại nhân.  
Thiên tâm hay chẳng vị Trần,  
Gươm cho mặt gian thần Liêu, Hựu nó ;

Lưỡi hoàng (1) rống (2) kia kia nọ nọ,  
Xút lòng tham Trương Phụ mới hồ nghi.  
“Đỉnh hoắc cam như di”  
Chí liễu quyết tận trung khi vị Quốc  
Dòng Lam nước xanh xanh biếc  
Lưu thanh danh chiếc cột cương thường.  
“Hảo oanh oanh liệt liệt tố nhất trường”.  
Nhiên nhiên, vừng kim sương ngọc tuyết,  
“Yên quốc chung tàn kim cổ nguyệt”  
Làng bạch vân phát phát hồn tiên  
Nợ cung tên giả với non sông.  
Sấm trung nghĩa ùng ùng trong vũ trụ.  
“Nhân sinh tự cổ thù vô tử  
Lưu thủ đan tâm chiếu hạn thanh.  
Miếu Bình Hồ ngọn cỏ xanh xanh  
Cái hàn nha kê trên cảnh tà dương,  
Lê triều lâm ngự vạn phương,  
Sắc phong Thượng đẳng đại vương phúc thần.  
Lịch triều phong Hộ quốc ti dân.

(1) Hoàng nghĩa là cái sáo ; lưỡi hoàng là lưỡi gà ở miệng sáo, miệng kèn.

(2) Rống : kêu to



## **CHUYỆN Ý LAN VĂN NÔM LỤC BÁT CỦA TRƯƠNG THỊ NGỌC TRONG SOẠN NĂM 1759**

Trong hồi tôi tìm kiếm tài liệu về LÝ THƯỜNG KIỆT, tôi đã thấy thần tích Hoàng Thái Hậu Ý LAN, mẹ vua CÀN ĐỨC (Nhân Tông) triều LÝ, cũng là người cầm quyền cùng Lý Thường Kiệt trong thời kỳ vua còn nhỏ, tức là thời Tống Lý chiến tranh. Thần tích ấy đã được diễn ra văn nômi lục bát vào năm 1759 bởi một bà Cung tần Thị nữ chúa Trịnh. Nhưng bản thần tích không đủ tính cách tài liệu sử học, cho nên không thể giúp vào công trình khảo cứu về Lý Thường Kiệt của tôi. Trái lại, sau việc ấy, tôi đã biên THI VĂN VIỆT NAM. Tôi đã dự định xuất bản những tiểu thuyết bằng văn nômi lục bát có tính cách dân gian soạn vào đời Lê, trong đó chuyện Ý LAN này là tập đầu tôi định đem ra in. nhưng thời thế chẳng tùy lòng, nên dự án đành bỏ dở. Nay tôi lấy lại công trình cũ ấy và sẽ đăng sau. Tôi cũng giữ những lời tựa dẫn phác ra hồi ấy.

## TỰA

Việt văn đời Lê rất thịnh. Phần lớn văn vần, thi, từ, phú, ca nay còn, đều soạn vào thời ấy hay sau đó một ít ; đời Tây Sơn và thời đầu Nguyễn nó chỉ là buổi kết tinh của thời tiến triển trên. Phần văn dân gian được tồn tại nhờ phường bán sách Hàng Gai đã cho khắc ván và bán cùng chợ quê. Thật ra ở một xứ mưa dầm nước lụt, chỗ nhà dột binh đao, các văn bản cũ đã mất rồi mà các bản ván cũng mục hay cháy hết. Tuy vậy, thời thời, họ cho khắc lại, dập theo một văn bản cũ. Nhờ vậy mà một số chuyện hay ván khắc đời xưa đang còn. Một nguồn khác là có kẻ đã sao chép tay, vì một lý do đặc biệt mà bản sao được quý, cho nên cũng được giữ lại đến ngày nay. Các bản sao lại hay khắc lại thường bị sai hay chửa, vì kẻ thừa hành kém trình độ hiểu biết hay tự ý cho chửa lại "hay" hơn. Nói chung lại, các văn còn lại nhờ bản in ván của Phường Hàng Gai hoặc bởi một bản sao nào, thường bị nhiều khuyết điểm như sau :

- 1.- Được lưu truyền một phần ít
- 2.- Văn bản còn lại sai suyễn nhiều
- 3.- Gốc tích văn kiện hay tác giả đều không ghi
- 4.- Không tồn nghi, không giải thích

Mục đích Tùng san này là tìm cách bổ cứu những khuyết điểm ấy.

Tập đầu Tùng san (NÔM CŨ) là CHUYỆN Ý LAN này, được chọn bởi nhiều lẽ. Trước hết, chuyện là chuyện cổ tích

nước ta, mà vẫn lại là văn Nôm. Chuyện có tính cách lịch sử, văn là thể lục bát, bình dân, lời lẽ trong trẻo, không bị lối học văn chương cử nghiệp làm nặng nề. Sau là còn biết gốc văn từ đâu ra, tác giả là ai và làm năm nào. Gốc văn là Thần tích, tác giả là một phụ nữ (sự này càng thêm quý) tên Trương Thị Ngọc Trong, Thị nữ Cung tần hầu bà chúa TRINH DOANH ; văn viết xong năm 1759.

Văn bản tuy đã sao lại, có sai rõ ràng một ít chữ, nhưng vì chưa được phổ biến, cho nên số và sự sai không nặng và có thể hiệu đính. Đó cũng là một việc tôi đã làm. Bản này có năm soạn, có hiệu đính, sẽ có thể dùng để so sánh với các bản văn cổ khác mà khảo chính.

HÀ NỘI 1949 - PARIS 1984  
HOÀNG XUÂN HÂN

## 1 - GỐC CHUYỆN

Bài ca này là bài diễn thần tích đền xã DUONG XÁ thuộc huyện Siêu Loại, phủ Thuận Thành xưa. Đền thờ Hoàng Thái Hậu mẹ Lý Nhân Tông, tức gọi Ý LAN. Bà là một nhân vật quan trọng trong sử ta, và có sự nghiệp chép ít nhiều trong *Sử Ký Toàn Thư* (viết tắt TT). Thần tích không cho biết thêm gì, ngoài những sự tin ngưỡng dị đoan về Phật Lão mà những nho gia viết sử thời Lê bỏ đi. Trong lời DIỄN NGHĨA sau, sẽ theo sát nguyên văn mà kể chuyện. Sau đây, là tóm tắt đại cương :

Làng Thổ Lỗi, huyện Gia Lâm, phủ Thuận Thành, trấn Kinh Bắc, có ông họ LÊ, làm quan tại Thăng Long, nhưng vẫn thanh bần ; cho nên vợ, hiệu là TĨNH Nương, phải ở quê làm vườn. Bà sinh được một gái, đặt tên là KHIẾT Nương, rất xinh đẹp, nét na. Năm con lên mười hai tuổi, mẹ mất. Lúc hết tang vợ, Ông lấy vợ kế, họ ĐỒNG, để nuôi con ở quê. Chẳng may Ông cũng mất. Đồng Thị và Khiết Nương rất là cùng khổ, nhưng vẫn chăm lo việc ruộng nương. Nàng lớn lên, thành xinh đẹp. Thương di, tin Phật, nàng những mong kết được lương duyên ; cho nên thường thâm kín tới chùa ban đêm, cầu Phật cho được toại nguyện, và nguyện sẽ làm nhiều công đức để đền ơn.

Bấy giờ vua Lý Thánh Tông ở ngôi, đã 38 tuổi mà chưa có con trai. năm Giáp Thìn (1064), tháng 3, Vua sai mở hội ở sân Cung vua, và ra lệnh cho các gia đình có con gái đẹp phải tới xem hội, ý là muốn để tuyển cung nhân. Rồi lại nghe đồn chùa Lỗi Hương rất thiêng, có thể đến cầu tự. Vua sai lập đàn mở

hội ở đó, và rao cho biết ai mà giấu con gái không cho đi xem hội thì sẽ trị tội. Tuy vậy, Đồng Thị bảo Khiết Nương cứ đi nhật cỏ như thường. Khi ấy có một người gánh dầu đi bán qua chỗ Khiết Nương làm việc ; y an ủi nói rằng Nàng sẽ nên đứng cung phi, vì đang có đám mây ngũ sắc che đầu.

Xe vua thấy hội, đỗ lại ở trạm Cầu Bầy ; nhìn thấy có người không tới xem hội, mà trên đầu lại có đám mây màu. Vua bèn đòi tới chất vấn. Nàng trả lời là bởi nghe lời di, và nghèo. Vua hỏi đã có chồng chưa ; Nàng thưa rằng : vì nghèo, không ai hỏi. Vua bèn sai rước Nàng về Kinh, sai người dạy dỗ, cho ở Lan cung và phong chức Ý LAN phu nhân, vì vua đã thấy Nàng trong đám cỏ lan. Vua khuyên nàng cố cầu tự để sinh Hoàng Tử. Nàng thường sai tên Nguyễn Bông đi cầu ở chùa Thánh Chúa (làng Dịch Vọng ngày sau). Sư trụ trì là Đại Diên. Thấy hỏi Bông có muốn làm vua thì Thầy giúp. Bông do dự. Thầy nói : Bông kiếp trước làm nhiều công đức, kiếp sau được làm vua. Muốn vậy thì cứ tìm chỗ nắp nhìn Phu nhân tắm. Nguyễn Bông theo lời, bị bắt quả tang và kết tội xử trảm. Bông xin đem mình tới hỏi Đại Diên. Thầy chỉ cười mà bảo : thân này có tiếc làm gì. Ý Lan có mang rồi sinh Càn Đức (1066) : được phong hiệu THẦN PHI , và con được phong Thái Tử. Sau lại sinh một Hoàng Tử thứ hai : Sùng Hiền Hầu.

Thần phi, được vua yêu quý, lấn át cả Hoàng hậu họ Dương. Cho nên khi đi đánh Chiêm Thành (với Lý Thường Kiệt 1069), vua trao việc nước ở nhà cho Phi. Tháng trận trở về, nhân dân hoan hỉ. Nhưng Vua biết sắp mất, bèn dặn Thần phi sẽ cầm quyền bính cho đến khi con khôn lớn sẽ trao quyền.

Năm Nhâm Tý (1072) Thánh Tông mất, con mới bảy tuổi, Ý Lan được phong Thái hậu, cầm quyền binh (1). Nhờ công Lý Thường Kiệt, nước khỏi họa ngoại xâm. Nhân dân hưởng thái bình. Thái Hậu mở hội mừng rất lớn. Nhưng có điều áy náy, là vua Càn Đức và em đều chậm có con. Thái Hậu làm nhiều công đức ở Kinh kỳ và Tứ trấn để cầu phúc. Lại sai người đến chùa Thánh Chúa cầu tự. Có một đệ tử thầy Đại Điền mách rằng: “kiếp trước vua là một hoạn quan, cho nên vua không thích gần cung phi”. Vua buồn, hỏi ý mẹ. Thái Hậu kể thật chuyện Nguyễn Bông đã đầu thai. Vua rõ chuyện, bèn định tìm nuôi người tông thất để nối ngôi. Năm Bính Thân (1116) vợ Sùng Hiền Hầu sinh con trai, đặt tên Dương Hoán, là hóa thân của thầy Từ Lộ trụ trì ở núi Sài Sơn. Về chuyện đầu thai này, thần tích không kể những chi tiết còn thấy chép trong các sách đời Trần như VSL và *Thiên uyển tập anh* (xem phần chú thích trong chuyện). Thái hậu còn được thấy sự lập Dương Hoán làm Thái Tử để nối dòng mình. Một năm sau, ngày 25 tháng 7 năm Đinh Dậu (1117) Thái Hậu mất.

Chuyện kể trên đây là lời dọn lại thần tích viết bằng Hán văn mà ngày xưa đến nào cũng có, không những để dân phụng

---

(1) Đoạn này Thần tích bỏ qua sự Thái hậu được Lý Thường Kiệt giúp sức, trừ khử Thái Hậu Thượng Dương, phá các thành Ung, Khâm, Liêm trên đất Tống, rồi căn quân Tống trên sông Như Nguyệt, Phú Lương. Trong chuyện chỉ nói qua “đẹp yên giặc”. Thần tích cũng đã cố ý bỏ qua những điều không hay cho Ý Lan và Lý Đạo Thành tán trợ Thái Hậu chính thức Thượng Dương. Việt sử lược (VSL) chép rằng ngày mồng 8 tháng 4 năm Nhâm tý (1072), vua chọn Thường Kiệt làm Thái úy và truất Đạo Thành, nghe lời mẹ xui, giam cầm Thượng Dương và bức tử cùng 72 thị nữ.

thờ biết chuyện thần minh, mà cũng là lời làng có đến khai và nộp lên Bộ Lễ để vua phân hạng mà ban sắc. Chính vì lẽ ấy mà thần tích chỉ phản ánh một phần lịch sử nếu thần là một nhân thần. Thần tích này kể khá đúng với những chuyện còn thấy trong VSL, sử đời Trần còn lại. Có một vài thời điểm sai, nhưng với văn bản ngày nay, ta có thể coi đó là sai vì sao chép. Sự quan hệ hơn là chuyện kể nặng về phần mê tín dị đoan, như chuyện người hàng dầu, chuyện sư Đại Điền, chuyện Nguyễn Bông, và chút ít về chuyện sư Từ Lộ, chuyện thơ sấu đục vỏ cây và lời sấm rêu mọc thành chữ trên tường. Nhưng ta phải hiểu rằng đó là tín ngưỡng dân gian thời xưa, nhất là đời Lý, thì cả từ vua đến dân, từ kẻ sĩ đến người vô học đều nhiệm tư tưởng Phật, Lão, Thần kỳ. Sử nhà Lý, viết đời Trần (VSL) còn chép chan chứa những sự lạ. Như vậy thì thần tích sao mà bỏ qua được. Thần tích chỉ khen Thái hậu Ý Lan, chứ không nêu tội lỗi; đó là sự dĩ nhiên. Còn sử, nhất là sử viết đời Lê, với quan điểm Nho học, đã nêu đủ mọi dạng để phê bình: ví dụ tính ghen của Ý Lan đối với Hoàng Hậu Thượng Dương. Có lẽ Thánh Tông đã mất một cách đột ngột; tuy yêu Ý Lan, nhưng không chính thức lập Ý Lan làm phụ chính cho con. Cho nên sau khi vua mất, Lý Đạo Thành vẫn ở vị thế tướng và Hoàng thái hậu Thượng Dương được giữ chính quyền (TT, VSL). Các sách ấy đều chép lời Ý Lan phàn nàn với con: “Mẹ già đã khó nhọc nuôi nấng con, mới có ngày nay. Bây giờ phú quý thì người khác giành mất chỗ. Họ sẽ đặt mẹ già vào chỗ nào? Vua (13 tuổi) bèn giam Thái hậu và 72 thị nữ (Theo TT thì 76) vào cung Thượng Dương, rồi ép phải chết theo vua Thánh Tông”. Sử thần Ngô Sĩ Liên, trước năm 1479, đã phê bình: “LINH NHÂN (Ý

Lan) tuy hiền sao mà nhân tâm đến thế! Vua còn nhỏ, không biết làm thế là quá. Còn Thái sư Lý Đạo Thành bị dời ra khỏi Kinh (đi Nghệ An), biết đâu cũng nhân chuyện này chăng?" Ý ngầm Sĩ Liên là trách Ý Lan đã đày Đạo Thành để hạ và giết Thái Hậu Thượng Dương. Sự thật quả đúng như vậy. Và vây cánh Ý Lan vốn mạnh. Chắc Lý Thường Kiệt, cầm đầu quân đội, cận vệ trong triều, ủng hộ Thái Phi. Bấy giờ đã xảy ra trong triều Lý một cuộc văn vũ, và tân cựu phân tranh như ở triều Tống bên Trung Quốc đồng thời. VSL chép trước chuyện kể trên: "Ngày mồng 8 tháng 4, lễ tắm Phật, vua (Càn Đức 13 tuổi) ngự ở điện Thiên An, các quan châu. Chọn Lý Thường Kiệt làm Kiểm hiệu Thái úy (cầm đầu võ ban) và Lý Đạo Thành làm Bình bộ Thị lang (xuống chức, trước là Tể tướng, chức Thái sư)". Xem đó ta hiểu rằng Ý Lan cũng là một tay chính trị. Một chứng khác về sự này là trong khi Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, không giao quyền nội trị cho Hoàng hậu Thượng Dương mà lại giao cho Nguyên phi, tức là Ý Lan. Sách TT mách rằng: "Vua đánh Chiêm Thành không thắng. Trở về. Khi qua châu Cư Liên nghe tin Nguyên phi (1) coi nội trị, nhân tâm vui thuận, đất nước yên lặng, tôn sùng Phật giáo, tục gọi là bà Phật Quan Âm. Vua nói: "Đàn bà còn giỏi như thế. Ta là con trai, sao lại kém?". Vua bèn trở lại đánh, bèn thắng."

---

(1) Vua Tự Đức (lời phê sách Khâm Định Việt sử Thông giám cương mục) tin đấy là Hoàng hậu Thượng Dương; nhưng đó chỉ là ý kiến của nhà Nho học, để HẬU trên PHI. Còn Lý Thánh Tông làm theo tâm, yêu tin PHI hơn HẬU. Và trong TT ở vài câu trên đã trở rõ: nguyên phi tức là Ý Lan (Đổi hương Thổ Lỗi ra Siêu Loại, vì đó là quê của Nguyên phi)

Trái lại, thần tích hầu như không biết đến sử đã chép những sự Thái Hậu đã làm vừa bởi từ tâm, vừa bởi chính trị. Vì như cứu các con gái nghèo đã phải tự thế nọ cho nhà giàu, bằng cách chuộc về rồi gả cho những đàn ông góa vợ (1103). Lại như vào năm 1117, trước khi Thái Hậu mất, Thái Hậu đã bảo con cầm trộm trâu và giết trâu, bằng những trừng phạt rất nặng không những kẻ có tội, mà cả gia đình và hàng xóm, vì mất trâu thì không cày được ruộng rồi nhân dân cùng quần. Như trên đã nói, tuy tin Phật giáo, mà Thái Hậu đã dung túng sự Hoàng Hậu Thượng Dương và 72 Thị nữ "tuần tử", nghĩa là theo lệ tự nguyện chết theo vua Thánh Tông; nhưng ta nên biết rằng sự thị nữ tự nguyện hay bị ép chết theo vua và hậu hình như thuộc lệ đang thời đầy mâu thuẫn mê tin. Sách VSL chép hai lần sự ấy nữa. Chính sau khi Thái Hậu Ý Lan mất, làm lễ hỏa táng với ba người tuần tử (tháng 8 năm Đinh Dậu 1117); và sau khi vua Nhân Tông mất, táng tại phủ Thiên Đức (Đình Bảng), vua đi Na Ngạn (Đông Ngạn) xem cung nữ "lên hỏa đàn để chết theo vua".

Còn đối với Phật sự, thì sử còn chép nhiều hơn Thần tích những "công đức" của Thái Hậu. Thái Hậu đã làm mới hay chữa lại ngoài các chùa kể trong chuyện (các vế 557-558, xem chú thích): chùa Sùng Thiện (núi Đọi) chùa Diên Hữu (Một Cột 1105), chùa và tháp ở núi Đại Lâm (Hàm Long, huyện Quế Dương 1086), chùa núi Yên Lão (1099), chùa Vinh Phúc ở núi Tiên Du (1100), ba quán (Lão giáo) Khai Nguyên, Thái Dương, Bắc Đế (có lẽ Trấn Vũ = Quán Thánh 1112), tháp Chương Sơn (1108), đài Động Linh (1109), chùa Thắng Nghiêm (1114), chùa Sùng Phúc tại quê nhà (Siêu Loại 1113) tức là chùa làng Dương

Xá, ngày sau để thờ Thái Hậu, và được đổi tên ra Linh Nhân tư phúc (Linh Nhân là tên thụy của Thái Hậu) theo các bia dựng vào khoảng năm 1636. Người đời sau cho rằng vì Thái Hậu đã ép 72 cung nữ chết, cho nên đã lập 72 chùa để sám hối.

Thần tích lại bỏ qua, hoặc không biết rằng Thái Hậu không những chăm làm Phật sự, mà còn là một Phật tử phụ nữ muốn tìm giáo lý và cả lịch sử đạo Phật ở nước ta. Tôi đã có dịp chép về sự này (xem *Lý Thường Kiệt*, XIV/2). Nhờ Thái Hậu, ngày nay ta còn biết ít nhiều về gốc tích Phật giáo ở nước ta. Sách *Thiền uyển tập anh* kể chuyện Thái Hậu hỏi các tăng trong một buổi họp ở chùa Khai Quốc ngày rằm tháng 2 năm Hội phong thứ 5 (1096) : ((Nghĩa hai chữ PHẬT và TỐ... Đạo tới xứ ta đời nào? Truyền thụ đạo ấy ai trước ai sau? mà sự niệm tên Phật, hiểu tâm tổ là do tự ý ai?)) (TU 19a). Trong đám có sư Trí không trả lời rõ ràng đầy đủ. Thái Hậu bèn tặng sư hiệu Thông Biện đại sư, và muốn tỏ rằng mình đã hiểu ý Phật, Thái Hậu đã kết luận bằng bài kệ sau :

SẮC THỊ KHÔNG, KHÔNG TỨC SẮC  
免色是空空即色

Sắc là không, không ấy sắc

KHÔNG THỊ SẮC, SẮC TỨC KHÔNG  
空是色色即空

Không là sắc, sắc ấy không

SẮC KHÔNG CÂU BÁT QUẢN  
色空俱不管

Sắc không đều chẳng quản

PHƯƠNG ĐẮC KHÉ CHÂN TÔNG

方得契真宗

Mới được đúng Chân tông

Bởi lẽ không lý do gì làm ta có thể nghi ngờ TUTA bia đặt, ta phải nhận lời văn của phụ nữ nước ta xưa nhất còn tồn tại đến nay là bài này (năm 1096) soạn bởi Ý Lan Thái Hậu. Còn một sự nữa có một không hai đối với một phụ nữ đời xưa nước ta, là tiếng tăm đã truyền đến kinh đô Trung Quốc. Nhà học giả trứ danh đời Tống, Thẩm Quát (1030-1094) đã chứng kiến sự thất bại cuộc xâm lăng Đại Việt; Trong sách *Mộng Khê bút đàm*, Thẩm Quát đã viết : “Nhật Tôn mất, Càn Đức lên; lấy hoãn quan Lý Thượng Cát và mẹ là Lê Thị Yến Loan

Thái phi cùng coi việc nước”. Mặc dù người Tống nghe tiếng Việt mập mờ, ta cũng đoán chắc đó là muốn nói đến Lý Thường Kiệt và Thái Phi Ý Lan đã họp nhau cầm quyền khi Càn Đức còn nhỏ tuổi (13 tuổi khi lên ngôi) trong khi đánh Tống, Thường Kiệt cầm quân, Thái hậu coi nội trị, đã giữ được quốc nội bình yên, Chiêm Thành không dám quấy nam thù. Sự nghiệp của Thái Hậu Ý Lan thật là quan trọng và ly kỳ quá sự tưởng tượng của dân gian đời sau.

## 2 - TÁC GIẢ CHUYỆN NÔM

Tôi đã thấy văn bản chuyện Ý LAN này chép phụ vào quyển gia phả họ TRƯƠNG ở xã NHƯ QUỲNH, thôn Lê Xá,

huyện Gia Lâm, trấn KINH BẮC ( Bắc Ninh ngày sau), nhan đề là :

“Kinh bắc Như Quỳnh Trương thị quý thích thế phổ 京北 如琼張氏貴戚世譜 *Qui thích thế phổ* nghĩa là gia phổ họ ngoại Chúa Trịnh, vì họ này có con gái sinh ra Trịnh Cương mà dòng giống giữ cho đến cùng ngôi chúa Đàng ngoài : Càng, Doanh, Sum, Tông, Cán, Bông. Người con gái ấy là Trương Thị NGỌC CHỦ ở ngôi Thái phi rồi Thái thái phi, chứ không phải là một thị nội cung tần. Ngoài ra Gia phả có chép năm tên “thị nội cung tần”, nhưng không thấy tên Ngọc Trong trong số ấy. Nhưng sự ấy cũng không chứng rằng tác giả chuyện Ý Lan không ở trong số năm người kia. Tôi sẽ phân tích tập gia phổ này khá quan trọng về sử liệu, và nhân đó đoán Ngọc Trong là người nào.





Sau đây là bảng thế thứ từ cuối đời TRẦN đến cuối đời LÊ : (lược)

Dời thứ

- 0 Phóng 放 (Thám hoa đời Trần)
- 1 Lôi 雷 (Bình Ngô Khai quốc công thần)
- 2 Chiến 戰 (Thiếu úy, quận công)
- 2 Nhi 而 (trấn Ái bắc: mộ ở Yên Thế)
- 3 Vị 渭 (Quốc công, bị giết bởi người Minh)
- 3 Mạc 幕 (Quốc công)
- 3 Loạn 亂 (giúp ba triều)

- 4 Trạc 卓 (lấy vợ quê xã Như Quỳnh, thôn Lê Xá)
- 5 Trình 程 (nhập tịch quê mẹ, thành lập họ TRUONG ở Như Quỳnh)

- 6 Đức Nhuận 德潤
- 7 Phúc Khiêm 福謙
- 8 Phúc Thiện 福善
- 9 Triệu 肇 (tặng tước Quận công)
- 10 Tuy 綏 (Đô đốc đồng tri, tặng quận công)
- 11 Lục 陸 (Đô đốc đồng tri, tặng quận công)
- 12 Nghiệm 驗 (giáo phường) (Đô đốc đồng tri, tg. qu. c)
- 12 Lục 錄 (Đô đốc Đ. t) (tước hầu)
- 12 Dự 禦 (1641-1716) (tặng quận công)
- 13 Nhân 姻 (Điểm 點) (thị nội cung tần, có bia khoản 1691 với lang)
- 13 Quảng 廣 (tán võ úy)
- 13 Ngọc Chử (vợ Tr. Bình) (th. th. phi) 1669-1750 玉渚
- 13 Nhung 仍 (Thiên qu. c) 1671-1736
- 13 Nhiều 饒 (Phân qu. c)
- 14 Đại 大 (tước hầu)
- 14 Hải 海 (t. tử)
- 14 Tr. Cương 1686-1729 lên 1709

- 14 Khuông  (Côn qu. c) (Thị nội Cung tần)
- 14 Viên  (Thị nội cung tần)
- 15 Tuyên  (Thị nội cung tần hầu Tr.Giang)
- 15 Đinh  15 Cân (cả hai thị nội cung tần)
- 15 Tr.Giang 1711-1761 1729-1740

Xét qua gia phả, thấy họ Trương này đời cuối Trần ở sách Khả Lam, dòng dõi của Trương Lôi là một tay chân gần gũi nhất Lê Lợi, từ khi khởi nghĩa đến lúc thắng trận và giải phóng đất nước hoàn toàn. Gia phả này viết vào khoảng cuối đời Lê, không chép nhiều về sự việc các đời đầu. Về tổ Trương Lôi, chỉ ghi rằng: “Ông hiệu Cự Thanh, vua ban cho họ LÊ và phong Bình Ngô Khai quốc công thần. Đóng quân ở Bắc Ái, đã giết Liễu Thăng. Vợ người xã Mai Sơn, huyện Yên Thế. Nhà thờ ở xã Tiên Táo, huyện Tiên Phúc; Táng ở xứ Đồng Vương, xã Dóng Hưu, huyện Hữu Lung”. Về cháu ông, là Trương Vi, chép thêm: “Đi sứ Bắc, vì ông nội đã giết Liễu Thăng, cho nên vua Minh ép uống rượu độc mà chết”. Các việc trên đều không thấy chép trong các sách *Dại Việt Sử ký toàn thư* và *Lam Sơn thật lục* soạn lại đời chúa Trịnh. May thay bản *Lam Sơn thật lục* cũ (tìm thấy ở Thanh Hóa bởi ty Văn hóa tỉnh này) cho hay rằng Trương Lôi quả là người rất thân cận với người đảng trưởng đóng hươu. Lôi đã có tên trong lời thề Lũng Nhai, đã đẩy Lê Lợi vào lỗ thân cây để nấp khi quân Minh lùng bắt. Lôi đã dự tất cả các trận lớn khi phải chống cự hoặc khi đánh úp, hay phản công tại địa phận Thanh Hóa, Nghệ An, rồi ra Bắc dọc sông Đáy. Cuối cùng, Lôi cũng đã dự tất cả các cuộc đánh như

Liễu Thăng vào thung lũng Chi Lăng và các trận tiêu diệt từ Chi Lăng đến xương Giang. Xong rồi Lôi lại được sai đem mấy bại tướng và cờ biển của Liễu Thăng sang phía Tuyên Quang báo tin Liễu Thăng tử trận cho Mộc Thạnh biết. Một sự lạ là khi sách *Lam Sơn thật lục* được soạn lại, thì tên Trương Lôi, hay Lê Lôi, hay Lôi đều bị bỏ, hoặc bị thay bằng một tên khác. Theo ý tôi suy đoán, Trương Lôi là một chân võ sĩ can đảm trung tín cho nên có việc gì can trọng, Lê Lợi cũng sai dự vào để báo tin (ví dụ việc đánh dọc sông Đáy), nhưng Lôi không có mưu trí để làm đại tướng. Trong danh sách gồm 35 người “công thần khởi nghĩa”, Lê Lôi đứng số 13 với lời chú: “làm tham triều hầu, quê lộ Khả Lam, được ban quốc tính vì đầu tiên đón tiếp voi nghĩa (Trịnh Khả đưa từ Ai Lao về dâng); và giúp việc nước”. Sau khi Lê Lợi tức vị, sai tạc tên những kẻ có công đáng thưởng, thì Lê Lôi cũng chỉ được đứng vào hàng huyện hầu (*Sử ký Q.11/67a*), thứ 27 trong số chung. Cuối cùng, trong sổ Lễ bộ Thượng thư Đàm Văn Lễ khai về “Khai quốc công thần” (năm 1500) có chép rõ sự nghiệp của Trương Lôi sau giải phóng: “Số 44, LÊ LÔI (1). Năm đầu đời Thuận Thiên (1428), giữ chức đồng tổng quản việc quân của vệ ở lộ Hà Bắc. Năm thứ ba Quang Thuận (1462) mất. Sinh thời, làm đến chức Thái phó. Năm thứ 15 Hồng đức (1484) tặng Thái phó Mục quận công” Tôi đoán rằng những sử gia đời sau không coi công Trương Lôi là đặc biệt, cho nên đã bỏ tên y trong đoạn sử cũ mà Lê Lợi

(1) Trong sổ tên công thần khai quốc còn có tên Lôi khác, là Phạm Lôi, cũng được ban quốc tính, Mỗi khi LSTL chép Lê Lôi, cũng có thể trở Lôi này. Nhưng Trương Lôi và Trịnh Khả thường công tác với nhau. Mỗi khi hai tên Lôi, Khả kèm nhau, thì phần chắc đó là Trương Lôi.

đã bảo viết hay tự viết với tình quý mến y đã cứu mình trong lúc khởi nghĩa phôi thai. Còn việc giết Liễu Thăng, thì cũng có thể là bộ đội của Trương Lôi đã giết, chứ không phải bản thân y giết. Dầu sao thì con cháu họ Trương được trọng dụng về việc biên phòng trong đời Thịnh Lê. Trụ sở ở vùng giáp giới Kinh Bắc Lạng Sơn. Bắt đầu cưới vợ quê ở Kinh Bắc, vùng Yên Thế, Tiên Du, Gia Lâm, v.v... Đến khi nhà Lê suy rồi sang đời Mạc tiến ngôi, thì họ Trương cũng suy; có nhánh nhập tịch quê mẹ ở làng Như Quỳnh: ấy là đời thứ 5 (xem bảng). Suốt năm đời, từ thứ 4 đến thứ 8, gia phả không chép cơ nghiệp và sinh hoạt ra sao. Có lẽ trong buổi Mạc Trịnh phân tranh, họ Trương chỉ lo nghề nông tang mà thôi.

Thế rồi, thịnh linh, từ đời thứ 9 đến đời thứ 12, gia phả chép một dây những vị có chức tước quận công vào giữa đời Trịnh. Ấy không phải họ đã lập được vũ công, nhưng chỉ bởi sau khi *Trịnh Cương* lên ngôi chúa (1709) thì mẹ tên là *Trương Thị Ngọc Chử* được tôn làm Thái phi, và họ Trương ở Như Quỳnh thành quý thích (họ ngoại) và rất được trọng vọng. Ba đời trước Thái phi được phong tước Quận công, và hai đời, cha và ông, được ban chức (có lẽ hư hàm) Đô đốc Đông Tri. Sự thật thì có lẽ đời cha ông Ngọc Chử có chức giáo phường trưởng, nghĩa là cầm đầu gánh hát có quyền biểu diễn ở các đình làng cũng như ở nhà thờ cung đình\*. Một chứng là gia phả chép rõ về *Trương Nghiêm*, đời thứ 12, bác của Ngọc Chử, rằng: “Đô đốc Đông Tri, tặng quận công” như các người trên. Nghiêm có con gái là Nhân, hay *Ngọc Điểm*, hay *Ngọc Diện*, làm thị nội

\* Xem chú thích (1) trang 75

cung tần hầu *Trịnh Căn* (làm chúa khoảng 1682-1709); thế mà trong bia liên hệ đến *Ngọc Điểm* lại cho hay rằng cha coi giáo phường. Bia này là bia “hậu” mà xã Như Quỳnh lập ra để ghi khoản ước giữa làng với Bà về sự thờ cha Bà ở đình làng. Bia dựng năm 1691 (Tân mùi) chứng rằng bây giờ Bà đã vào cung chúa *Trịnh Căn* (ở ngôi 1682-1709). Tôi nghĩ rằng tác giả *chuyện Ý Lan*, không phải Bà *Ngọc Điểm* này; Bà không chắc còn sống đến năm 1759 là năm viết chuyện. Bà này là gái đầu tiên họ Trương được sung vào hàng thị nội cung tần. Mà theo ý tôi, thì được vậy có lẽ vì Bà thuộc phường hát, vừa hát hay vừa có nhan sắc. Bia “hậu” kia cũng cho ta biết rằng *Trương Dự* (đời thứ 12) trong năm 1691 có chức ty phó giáo phường ty. Có lẽ cũng vì lẽ ấy mà con gái y được gán gửi với Công tử Vương tôn. *Trương Thị Ngọc Chử* thành vợ *Trịnh Bình*, sinh trai là *Trịnh Cương* vào năm 1686. Lúc bấy giờ, ngôi Thế tử ở cung chúa *Trịnh Căn* lọt vào *Trịnh Bách* là hàng thứ, vì khi con đầu *Trịnh Căn* mất (*Trịnh Vĩnh*), thì con trai y (là *Trịnh Bình*) còn bé quá. Bởi lẽ ấy, *Trịnh Bình* không mong có ngày được nối ngôi. Nhưng đến năm 1688, Thế tử *Trịnh Bách* mất; chúa *Trịnh Căn* lại lập lại dòng con đầu, nghĩa là cho *Trịnh Bình* làm Thế tôn. Rồi năm 1702, *Bình* cũng mất, dành lại cho con là *Trịnh Cương* quyền nối ngôi chúa *Trịnh Căn*. Năm 1709, *Trịnh Căn* mất, *Trịnh Cương* mới 14 tuổi, nối ngôi cố. Mẹ, là *Ngọc Chử*, được tôn làm Thái hậu, cùng các đại thần và anh em Bà, *Trương Nhưng*, *Trương Nhiều* có nhiều quyền thế. Họ Trương thành rất thịnh một thời.

*Ngọc Chử* lấy *Trịnh Bình* có lẽ sau khi *Ngọc Điểm* làm thị nội cung tần của chúa *Trịnh Căn*. Theo dã sử chép trong

Gia phổ thì sự ấy xảy ra hơi khác. Gia phổ chép rằng : “Bà sinh ra vốn xấu, nhưng tiếng hát hay. Lúc trẻ, Bà ở nhà quê làm nghề đồng áng. Một hôm Bà cắt cỏ dọc đường quan. Bấy giờ có cháu chúa, là Trịnh Bình, cưỡi xe đi qua làng Như Quỳnh. Ai ai cũng tránh. Chỉ Bà vẫn cắt cỏ như không nghe gì, và không tránh. Bà hát :

“Tay cầm bán nguyệt xênh xang(1)

Một trăm thức cỏ lại hàng tay ta”

và

“Mặc ai che tán che tàn

Ta đây mặc sức nghênh ngang cõi bờ(2)”

Tiếng hát lạnh lạnh. Trịnh Bình nghe, lấy làm lạ, bèn đòi tới, hỏi : “Ta qua đây ai cũng tránh. Chị là con gái nhà ai mà dám hát động đến tai ta ?” - Bà trả lời : “Tôi là con gái nhà quê. Tôi cắt cỏ cứ cắt cỏ. Vương xa đi cứ đi. Tôi cắt cỏ bên đường. Vương xa đi trên đường thì tôi phải tránh làm gì ?”

Trịnh Bình bèn dừng xe, gọi cha Bà tới, rồi xin đem Bà về cung. Sau đó bà rất được yêu quý”

Nên để ý đến sự tương tự giữa chuyện này với chuyện

Ý Lan. Chắc rằng sự ấy đã kích thích hành động của các

(1) Bán nguyệt : trở cái liềm, hình như trăng non. - Xênh xang : ra dáng không sợ ai ngăn cản việc mình làm ; ra dáng hỗn nhiên, tự chủ. - tay ta : từ dùng với cả nghĩa đen và nghĩa bóng.

(2) Nghênh ngang : ý cũng như “xênh xang” ở trên. - Cõi bờ : đây dùng ý trò sự mình thân nhiên làm việc ở bờ đường.

con gái họ Trương bấy giờ. Ngày sau đó, con cháu Bà đều lên ngôi chúa : Con là *Cương* (sinh 1686, lên 1709, mất 1729), cháu đầu là *Giang* (sinh 1711, lên 1729, phế 1740, mất 1761), cháu thứ hai là *Doanh* (sinh 1720, lên 1740, mất 1767), chắt là *Sum* (sinh 1739, lên 1767, mất 1782) v.v... Bà rất thọ ; 82 tuổi mới mất trong đời Trịnh Doanh làm chúa ; phong chức Thái tôn thái phi. Vậy Bà không phải là tác giả *chuyện Ý Lan* được.

Trong hàng các Bà (thứ 12 xem bảng), ngoài *Nghiêm sinh Ngọc Điểm* mà ta đã thấy, còn có *Trương Lục*, chắc cũng thuộc giáo phường. Y có con trai tên là *Quảng*. Quảng có nhiều con cháu, trong đó có ba cháu gái làm thị nội cung tần. Gia phả chép rõ rằng *Tuyên*, con *Đại*, tức con cả *Quảng*, “hầu chúa *Dụ tổ Thuận Vương*”, tức là *Trịnh Giang*. Còn hai người kia, hai chị em ruột, *Đĩnh* và *Cận*, con của *Hải* (con thứ ba *Quảng*), thì chỉ ghi “thị nội cung tần”. Tôi nghĩ rằng ba chị em này (hàng thứ 15) đều “hầu chúa *Trịnh Giang*” cả. Chúa này hoang đảng, nên đại thần, theo lời Thái phi họ *Vũ*, phế y (1740). Một trong ba người trên có thể là *Trương Thị Ngọc Trong*. Nhưng trong bảng trên còn có một thị nội cung tần nữa, là *Trương Thị Viên*, con gái *Trương Nhiều* *Phấn* quận công là em trai *Ngọc Chử* có ba em trai, hai người quan trọng là *Nhưng* và *Nhiều*. Sau khi *Trịnh Cương* được lên ngôi chúa, thì hai cậu được phong tước quận công, coi việc đề phòng hay quản lý trong phủ Chúa. Năm 1732, *Nhưng* coi trấn *Nghệ An* là nơi then chốt miền nam, và *Nhiều* coi trấn *Hải Dương* là bình phong miền bắc. Tuy vậy, từ khi *Trịnh Giang* lên ngôi chúa, có bọn hoạn thần gièm pha với chúa rằng có đảng đại thần đã không tán thành việc *Trịnh Cương* đã chọn *Giang* làm Thế tử, trong đảng có *Trương Nhưng*.

Sau đó Nhung ở trần bị ép uống rượu độc mà chết (1736). Tuy vậy Trương Nhiêu vẫn được trọng dụng; con trai trưởng, Trương Khuông, cầm quân đánh giặc, được phong tước quận công (Cổn quận công), con gái út tên VIÊN, làm thị nội cung tần. Đây là người con gái thứ năm trong họ Trương có chức “thị nội cung tần”. Trong các người ấy, *Trương Thị (Ngọc) Viên* này có họ gần với Thái tôn Thái phi Ngọc Chử hơn hết. Tuy gia phả không cho biết năm sinh, nhưng xét qua thứ tự các thế hệ họ Trương và họ Trịnh, thì ta có thể đoán rằng Ngọc Viên này được cô mình, Ngọc Chử, đưa vào Chính cung chúa Trịnh Cương, có lẽ hầu Thái tôn Thái phi, mà cũng có thể để hầu chúa, tuy rằng hai bên là cùng thế hệ rất gần, con cô con cậu. Trong văn bản *chuyện Ý Lan*, như ta đã thấy, có đề lục khoản rằng:

“Chánh phủ thị nội cung tần Thượng hòa

TRƯƠNG THỊ NGỌC TRONG soạn tả”

正府侍内宮常尚和張氏玉勳撰寫

Sự ấy khiến tôi nghĩ rằng đó là Trương Thị Ngọc Viên. Nên xét lại gia phả họ Trương một cách kỹ hơn, may chi có thể nhận hay bác ý ấy.

### 3 - VĂN BẢN VÀ VÁN

Theo lời phụ chú vào chuyện Ý Lan thì “Miếu ở phủ CHÍ NGUYỄN kinh căn cất giữ BẢN” Nghĩa chính của chữ Bản là tấm ván, và TÀNG BẢN, nhất là thời xưa trở sự giữ ván khắc kinh, sách. Theo vậy, thì hình như xưa có bản in; sự ấy không

lạ đối với vị thần Ý LAN và diễn giả thuộc quý thích chúa Trịnh. Và phủ Chí Nguyên này có, là bởi bà NGỌC CHỬ và chúa TRINH CƯƠNG lập ra để thờ phụng họ TRƯƠNG, là họ ngoại của chúa. Chử MIẾU 廟 ở đây thờ miếu thờ họ ấy, miếu được duy trì tôn kính đến cuối đời Trịnh, vì các chúa sau Trịnh Cương đều bởi bà Ngọc Chử mà ra. Xã Như Quỳnh mang tên bấy giờ là NHƯ KINH. Cương thường về đó chơi, định lập hành cung ở xã Cổ Bi (Cầu Bầy) gần đó. Tháng 10 năm Kỷ Dậu 1729, Trịnh Cương đi chơi quê mẹ rồi mất ở đó. Xem đó mới hay rằng miếu thờ họ Trương xã Như Kinh trong thế kỷ 18 quan trọng biết bao. ngày nay còn có di tích gì về ván khắc hay bản in nữa không?

Văn bản tôi đã dùng là bản sao giữ ở viện Viễn đông bác cổ cũ, với số mục A 959 và đề mục:

京北如琮張氏貴感世譜佐元宮府廟室藏

KINH BẮC NHƯ QUỲNH TRƯƠNG THỊ QUÍ THÍCH  
THẾ PHẢ

(CHÍ NGUYỄN CUNG PHỦ MIẾU báu tàng) (1)

(1) Vua Cảnh Hưng có ban cho miếu này câu đối sau: “Năm mươi năm, may áo diễn tuồng xưa; rõ rõ sân sơn truyền nghiệp đẹp. Ưc vạn thừa, tóc da on thắm; rành rành bút đỏ chép công to”.

Về trên nói rõ ràng rằng họ TRƯƠNG, nhất là Trương Dự đã cảm đầu giáo phường đóng tuồng hát ở sân chùa Trịnh và vua Lê, rồi vì vậy mà con gái nhiều người làm thị nội cung tần và Ngọc Chử đạt đến bậc Thái tôn Thái phi. Còn về dưới trở các con cháu Dự, là Nhung, Nhiêu, Khuông đã giúp chúa trị an, quản lý, hay dẹp loạn

Nghĩa là : “sách chép chuyện các đời về họ TRƯƠNG ở xã Như Quỳnh, xứ Kinh Bắc, là họ ngoại Chúa. Phủ miếu Chí Nguyên cung trân trọng giữ” \*

Ở đầu văn bản chữ Nôm chuyện Ý LAN, có đề:

奉錄本族貴女張斐諒勳侍內宮嬪尚  
和尊太夫人摸玉京村奉事。

Nghĩa là : “Kính chép bài Quốc ngữ diễn ca chuyện cổ thần tích bà HOÀNG THÁI HẬU thứ ba triều Lý, được kính thờ ở thôn NGỌC KINH ; bài ấy soạn bởi con gái quý họ ta, là Bà TRƯƠNG, húy TRONG, chức Thị nội Cung tần, hiệu THUẬN HÒA Tôn Thái phu nhân”. Bản gốc của bản nguyên sao chắc là không sai sót nhiều, và cũng không bị sửa chữa mấy ; chứng là số âm cổ, từ cổ hay nghĩa cổ còn thấy nhiều, như bàng phụ ở cuối chuyện sẽ tỏ rõ. Một vài chữ sao sai, sẽ được chữa và giải thích trong phần H.D. (hiệu đính)

Thể văn “Quốc ngữ diễn ca” là thể lục bát. toàn văn có 606 vế ; trong đó có 598 vế Nôm. Văn lưng ở vế bát, theo văn thái đài các, đều ở chữ thứ sáu, trừ hai nơi (vế 520 và vế 596), ở vào chữ thứ tư.

Ta chớ quên rằng đây là một bài dịch thần tích. Vậy nội dung chuyện là theo văn chữ Hán. Mà văn thần tích là một lối văn tự sự. Vì vậy, toàn chuyện chỉ là văn kể chuyện, chứ không tả cảnh mà cũng ít tả tình, khiến ta đọc văn không

\* Còn có một bản phiên âm (bản B) khác, nhưng bản nôm cũng cùng là một. Sau này tôi cũng có so sánh it

thấy hứng thú. Nhưng lời văn gọn gàng giản dị, nhưng không quên dùng chữ đầy đủ mà không nặng nề. Nói tóm lại, văn vừa có tính cách bình dân, vừa có tính cách văn học. Văn dùng khá hiệp, ít ép, trừ một vài nơi (ví dụ văn IN với AN ở vế 596) ; lời đặt dễ dàng. Đối với những văn bình dân thấy trong các chuyện Nôm đời Lê còn lại, CHUYỆN Ý LAN này chiếm mức cao hơn cả. Phải chăng đó cũng vì ảnh hưởng của nghề ca hát truyền thống của họ Trương ?

Văn có thể chia đoạn như sau. Các mục tiết và mục đề đều tự tôi đặt ra :

Thứ tự	Tiết mục	Từ vế	Đến vế	Số vế
1	Gốc tích và quê quán	1 -	26	26
2	Mẹ mất	27 -	62	36
3	Dì ghè	63 -	88	26
4	Cha mất	89 -	106	18
5	Cầu duyên	107 -	142	36
6	Tuyển cung nữ	143 -	178	36
7	Vua cầu tự	179 -	216	38
8	Khiết Nương làm cỏ	217 -	260	44
9	Vua tuyển vào cung	261 -	318	58
10	Đại Điền lập kế	319 -	362	44
11	Nguyễn Bông đầu thai	363 -	412	50
12	Hoàng hậu giúp vua	413 -	464	52

13	Thái Hậu cầm quyền	465 - 510	46
14	Vua nuôi Hoàng Diệt	511 - 542	32
15	Tôn Phật trọn đời	543 - 568	26
16	Danh vọng triều Lý	569 - 606	38

Nội dung chuyện Ý LAN, ngoài sự ly kỳ một con gái thôn quê cũng có thể trở nên một Hoàng Thái Hậu, tỏ trạng thái không phong kiến của triều đình nhà Lý, còn các chuyện khác thì đầy đầy tin ngưỡng những thuyết luân hồi, quả báo của đạo Phật dân gian; chứ không mang dấu triết lý cao siêu về những thuyết sắc không của sự vật, thuyết Phật tính của chúng sinh. Nhưng vì tin quả báo, mà Thái Hậu đã làm công đức, nghĩa là những công trình xã hội như bắc cầu, dựng quán để tiện việc hành lễ giao thông, vẽ văn hoa thì tu bổ hay xây dựng những già lam nổi tiếng đến ngày nay. Ta cũng không quên rằng Ý LAN cầm quyền trong buổi nước TỔNG đem đại quân sang chực thôn tính nước ta; may Thái Hậu quyết tin dùng tài năng văn võ của Lý Thường Kiệt. Cả hai người đã biết lợi dụng sự mưu trí của tướng tá, sự dũng cảm của sĩ tốt, sự nồng hậu của nhân dân yêu nước, tặng phần bởi tin Trời đã định phần đất nước, Phật phù trợ kẻ tôn sùng. Hiểu như vậy thì hiểu một phần nào vai trò xã hội và quốc gia của Phật giáo trong dân tộc và nhà nước Việt Nam qua tất cả các thời đại.

## CHUYỆN Ý LAN

Hoàng Thái hậu thứ ba triều Lý

(Văn Quốc ngữ Diễn ca theo thần tích cũ)

Soạn bởi bà Cung tần Thị nội cung chúa Trịnh tên

TRƯƠNG THỊ NGỌC TRONG

### 1.- GỐC TÍCH VÀ QUÊ QUÁN

- 1 *Trời Nam gặp vận rồng bay*  
*Dân sinh vua LÝ ra thay trị đời*
- 3 *Chấp tay rủ áo trên ngôi*  
*Con thần cháu thánh đã vời thứ ba*
- 5 *KINH BẮC, phủ THUẬN, huyện GIA*  
*LỖI HƯƠNG, chôn ấy có nhà họ LÊ*
- 7 *Kiếm căn riêng một thú quê*  
*TỈNH NUƠNG điếu với phu thê phi nguyên*
- 9 *Bùa lành, mừng lại gặp duyên*  
*Chiêm bao xà hủy đời phen, phen mừng*
- 11 *Hoài thai đã đủ mười tháng*  
*Độc sinh một gái xem bằng tiên nga*
- 13 *Phương phi mây liễu, mặt hoa*

Má đào, môi hạnh, da ngà, lưng ong

15 Quỳnh tư, dao chát lạ lùng

Thốt cười, muôn tia nghìn hồng nở ra

17 Càng nhìn càng một nã nã

Thu ba thua sắc, xuân hoa thẹn màu

19 Mẹ cha mừng rỡ xiết đâu

Nâng niu vàng ngọc thế âu khác thường

21 Sạch trong như nước, như gương

Song thân mới đặt **KHIẾT NUONG** tên lành

23 Ví chăng Bồ tát giáng sinh

Ắt là Ngọc nữ Thiên Đình, chằng sai

25 Thông minh vốn sẵn hơn người

Tuổi vừa đôi sáu tốt tươi khôn bì

### H.D.(1)

2. **DÔI**. nv Trời/ muốn nói Thiên hạ chằng, nhưng không thông.

(1) Trong chính văn:

1- Chữ có gạch dưới: xem Hiệu đính.

2- Chữ có dấu "+" ở phía phải trên: tiếng cổ hay nghĩa cổ.

Còn các ám hiệu khác:

3- H.D.: Hiệu đính.

4- C.T.: chú thích điển tích hoặc tiếng cổ hoặc nghĩa cổ.

5- nv: Bản nôm viết

6- svtd: Sai vì tự dạng

7- A>B: Nguyên viết A, lời chữa ra B.

3. **TRÊN**. nv Lên/ không hợp ý; sai vì tự dạng <

8. **VỚI**. nv chữ Mãi 買, có thể đọc Mãi hoặc Mấy (với)

22. **TÊN**. nv Nga 娥 nghĩa là cô nàng; không thông. tôi theo ý mà chữa. Hoặc giả đó vốn là chữ Tính 姓 < 性

### C.T.

1. **Rồng bay** = lên ngôi vua.

2. **Đã sinh** = sinh đẻ ra. Tiếng chỉ dùng cho những kẻ được tôn kính.

3. **Chấp tay rủ áo** = Thành ngữ trò vua ngồi trên ngôi an nhàn mà nước vẫn thái bình nhờ chính sách tốt.

4. **Thần... thánh** = Sáo ngữ tôn xưng các vua chúa.

**Vời** = vì, vị, ,ngôi.

5. **Kinh... Gia** = Đồi Lê, huyện Gia Lâm thuộc phủ Thuận An (sau đổi ra Thuận Thành), xứ Kinh Bắc (Bắc Ninh và Bắc Giang).

6. **Lôi Hương** = Tên làng; đời xưa lớn, sau đổi ra Siêu Loại, gốc một huyện mới thời sau 京北 永定 嘉林

8. **Tĩnh Nương** 静娘 = nàng lặng lẽ dịu dàng.

**Điều với** = Hòa hợp với.

9. **Bùa lành** = Bùa mà đàn bà xưa đến các đền cầu tự được "thần thiêng" ban cho để đeo, và được coi là hay.

10. **Xà huy** = Trò chung loài rắn. Xưa tin rằng mòng thầy rắn thì sinh con gái.

**Đời phen** = Nhiều lần.

11. *Hoài thai* = Mang thai.

*Trăng* = Tháng.

12. *Độc sinh* = Trời ban cho, mà sinh ra ; Tiếng dùng cho kẻ được tôn kính.

14. *Hồng...hạnh* = Màu đỏ nhạt và màu đỏ thắm (hoa).

15. *Quỳnh...dao* = Hai thứ ngọc đẹp và ròn. tư chất thiên nhiên đẹp, không cần trang sức.

16. *Thốt' cười* = Nói cười.

17. *Một'* = Rất, toàn vẹn.

*Não nà* = Đẹp làm người ta ngắm mà vui thích.

18. *Thu ba* = Sóng thu. Mùa thu nước trong hơn mọi mùa, trời cũng vậy; Cho nên sóng thu chộp sáng. Thi nhân ví mắt cô gái đẹp với sóng thu.

20. *Thế âu'* = Thật là

22. *Khiết Nương* = Nàng trong sạch

24. *Ngọc nữ Thiên đình* = Con gái đẹp hầu trên cung điện vua Trời.

26. *Đôi sáu* = Hai lần sáu, tức là mười hai.

*Khôn'* = Khó

## DIỄN NGHĨA

1 Nước Nam đến lúc có vua. Dòng nhà Lý sinh ra, thay Trời coi dân. Nước yên ; Vua không phải khó nhọc. Đời đời đều giỏi. Bấy giờ đã đến vị thứ ba.

5 Ở xứ Kinh Bắc, phủ Thuận An, huyện Gia Lâm, làng Lôi, có ông họ Lê vui thú đồng ruộng ; làm ăn siêng năng, tiêu pha tần tiện. Sống cùng nàng Tĩnh, vợ chồng êm ấm như y nguyên.

9 Được bùa thiêng, mừng gặp hội may ; Mộng thấy điềm sinh gái, nhiều lần rất mừng. Mang thai đủ mười tháng ; bèn sinh ra một gái, trông đẹp như cô tiên.

13 Xinh xắn với mày cong, mặt tươi, má hồng, môi thắm, da trắng, thân eo. Thể chất trời cho trong sáng khác thường. Khi nói cười, nét mặt trông tươi như muôn nghìn đóa hoa màu sắc cùng nở.

17 Lớn lên. Càng ngắm càng thấy xinh, vui mắt : sóng thu sáng long lanh kèm mắt, hoa xuân tươi óng ánh kèm má hồng cô. Cha mẹ mừng khôn xiết ; chăm nom, yêu dấu như của qui, một cách đặc biệt.

21 Thấy vẻ con rất trong sạch, cha mẹ mới tìm chữ thích đáng để đặt tên là cô Khiết (nghĩa : trong sạch). Nếu cô không là Bồ tát Quan âm hóa hình thì cũng là tiên nữ trên Trời đây xuống. Thật đúng như vậy.

25 Cô vốn thông minh hơn người. Năm cô lên mười hai tuổi, tốt đẹp không ai sánh kịp.

## 2.- MẸ MẮT

27 *Ai ngờ gặp vận sinh Ly*

*TÌNH NUONG* tật bệnh thoát thì nặng thay !

- 29 Cháo cơm chẳng nhưng đêm ngày  
Trong khi số hệ khôn hay bản nân
- 31 LÊ CÔNG khôn trở việc quan  
Chị em chẳng có ai toan ai cùng
- 33 TÌNH NUÔNG nước mắt dòng dòng  
Đòi KHIẾT NUÔNG lại ở cong dưới màn
- 35 Mẹ con sau trước thờ than  
((Cửa nhà cần kiệm đơn hàn thiết thay !
- 37 ((Thương con bé dại thơ ngây  
((Châu Trần chưa định riêng tây chôn nào
- 39 ((Vi dụ "Thiên số nan đảo"  
((Gặp khi muôn một, làm sao bây giờ ?
- 41 ((Khuyên con vẹn đạo thảo thờ  
((Tam tông tứ đức, tóc tơ mưa lấm
- 43 ((Cha tuy tình nặng ân thâm  
((Mai sau cũng có tri âm, lạ gì !
- 45 ((Bây giờ con phải nghe DÌ  
((Nghĩa sinh, nghĩa dưỡng xem thì tây nhau
- 47 ((Mấy lời nhủ bảo xưa sau  
((Dinh ninh nghe lấy mới hấu phải con))
- 49 Bốn hàng châu lệ chá tuôn

Hoàng lương nhập mộng, hương hồn thoảng tan

- 51 LÊ ÔNG còn ở Trường An  
Chợt nghe tin mách, mới toan nẻo về
- 53 Đến nhà thăm thiết nhiều bề  
Thấy con than khóc, ngã kể một bên
- 55 LÊ ÔNG chua xót muôn nghìn  
Than rằng :((Gặp nỗi truân chuyên làm vậy !
- 57 ((Cửa nhà đơn chiếc nhường này  
((Tùy gia phong kiệm khi nay phải dùng
- 59 ((Lấy ai mà được cậy mong))  
Bèn dùng lễ bạc tống chung cho NÀNG
- 61 LÊ ÔNG thiết nghĩa tao khang  
Con thơ để một mình chàng giữ nuôi

### H.D.

29. NHÚNG. nv 𠵹 đọc Dúng ; nay cũng nói Nhung/  
Có lẽ xưa có âm tổ DL sau biến ra D hay NH (dô và nhô, dơ và nhơ, dát và nhất, v.v...) cũng như âm NL xưa biến ra Lhay NH (lời và nhời, lờn và nhơn, v.v...)

30. BÀN. nv 𠵹 đọc Bàn, nay biến ra Phàn/ Âm Bàn còn trong thanh ngữ cổ Bàn hoàn.

31. TRỞ. nv 𠵹 đọc Trờ/ Ý là làm cản trở, hợp với chữ Khôn (khò) ở trên. Đọc Giờ thì sai.

34. CONG. nv 工 đọc Cong, tức Klong biến ra ?/ Đọc Chung thì sai.

42. MUA LÂM. nv 淋 đọc Cát lâm, nghĩa là bùn và cát, trò cái bản thủ/ Lâm ví chữ Mưa là tiếng cổ mà người sao chép không hiểu nên chữa.

45. PHẢI NGHE. nv chẳng ra/ ý sai. Bản B chữa đúng ý

### C.T.

27. *Sinh ly* = Thân thiết mà ở cách nhau.

30. *Số hệ* = Số mệnh.

32. *Toan* = Tính việc.

36. *Thiết* = Đau như cắt ruột.

38. *Châu Trần* = Gả cưới giữa hai họ/ Điển : Đời xưa có hai họ Châu và Trần, nhiều đời gả con cho nhau.

39. *Thiên số nan đào* = Số trời khó tránh/ Thành ngữ Hán văn.

40. *Muôn một* = bất ngờ có sự không hay.

41. *Thảo thờ* = Xử một cách hiếu thảo đối với cha mẹ dù sống dù mất.

42. *Tam tông tứ đức* = Hai khái niệm người đàn bà tốt trong xã hội theo đạo Nho. Tam tông là ba điều theo : chưa chồng theo cha, có chồng theo chồng, chồng chết theo con trai ; Tứ đức là bốn đức tốt : việc nghề, vẻ mặt, lời nói, tính hạnh đều tốt.

*Tóc tơ* = Một mây.

44. *Tri âm* = Bạn thân/ đây trò vợ chồng.

45. *Di* = Di ghè, mẹ kế.

47. *Xưa sau* = Trước sau, đầu đuôi.

48. *Đình ninh* = Dặn đi dặn lại.

49. *Châu lệ* = Giọt nước mắt/ sáng như châu.

*Chà* = Chan chứa tràn.

50. *Hoàng lương nhập mộng* = Thiu thiu ngủ say dần rồi mộng thấy những tân tuồng như sự thật/ Điển : Lô Sinh than nghèo, được một đạo sĩ trao cho cái gối mà bảo : nó sẽ cho sung sướng. Lô Sinh tựa gối ấy thiu ngủ, mộng thấy đậu cao, làm quan lớn, vợ đẹp, con giỏi. Thình lình tỉnh giấc, thì thấy cạnh mình có nồi kê (hoàng lương) bắc lên bếp khi mình chưa ngủ mà bây giờ cũng chưa chín. Ý nói đời người ngắn ngủi và việc đời già dỗi.

*Hương hồn* = Hồn thơm/ lời sáo đẹp.

51. *Trường An* = Kinh đô/ Nguyên tên kinh đô đời Hán, sau thành tiếng chỉ chung. Đây là Thăng Long.

56. *Truân chuyên* = Nguy nan, đen đui.

58. *Tùy gia phong kiệm* = Tùy trong nhà có của nhiều hay ít.

*Dùng* = Làm.

60. *Tông chung* = Đưa đám ma.

61. *Tao khang* = Vợ cưới lúc còn hàn vi.

## DIỄN NGHĨA

27 Nào ngờ đang lúc cha mẹ cách nhau, bệnh mẹ thỉnh linh tăng nặng lắm. Đêm ngày không dùng để cơm cháo. Tự biết đó là mệnh số, không thể phản nản.

31 Cha thì khó lòng làm lỡ việc quan. Không có chị em; còn người ngoài, thì ai lại giúp ai. Mẹ khóc lướt mướt, gọi con đến dưới màn.

35 Mẹ con kể lể chuyện nhà mà than thở. Tình Nương ben bảo con rằng :((Nhà ta phải làm ăn siêng năng, tiêu pha tằn tiện, mà vẫn có đờn, đôi rét. mẹ thương con còn bé dại, chưa gả chồng được cho nhà nào.

39 ((Vi dù số mẹ Trời đã định, không tránh khỏi, mà mẹ mất đi, thì con sẽ làm thế nào? Khuyên con giữ cho tròn đạo hiếu, chớ để sai tam tông tứ đức chút nào.

43 ((Tuy cha ân ở với mẹ, mang tình nặng ơn sâu, nhưng ròi ra, cha cũng kết bạn bạn mới; sự ấy là thương. Lúc ấy, con phải nghe lời di. Mẹ nuôi cùng phải coi như mẹ đẻ.

47 ((Mấy lời đầu đuôi mẹ cần dặn lại, con phải ghi lòng tạc dạ nhớ lấy. Như vậy mới may gì trọn đạo làm con)). Hai mẹ con cùng khóc dòng dòng. Hối mẹ thiu thiu như ngủ mà hôn chốc lát tan bay.

51 Cha còn ở Kinh, được tin báo bèn liệu đường về. Về đến nhà, trong lòng Ông đau xót vô cùng vì nhiều lẽ. Trông thấy con đang than khóc, Ông mê người, ngã xuống cạnh con.

55 Lòng Ông rất xót xa. Ông khóc rằng :((Sao mà gặp sự khờ đờn như bây giờ. Gia đình lẻ loi, không ai giúp. Thôi thì tùy nhà mình có nhiều ít của cải mà lo việc tang.

59 ((Còn trông vào ai nữa)). Ông bèn làm lễ đơn giản đưa ma Tình Nương. Ông đau lòng nghĩ đến tình nghĩa phu thê ăn ở cùng nhau từ khi nghèo đói. Con thì còn dại. Nàng mất để con dại lại cho một mình chăm nuôi.

## 3.- DÌ GHỀ

63 *Thương thay ngày tháng như thoi!*

*Ba năm một phút, đã rớt tóc tang.*

65 **LÊ ÔNG** bèn báo **KHIẾT NUƠNG**

*((Xưa sau' mấy đoạn tỏ tường Con hay*

67 *((Lòng cha thương Mẹ Con thay!*

*((Há rằng tình nước lòng mây đâu là*

69 *((Khi nay thiết' nỗi cửa nhà*

*((Há rằng đằm nguyệt say hoa thối thường*

71 *((Thương con vô vô **buồng tang***

*((Lấy ai khuya sớm tựa nương bạn cùng*

73 *((Thế thương dứt nỗi chẳng không*

*((Phải tìm một chốn cậy **mong** cho đánh*

75 *((Phúc nhà gặp kẻ hiền lành*

((Mẹ nuôi cùng thể mẹ sinh khác gì))

77 **KHIẾT NUONG** nghe biết một khi

Hai hàng đọt ngọc thoát thị thắm bầu

79 Thừa rằng : ((Dạ trẻ biết đâu

((Sửa kia có lẽ vượt hầu' qua đàng'

81 ((Mấy lời Cha sấp đại đàng'

((Mẹ xưa cũng đã nhủ chung' làm vậy))

83 Thừa ấy **DÔNG THI** hiền thay!

LÊ ÔNG kết tóc dan' tay bạn cùng

85 Việc nhà tần tảo tinh thông

Và thêm ngôn đức hạnh công hơn người

87 **KHIẾT NUONG** kính mến vâng lời

Xem bảng sinh mẫu chẳng sai tơ hào

### H.D.

71. **BUÔNG TANG**. nv 蓬桑 bông tang. Vô nghĩa, cho nên bản B chữa ra Canh trường.

74. **MONG**. nv 蒙. Bản B chữa ra Nương rồi ra Trông, theo nói mới.

78. **ĐỌT**. bản B : Châu.

**THOÁT THÌ** :nv Thoát khi, chắc vì kẻ sao lại đã đọc sai chữ Báu ra Bào, cho nên đã chữa tiếng Thì ra Khi cho đúng niêm luật. Xem vé 28.

**BÁU**. nv 袍, chữ Bào nghĩa là áo dài. Trong văn Nôm chữ này thường liên hệ với nước mắt. Người ta hiểu : ấy là nước mắt dỏ ướt áo. Vì vậy chữ ấy bị đọc là Bào. Sự thật phải đọc là Báu, nghĩa là ống tay áo. Một chứng là : Điển 別袂 trở sự đang niu ống tay áo người thân mà phải buông ra để lên đường, được dùng trong chuyện Kiều bằng "Người lên ngựa, kẻ chia bầu". nếu đọc bào thì sai điển mà lại sai văn ( trong Kiều AO và AU không hiệp vận).

81. **SẤP**. nv 唼 thường đọc Rấp (toan, sè). Cũng có thể đọc Lấp. Tôi theo ý mà đọc.

83. **DÔNG THI HIỀN**. nv lâm ví tự dang, ra "Có thị Chât" 同氏贊 < 同氏贊. Đây theo bản B.

85. **VIỆC**. nv 沒 Một, svtd 沒 < 役. Bản B đúng.

### C.T.

63. **Như thoi** = Qua chóng lằm/ Điển : Thoi dẹt là dụng cụ mang sợi ngang được người dẹt ném qua lại rất chóng qua khoảng trống sợi dọc. Gốc ở Hán văn.

65. **Ba năm** = Lễ xưa để đại tang (tang cha mẹ) ba năm.

**Tóc tang** = Trò chung tang lớn. Nguyên khi có tang cha mẹ, ngày xưa bỏ xõa tóc.

68. **Tĩnh nước lòng mây** = Tĩnh và lòng không yên định.

70. **Đắm nguyệt say hoa** = Tham sắc dục.

73. **Đứt nôi** = Trò đàn ông cưới vợ kế, vì như đứt dây thi nôi dây. gốc Hán văn : Tục huyền 續絃.

77. *Một khi* = Tức thì.

78. *Dọt ngọc* = Hạt nước mắt.

80. *Sứa...đăng* = Sứa thuộc loài hải san không xương, thân tròn mềm có vòng chân dài, ăn được. Đăng là hàng rào chắn dòng nước và cao hơn mặt nước, ép tôm cá phải qua lỗ đó. Tôm cá thường cố nhảy qua.

82. *Chung* = Ấy. Tiếng cổ nghĩa như Chi 之 ở Hán văn (知之).

84. *Kết tóc* = Kết hôn/ Tục xưa trai gái đính hôn thì cắt một tùm tóc, buộc với nhau để thể thành tín với nhau.

*Dan tay* = Nắm tay nhau một cách thân mật.

85. *Tần tảo* = Việc thu vén làm lụng, nuôi con của phụ nữ trong gia đình/ điển : Tên hai thứ rau ở nước, mà đời thượng cổ co lệ đi hái về để cúng.

86. *Ngôn...công* (xem 42).

### DIỄN NGHĨA

63 Tội nghiệp cho Khiết Nương ! Thì giờ qua rất chóng. Mới đó mà sau ba năm đã hết tang mẹ. Cha bèn bảo nàng rằng : ((Cha sẽ nói rõ đầu đuôi câu chuyện cho con rõ.

67 ((Lòng cha vẫn thương Mẹ của con, chứ không phải báp bênh thay đổi đâu. Bây giờ nhìn cảnh gia đình ta lòng cha đau xót, chứ không phải rằng cha tham sắc như kẻ thường.

71 ((Cha thương con ở một mình trong phòng xưa có mẹ, không ai trò chuyện đỡ đần. Và chẳng mất vợ cả rồi cưới vợ kế

là việc có thường. Vậy cha phải tìm một kẻ chăm nom giúp đỡ con.

75 ((May cho nhà ta ! cha đã gặp một người rất tốt. Con hãy coi như là mẹ xưa.)) Khiết nương nghe, tức thì hiểu ý cha. Hai hàng nước mắt dòng dòng, quệt ướt tay áo.

79 Nàng thưa rằng : ((Trí con còn non, hiểu đâu được chuyện người lớn, ví như sứa không biết nhảy, sao vượt qua đăng được. Mấy lời cha lừa lọc dằn dò, thì xưa Mẹ cũng đã trôi lại như vậy.))

83 Bây giờ có nàng họ ĐÔNG rất tốt. LÊ ÔNG cưới về làm vợ. Nàng sành sỏi việc gia đình, lại thêm có lời ngoan, đức hậu, hạnh tốt, nghề hay hơn mọi người. Khiết Nương kính mến Nàng và lúc nào cũng coi Nàng như mẹ đẻ.

### 4.- CHA MẮT

89 *Đã nên thời vận lao đao*

*Trong khi duyên số làm sao khôn nài ?*

91 *Để ai tỏ được ý Trời*

*LÊ ÔNG phút chốc say chơi suối vàng*

93 *KHIẾT NƯƠNG lăn lóc rầy rà*

*Dưới chiếu đất lở, trên đường trời long*

95 *Trách than : ((Thân gái trẻ trung*

*((Oan chi phải chịu long đong làm vậy ?*

giới hình dáng chẳng thua ai.

101 ((Nay cha lại mất. Đời người thật chóng vánh, chẳng ai qua khỏi số mệnh)). Tuy nhà nghèo, không của quý, nhưng Dóng thị và Nàng cũng mời thầy Địa chọn đất để làm lễ tang Ông.

103 Đời nàng sống không cha, không mẹ, có biết bao nỗi sầu thảm, khiến nàng càng thêm buồn.

## 5 - CẦU DUYÊN

107 Thừa ấy trong **LỜI HUƠNG** thôn

*Đại lam cố tích danh đồn xưa nay*

109 Thiên nam đệ nhất thi đây

*Chợ què đâu đây tiếng bay rập rờng*

111 Anh linh hiển ứng rõ ràng

*Cầu chi đang này lưng vang xa gần*

113 **KHIẾT NUƠNG** còn trẻ thanh xuân

*Tác lòng kinh tin mười phần chẳng sai*

115 Tu thân, giới tịnh, ăn chay

*Một mình uất uất ai hay đâu là*

117 Sấm sanh' dấu gạo, hương hoa

*Đèn ngày sóc vọng đem ra cúng dàng*

119 Nửa đêm tám gọi lau thang

*Lòng tin tới chốn Phật đàng cầu duyên*

121 *Lạy các Chư Phật, Hoàng thiên*

*Nguyên xin Tam giới thánh hiền chứng minh*

123 *Lạy rồi quy trước hương đình*

*Lâm dâm khẩn nguyện mối tình bày ngay :*

125 ((Hố sinh phận gái thơ ngây

*((Qua vòng tâm mọn, thiết thay cong lòng*

127 ((Chút hiềm nhà khó của không

*((Niềm tin khẩn khẩn tới trong già chiến*

129 ((Nén hương ngõ thấu Cừu thiên

*((Trước xin Thất tổ Cừu huyền thoát thân*

131 ((Trước là phúc tới Song thân

*((Thoát hòa cho gần đất Bụt cõi tiên*

133 ((Tội dù gặp phúc gặp duyên

*((Nguyên xin bao ứng nhân tiên chàng sai*

135 ((Đình, chùa, cầu, quán mọi nơi

*((Khánh, chuông, Phật tượng mặc tôi lo đến*

137 ((Vi dù ở lời lời nguyện

*((Át là Tam giới thánh hiền chàng dong))*

139 *Khẩn thôi về chốn môn phòng*

*Việc ngoài sân sóc, việc trong giữ gìn*

97 ((Nhà huyền sớm đã ngất mây

((Xót xa vốn chịu chua cay đã từng

99 ((Gặp DI đức hạnh luống' mừng

((Đêm ngày trau chuốt ngõ bằng người ta

101 ((Lại thêm núi Hộ sương pha'

((Ngựa câu cửa sổ dễ qua khôn' mòng' ))

103 Mẹ con nhà khó của không

Kén người chọn đất mới dùng' tàng nghi

105 Kể bao xiết nỗi sinh Ly

Sầu kia thăm nọ đòi' khi thêm buồn.

### H.D.

91. Ý. nv 貝 đọc Với, nhưng ý không thông ; theo ý quen mà đoán.

93. RẬY RÀNG : nv 代揚 đọc Rậy rắng hay Dậy dàng, tiếng cổ, nghĩa là ồn ào. Trình thủ có : "Tiếng con muông sủa bào hao rậy rắng" 吠嗥. Kinh Thi Bản phong có : "Sa kê vô canh rậy rắng đòi nơi" (52) 吠嗥 và "Tháng năm ve đã rậy rắng tiếng vang" (38)

97. NGÁT. nv 覓 đọc Ngát, nhưng chữ ấy thường lẫn với chữ 覓 đọc Ngút, nghĩa đồng : Khuất vì xa hay cao.

103. NGÕ. nv 乞 讀 Xin. Svtd < 乞

### C.T.

92. Suôi vàng = Chỗ người sau khi chết tới ở theo sự tượng tượng/ Điển từ Hán văn : Hoàng tuyền 黃泉

97. Nhà huyền = Mẹ/ Điển từ Hán văn ; vì mẹ với cô huyền, một thứ cỏ thuốc làm cho hết lo.

Ngất mây = Chết, bay lên trời.

101. Núi Hộ sương pha = Cha mất/ Điển từ Kinh Thi Ngụy phong : "Trèo lên núi Hộ, trông ngóng bóng cha".

Pha = Làm cho lạt máu, tức là che cho mờ.

102. Ngựa câu cửa sổ = Thời giờ qua chóng như thấy bóng con ngựa trẻ chạy vụt qua cửa sổ/ Điển từ Hán văn 白驹过隙

Mòng' = Mong.

104. Tàng nghi = Nghi lễ đưa ma.

### DIỄN NGHĨA

89 Thời vận họ Lê đã đến lúc vất vả. Đó cũng vì số mệnh, biết bởi sao gây nên như thế, khó lòng mà xin qua khỏi. Ai hiểu được ý Trời ra sao ? Cha thỉnh linh chết.

93 Khiết Nương lăn lóc âm ý như gặp một tai nạn lớn lao vô cùng, như đất sụp trời đổ. Nàng bèn than : ((Thân mình là con gái còn trẻ đã làm việc gì oan trái mà bị quả báo, thành khổ sở chơ vợ như thế này ?

97 ((Mẹ trước đã mất sớm, để mình phải chịu xót xa bực bội. May mà cha cưới được DI cư xử tốt. Mình đã có thể trau

141 *Hằng đem cung cấp gạo tiền*

*Ngày ngày ra chôn Phật tiền chẳng quên*

### H.D.

112. DẶNG. nv như vậy, tuy rằng ở các chỗ khác đều dùng chữ Được. Bản B : Được.

114. MUÔI. Bản B : muôn

116. NẦM NẦM. nv 捻, 𢵼. Bản B đọc ra Nơm nớp ;  
trò ý lo sợ.

124. MỠI. nv 每 đọc Mọi. Svtd > 緋.

132. GẢN. Vế này vẫn lưng ở chữ thứ sáu.

134. CHẰNG SAI. nv Chờ lâu. Vừa sai vẫn, vừa sai ý,  
bởi chữ Chờ.

139. THÔI. nv 退

MÔN. B : Khuê

119. LAN. nv 茶 Trà.

### C.T.

108. *Đại lam* = chùa lớn/ Nguyên tiếng Phạn Samghārāma nghĩa là nơi tăng chung họp. Hán văn phiên âm ra (Việt âm) : tăng già la ma rồi thu lại ra Già lam để trò chùa, cảnh chùa. Rồi lại thu thành già : Ví dụ "Cửa già"

109. *Thiên Nam* = Nước ta, đất ở về phương nam Trung Quốc.

*Đệ nhất* = Thứ nhất về mặt thiêng, có đất tu về

Phật hay Đạo.

110. *Chợ* = Kinh thành, nơi tụ những người nhà quê đem đồ vật tới bán.

111. *Anh linh hiển ứng* = Đã làm những sự lạ tỏ thiêng liêng.

115. *Tu thân giới tính* = Sửa chữa lỗi lầm, kiêng dè làm sự Phật pháp cấm.

116. *Nấm nầm* = Tiếng cổ trò sự sợ hãi. Cũng nói nấm nầm nớp nớp (Chiến chiến căng căng 战战兢兢).

118. *Sóc vọng* = Ngày mồng một và ngày rằm

*Cung dàng* = Biếu chùa, cúng Phật/ Bồi Hán văn Cung dương.

119. *Lan thang* = Nước tắm hãm với cỏ thơm. Nguyên viết Trà thang 茶湯, thành ngữ nghĩa là nước chè. Vậy không phải ý. Lầm vì chữ Lan viết thảo 蘭 Trà (Kiểu cơ : Thang lan rừ bức trướng hồng tắm hoa).

121. *Chư Phật* = các Phật/ kể cả các Bồ tát.

*Hoàng thiên* = Vua Trời/ thuộc Đạo-giáo.

122. *Tam giới* = ba cõi : Dục giới có tình dục, sắc giới còn hình sắc nhưng không tình dục, Vô-sắc giới hết cả hình tướng.

*Chứng minh* = nhận thực lòng thành.

124. *Bầy ngay* = kể rõ sự thật.

126. *Tấm mọn* = Bé nhỏ/ Tấm là mảnh hạt gạo, nhỏ nhen.

128. *Khẩn khẩn* = rất thành tâm.

*Già chiến* = Chùa/ xem C.T.108

129. *Cửu thiên* = từng trời thứ chín, chỗ vua Trời ngự, theo đạo giáo/ Từng cao nhất.

130. *Thất tổ cứu huyền* = trò chung mười sáu đời trước cha (hoặc cha mẹ?)/ Từ trong sách Phật.

134. *Nhân tiền* = rõ ràng trước mắt, ai cũng thấy.

139. *Môn phòng* = trò chung chỗ mình ở.

## DIỄN NGHĨA

107 Thưa ấy, ở làng Lỗi Hương có ngôi chùa lớn và xưa, được tiếng đồn thiêng lắm. La chôn phúc địa bậc nhất ở nước Nam. Từ Kinh đô đến thôn quê, đâu đây đều vang tiếng đồn như vậy.

111 Thần Phật chùa này đã tỏ chứng rất thiêng. Tiếng đồn đại khắp rằng cầu chi được nấy. Khiết nương tuổi trẻ, mà rat kinh và tin thần Phật.

115 Sửa mình, răn tính, ăn chay; một mình lặng lẽ cầu khan, không ai biết. Nàng sắm sửa dầu gạo để biếu chùa, hương hoa đem cúng Phật; đến ngay sóc, vụng mang lên chùa Lỗi Hương.

119 Nửa đêm nàng dậy tắm gội, rồi lên chùa, với tấm lòng thành tin, tới trước tượng Phật xin lấy được chóng tốt. Nàng lạy các Phật, lạy Trời, các Bồ tát, các thần ở Ba cõi, xin hiểu rõ lòng thành kính của mình.

123 Lạy rồi Nàng quì trước lò đốt hương, đem mối tình riêng khẩn nhỏ, thật :((Tôi thẹn sinh làm con gái ngu dại; qua kỳ thơ ấu, bị xót xa nhiều lần.

127 ((Đã tới tuổi tìm duyên, nhưng nhà nghèo khó. Nên thanh tin một lòng, tới cửa Phật kêu ca. Mong khói hương này lên thấu tới chín từng trời, để cầu cho các tổ tiên thoát khỏi ngục A tỳ và cha mẹ được ban phúc đi về cõi Tiên, cõi Phật. Đó là lời nguyện trước hết. Sau là cầu ban phúc cho tôi được gặp duyên. Nếu tôi được như thế, thì tôi phát nguyện sẽ đền ơn ranh mạch :

135 ((Tại đình, chùa, cầu, quán ở khắp nơi, nếu có khánh, chuông, Phật tượng bị hư, thì tôi xin đền. Nếu tôi ở sai lời, thì các Bồ tát, các Thần ở ba cõi sẽ không dong.))

139 Khẩn xong, nàng trở về nhà, bề ngoài thì chăm sóc việc thương, còn tình trong thì giấu không ai hay. Thường đem tiền gạo đi cúng chùa, và hằng ngày đi cầu Phật.

## 6.- TUYỂN CUNG NỮ

143 *Kíp chấy đã được ba niên*

*Lòng tin cảm đến Hoàng thiên tỏ tường*

145 *Số biên cho nàng KHIẾT NUONG*

*Nhân duyên được với đế vương sánh cùng*

147 *Thưa ấy vua L Y THANH TÔNG*

*Trị yên tam cõi, hồn đồng xa thư*

- 149 Xuân thu tuổi đã có dư  
Chút hiềm chưa có Hoàng Trừ nổi ngôi
- 151 Phán truyền phi hậu mấy người  
Ăn chay khẩn nguyện cầu thai thường lễ
- 153 Danh lam luống những đi về  
Điểm lành báo ứng chưa hề thấy tin
- 155 Tháng ba năm thừa Giáp Thìn  
Lệnh truyền mở hội thương diên năm ngày
- 157 Khấp hoả thiên hạ cùng hay  
Văn thần vũ tướng đông tây vâng lời :
- 159 ((Hễ có con gái tốt tươi  
((Cứ ngày, trang điểm tới nơi cửa đến
- 161 ((Ai mà chẳng cứ lời truyền  
((Có con giầu để, ắt nên tội tình))
- 163 Huyền hòa vừa tiết Thanh minh  
Đoàn loan, lũ phượng khoe thanh đời người
- 165 Dập dìu thời hán thi hài  
Kẻ xuê cốt cách, người trời tinh thần
- 167 Liễu xanh khoe đã thanh tân  
Đào hồng nọ cũng cậy phân tươi màu
- 169 Chen hoa, sánh ngọc, đua châu

Tần Vương hội trước thế âu xa vờ

- 171 Muôn hồng nghìn tia khoe tươi  
Tựa vờ Lãng uyển, đường nơi Lam Kiều
- 173 Chín lần lỗ lợ mây Nghiêu  
Truyền quan thị tụng đam chiêu kén vào
- 175 Sô ra ưu liệt thấp cao  
Chia làm phiên thứ hôm nao châu gần
- 177 Xe dê chẳng ngại mời chân  
Cửa cung cài trúc đời lần hạnh qua

**H.D.**

146. SẢNH. nv Góm. Lvtd 艱 > 艱.
155. GIÁP THÌN. nv Canh Thìn ; chắc sai. Theo sử và tính tuổi Vua thì ấy vào năm Giáp Thìn 1064 mới hợp lý
166. XUÊ. nv 吹 đọc Xuy hay Xuê, tiếng cổ, nghĩa là bày vẻ đẹp.
- TROI. nv 婿 đọc Trai hay Trơi. Nghĩa cũng như Xuê. Tiếng cổ, nay còn dùng với nghĩa bày cái xấu.
169. CHÂU. nv lằm ra Nhau (Đua nhau).
172. LÀNG UYỂN. nv Vườn Uyển/ Uyển là vườn. Hoặc phai viết Vườn Lãng.
175. SÔ. nv 搜 đọc Sô, nghĩa là so sánh rồi chia hạng.

## C.T.

147. *Lý Thanh Tông* = vua thứ ba nhà Lý. Sinh năm 1024, lên ngôi năm 1054. Có Hoàng Trừ năm 1066. Mất năm 1072.

148. *Tám cõi* = tám phương.

*Hồn đồng xa thư* = nhất thống các pháp luật chế độ/ Sau khi Tán Thủy Hoàng lên ngôi, nghe lời Lý, thống nhất mặt chữ (thư 書) và khoảng cách ngang giữa hai bánh xe (xa 車)

149. *Xuân thu* = tuổi/ Số năm bằng số mùa xuân hay số mùa thu.

150. *Hoàng Trừ* = con trai vua được định trước sẽ thay vua tại vị.

151. *Phi hậu* = các vợ thứ và vợ chính của vua.

152. *Thường lệ* = lệ có luôn

153. *Danh lam* = chùa có tiếng.

154. *Điểm lành* = mộng báo tin hay.

155. *Giáp Thìn* = năm 1064. Năm sau vua 42 tuổi, nạp Ý Lan, rồi năm sau nữa sinh Hoàng tử/ Chữ Thìn ở đây chắc đúng vì đó là chữ vắn, Nếu theo nv thì năm Canh Thìn, 1040, ở trước khi vua lên ngôi. Nhờ vậy ta biết nguyên do sai.

156. *Thương diên* = tiệc vua ban cho đình thần vào ngày lễ lớn.

157. *Hòa* = cá

160. *Cư* = theo đúng.

*Điện* = điện

162. *Đê* = bờ, như nói Đê vợ

163. *Huyền hòa* = nắng ấm và gió êm.

*Thanh minh* = thời điểm hoặc ngày cách ngày Lập xuân sau chừng 16 ngày/ Vào ngày 5 tháng 4 Dương lịch. Là khi tiết của tháng ba lịch Âm dương.

164. *Doan loan lữ phượng* = loan phượng là chim có màu sắc đẹp, chim mái và chim trống/ Đầy ví trai gái thanh lịch.

*Đời* = nhiều. Xem 10.

165. *Hân...hài* = trò chung giày dép.

167. *Thanh tân* = xinh và trẻ.

170. *Tân Vương* = trò các vua nước Tân đời nhà Chu ở Trung Quốc, là đời rất thịnh; cung đình hội hè rất đẹp.

*Xa vời* = xa lắm/ Với nguyên nghĩa là chừng, mực. Xa vời là xa quá mực thương.

172. *Vời* = xem C.T. trên.

*Lăng uyển* = tên vườn rất đẹp ở chôn Tiên.

*Tựa...Dương* = giống như

*Lam diên* = chỗ Tiên tới chơi/ Điển : Xưa Bùi Hàng gặp Văn Anh ở Lam diên.

173. *Chín lần* = ngai vua ngồi/ Có chín bậc bước lên.

*Lỗ lộ* = ra mắt/ vua thường ở kin dân không thấy mặt.

*Mây Nghiêu* = mắt vua/ sáo ngữ.

174. *Đam chiêu\** = tả hữu, như trong tục ngữ “chân đấm đá chân chiêu”.

*Thị tụng* = theo châu cạnh vua để làm hay bàn việc.

175. *Ưu liệt* = tốt nhất hay xấu nhất.

*Xe dê* = xe vua xưa dùng để đi lại với các hậu cung/ cung oán có “Xe dê lọ rắc lá dâu mới vào”

178. *Cửa cung cài trúc* = trò cách cung nữ khéo léo quyến dụ tới cung mình/ Bằng cách cài lá tre (hoặc rắc lá dâu) trước cửa cung, để dê kéo xe vua dừng lại.

*Hạnh* = đi/ tiếng dành cho vua.

## DIỄN NGHĨA

143 Nàng cầu khẩn trong ba năm. Trời bèn thông cảm. Mới sai biên vào sổ số mệnh rằng : Khiết Nương sẽ được lấy Vua.

147 Bấy giờ vua Lý Thánh Tông trị vì. Khắp nước yên ổn, gán xa thống nhất. Tuổi xuân đã cao, nhưng tiếc rằng Vua chưa có con trai để ngày sau nối ngôi.

151 Vua bèn bảo các bà phi luôn luôn ăn chay, cầu Phật xin được có thai. Các bà tìm những chùa thiêng cầu khẩn, nhưng không kết quả. Mộng寐 chưa hề thấy điềm có thai.

155 Tháng ba năm Giáp Thìn, Vua ra lệnh mở hội mừng ban yến ẩm trong năm ngày. Lệnh truyền cho các quan văn võ khắp nước được biết :

159 ((Nhà nào có con gái xinh đẹp thì phải cho ăn mặc trang sức mỹ miều, rồi vào ngày hội, đem đến xem hội trước cửa cung điện nhà Vua. Ai mà không nghe theo lệnh ấy, cố y giấu con gái xinh đẹp, thì sẽ bị hình luật xử tội)).

163 Bấy giờ tiết Thanh minh, trời âm ập ảm đé. Người người son trẻ áo quần sắc sỡ, dắt nhau xem hội, để khoe vẻ đẹp mau thanh. Kẻ qua người lại đông đảo, chân đi dép đi giày. Kẻ thì tỏ bày hình dạng đẹp đẽ; người thì khoe vẻ thông minh.

167 Có thi khoe mình trẻ thân mềm như liễu. Áo nọ cạy mặt tươi như cánh hoa hồng. Áo quần rực rỡ chen nhau, nữ trang châu ngọc đua ánh. Những đám hội có tiếng ngày xưa cũng kém xa.

171 Hội mở giữa muôn nghìn hoa rực rỡ, trông tương chừng vườn Lăng, cầu Lam. Vua ra xem hội, bảo các quan hầu kén chọn những cô gái đẹp.

175 So sánh sắc đẹp cao thấp mà chia làm thứ bậc, để lần lượt được chọn vào hầu gần Vua. Vua qua lại cùng Cung nữ. Cung nữ cũng giành nhau lòng sủng ái của nhà Vua.

## 7.- VUA CẦU TỰ

179 Hoàng trử vòn gốc quốc gia

*Muốn cho nôi trị dân ta vững bền*

181 Diêm lành chưa thấy bao tin

*Cho nên gọi biêng chưa yên bầy chầy\**

- 183 Lòng tin lập một đàn chay  
Tác lòng kinh úy, đứng ngay chúc' rằng :
- 185 ((Và' tôi đức bạc tri hằng'  
((Nhờ ơn tổ phụ trôm chung' ngôi Trời
- 187 ((Niềm đan thâu đèn Thiên đài  
((Trách mình khẩn khẩn' mây lời bày ngay'
- 189 ((Ngung mong đội đức cao dày  
((Đốc sinh' nam tử mai ngay' trị vì
- 191 ((Phúc tôi sinh được lang nhi  
((Sa' sao châu ngọc, kể chi bạc vàng
- 193 ((Chơ què quân xá kiêu lương  
((Đình chùa mấy chôn sưa sang tiệc gi
- 195 ((Tùy thời cấp thi tặng ni  
((Trước thi báo đức, sau thi làm duyên))
- 197 **LỖI HUƠNG** đồn có một chiến'  
Về xã **DƯƠNG XA** ở miền **GIA LÂM**
- 199 Anh linh tự cổ chi cam' (kim)  
Đào thông, cầu ứng cháng lăm một li
- 201 Triều đình văn võ cùng nghì'  
Chiều thư kịp thao đem về tới nơi
- 203 Hai ty phụ huyện vâng lời

Lập làm đàn việt hội mười lăm ngay'

- 205 Pháp đàn nghiêm chỉnh ghé thay !  
Xe rông hạnh' ngự ba ngày một phen
- 207 Nhân dân nghe thấy mừng tin  
Mời từng thấy hội cầu duyên bấy giờ
- 209 Đua ăn đua mặc diêm dờ  
Dập dìu sum họp cõi xa miền gần
- 211 Đua nghề lục sở, khâu nhân'  
Múa ca ỏi lỏi đầy sân sắp hàng
- 213 Thanh minh còn tiết thiếu quang  
Gió hòa sức nước đưa hương khắp trời
- 215 Thang ba mông một xe dờ  
Kì tinh nhã nhạc tới nơi **NHỊ HÀ**

### H.D.

185. **ĐỨC**. nv 德 đọc Đã ; lvtđ > 勿 .
186. **TRÔM**. nv 𠵹 đọc Lạm cùng thông.
190. **MAI NGAY'**. Tiếng cổ nghĩa là ngày sau. Ở vùng Nghệ Tĩnh ngày nay vẫn nói Ngay tức ngày. Xem 204.
192. **SAO**. Bản B chữa ra Bao.
200. **MỘT LI**. nv như vậy. Nhưng tôi đoán rằng đó là thanh ngữ cổ "Mộ li", nghĩa là phần rất nhỏ.

204. MƯỜI LĂM NGÀY. Có thể đọc ra mười lăm ngày, nhưng từ không hợp với số ngày của một hội lớn phải nhất định. Về niêm luật trong thơ thì với âm Ngày (thay Ngày) buộc ta phải đọc chữ trên là Mười. Và chẳng với vần Ngày thì không trùng vận với vần Ngày ở vế 206 dưới.

### C.T.

182. *Gối biếng* = Vãn từ trở giấc ngủ không ngon.

*Bấy chầy* = bấy lâu.

183. *Đàn chay*; Hội đông người lại làm lễ cầu Phật. Trước khi cầu, đàn chủ phải trai giới.

184. *Kinh uy* = kính sợ.

*Chúc* = khấn.

185. *Vả*: phát ngôn từ, nghĩa là một loại từ không có nghĩa rõ, dùng để mở đầu câu nói cẩn thận.

*Bạc* = mỏng, ít.

*Hằng* = tâm thương.

186. *Chung*: xem 82.

*Niềm đan* = lòng thành, cũng nói Lòng son.

*Thiên đại* = đài bệ vua Trời ngự.

189. *Cao dày* = Trời Đất che chở nuôi nấng vạn vật.

190. *Trị vì* = ở ngôi vua để chăm sóc dân.

191. *Lang nhi* = con trai, cũng như Nam nhi.

*Sá sao* = kể chi.

196. *Làm duyên* = gây nhân tốt, rồi gặp cơ hội (duyên) thuận, thì sẽ kết quả tốt.

200. *Đảo* = cầu mưa hay cầu tạnh.

201. *Nghi* = nghị luận; biến thanh của từ Nghi.

204. *Đàn việt* = thí chủ, người chủ trương lập việc bố thí/ do Phạm ngữ Danāpati.

205. *Pháp đàn* = đài bệ đặt tượng Phật lên mà làm hội.

206. *Hạnh ngự*: trở vua tới dự.

209. *Diễm dâ* = trò ăn mặc đẹp đẽ.

211. *Lục sở khâu nhân*: nv 錄所紅人 Nghĩa thế nào, tôi không biết. Chỉ biết đó đều là những trò chơi làm vui trong các đám hội.

*Khâu nhân* có nghĩa là người lớn cao. Hoặc ấy là trò xiếc người trồng lên nhau?

212. *Ổi lối*: trò rối, cũng nói trò múa rối.

213. *Thiếu quang* = mùa xuân/ có ánh sáng tươi đẹp.

216. *Kỳ tinh* = trò chung các cờ.

*Nhã nhạc* = ban âm nhạc.

### DIỄN NGHĨA

179 Hoàng Thái tử là vị căn bản của nước nhà. Vị ấy có định thì dân mới yên vì tránh được sự tranh ngôi sau khi vua

mát. Nhưng bảy giờ chưa có tín hiệu gì cung nữ có mang, cho nên Vua ngủ không yên giấc.

183 Tin tường Phật pháp, Vua lập một đàn chay. Với lòng kính sợ, Vua khấn thành thật rằng :((Tôi đức ít trí thường, nhờ cha ông che chở đã được giữ ngôi không đáng.

187 ((Lòng thành đã được Trời hiểu, tôi đã cố tâm tự tìm tội lỗi mà tâu lên, và xin bày thật mấy lời. Xin nhờ ơn Trời Đất ban cho một con trai để ngày sau nối ngôi.

191 ((Nếu tôi có con trai, thì tôi chẳng kể gì đến của cải, châu báu. Tôi sẽ sửa sang các cầu quán hư hỏng dọc đường, tu bổ những đình chùa đổ nát ở kinh thành và tại thôn quê. Tùy mùa, tôi sẽ cấp gạo tiền cho các tăng ni. Mục đích trước là để đền ơn Trời Phật, và sau là để gieo hạt tốt cho tôi.))

197 Làng Lôi có một chùa nổi tiếng thuộc xã Dương Xá, huyện Gia Lâm. Xưa nay chùa rất thiêng ; xin mưa nắng được nghiệm, cầu việc khác cũng ứng, chẳng sai mấy may.

201 Các quan văn vũ họp bàn nên đi cầu tự ở chùa này. Bèn hạ chiếu về xứ. Các quan phủ huyện tuân lệnh, về chùa Lôi Hương lập đàn chay và mở hội cho thập phương xem trong mười lăm ngày.

205 Đàn chay lập rất nghiêm trang. Vua tới dự lễ ba ngày một lần. Nhân dân được tin, rất mừng ; bảo nhau rằng : từ xưa chưa từng thấy lập đàn chay để cầu duyên như ngày nay.

209 Dua nhau ăn mặc màu sắc rực rỡ. Xa gần kéo đến

sum họp đông đúc qua lại không ngớt. Hội lại có nhiều trò chơi, bởi những phường chuyên nghề biểu diễn, như lục sờ, khấu nhân, múa rối, múa hát la liệt đầy sân.

213 Bảy giờ vào tiết Thanh minh thuộc mùa xuân. Gió còn mát, đưa mùi thơm lên khắp mọi nơi. Ngày mồng một tháng ba, xe vua đi dự hội. Cờ quạt nhã nhạc rước qua sông Nhị.

## 8.- KHIẾT NUONG LÀM CỎ

217 *Này chuyện KHIẾT NỮ kể ra*

*Khó khăn ấy này một nhà đoàn viên*

219 *Lòng tin vốn rắp cầu duyên*

*Đêm đêm đến chôn Phật tiền cúng dâng*

221 *Hạt châu mắt cá ai từng*

*Xa đèn khuất bóng, chúng tăng khôn' nhìn*

223 *ĐỔNG thị bảo Nàng một phen :*

*((Tà dương kiệu mới rước lên tới chùa*

225 *((Người ta nao nức xem Vua*

*((Nhưng điều ăn mặc đủ no' lẽ nào ?*

227 *((Mặc ai khoe liễu phôi+ đào*

*((Cửa nhà cần khổ, tiêu dao vui gì*

229 *((Khuyên con hãy cứ nghe đi*

*((Bờ nương góc ruộng Con thì cần năng))*

- 231 Cứ ngày mai sớm bưng tung  
 KHIẾT NUONG mai cuộc việc hằng ra đi
- 233 Xa nghe tiếng trống một khi  
 Đồn rằng xe báu ngự về LỖI HUONG
- 235 Dịch thiều, nhạc vũ rập vang  
 Rợp ngàn cờ mở, tàn trương, sáng lò
- 237 Quan ti khắp hết mọi tòa  
 Sấm sanh thời vật đợi chờ tiến dâng
- 239 Người tiên, đất ngọc đâu bằng  
 BI KIỂU dịch ấy xe dừng tạm ngơi
- 241 Quân hồng, áo lục đua chơi  
 Mây tuôn mây ngà vẩy vui bốn bề
- 243 KHIẾT NUONG nhớ bụi nào nề  
 Nương dâu làm cỏ chẳng hề trông đâu
- 245 Xây thấy một ông hàng dầu  
 Thưa rằng : ((Việc ấy NGƯỜI hầu thiếu chi !
- 247 ((Ắt NGƯỜI nên đắng cung phi  
 ((Y như lời ấy hẳn thì chẳng sai))
- 249 KHIẾT NUONG phút chốc đáp lời :  
 ((Thế âu néo ấy, nhượng người, dám toan
- 251 ((Kể bao xiết nỗi cơ hàn

((Mong sao khỏi được cô đan, dám cầu

- 253 ((Thiếu chi những kẻ sang giàu  
 ((Mà tôi há dám dễ hầu ước ao))
- 255 Thưa rằng : ((Nọ nọ trời cao  
 ((Tàn mây che rợp, sự sao lạ đường
- 257 ((Ắt là NGƯỜI gặp Quân vương  
 ((Ngôi cao Hoàng hậu yêu đương phen này
- 259 ((Bán hàng may gặp NGƯỜI đây  
 ((Thì khi phú quý Chứa rày nhớ tôi))

### H.D.

218. DOÀN VIÊN. nv Diên viên : ruộng vườn ; tuy y cũng hợp, nhưng tứ không thông với "một nhà" ở trên.

230. CÁN. Bản B chữa ra Siêng. 拏 .

235. VŨ. nv 舞 đọc Vũ, nghĩa là vũ. Tôi đoán đó là cũng đọc Vũ ; nghĩa là múa.

247. DẰNG. nv 得 đọc Người ; svtd > 停 .

249. ĐÁP LỜI. nv 香奩 đọc Hương trời ; svtd > 答 咬

250. NÉO. nv Nao. Sai ý

### C.T.

218. Doàn viên = gần bó, vui vẻ cùng nhau.

221. Hạt châu mắt cá : Hai hạt giống nhau, nhưng một bên rất quý, một bên rất thường.

*Tà dương* = bóng mặt trời xế về chiều.

228. *Tiêu dao* = đi chơi nhõn nhơ.

231. *Bình tung\** = mờ sáng, cũng nói Tung bùng, Tùng tung.

235. *Dịch thiêu* : trò tiếng sáo tiếng đàn.

*Nhạc vũ* : trò ban ca múa.

236. *Ngàn\** : tiếng cổ trò đường đi, bờ đê/ Biến thành của từ Ngạn, như nói huyện Đông Ngạn (Đông ngạn). Thường bị hiểu lầm với Ngạn là Rừng sâu. Hãy so “Chớp bể mưa ngàn” với “Cửa Không ngàn Giác (Giác ngạn) đây là từ bi” (Bích câu 114)

237. *Quan ti* = trò chung quan trên và ti thuộc.

238. *Thời vật* : thực vật quý đang thời.

240. *Bi kiếu* : tên một làng huyện Gia Lâm, còn tên đến 1954/ tên Nôm là Cầu Bậy.

*Dịch* = trạm/ trên đường Thăng Long đi Hải Dương.

*Ngôi* = nghỉ ; thường dùng cho người được tôn quý.

246. *Hấu* = có thể chắc. Xem 48, 80.

250. *Thế ấu* = thật là : Xem 20.

256. *Lạ dương* : hình, thế lạ.

### DIỄN NGHĨA

217 Sau đây kể đời sống của Khiết Nương. lo ngại nhà nghèo, nhưng cư xử với di cũng êm ấm. Lòng thành vẫn cố cầu duyên ; đêm nào cũng đi cúng Phật.

221 Tới chùa thì ai cũng như ai. Cầu Phật thì Nàng đứng trong bóng tối, xa các tăng, nên dễ khẩn cầu duyên. Có lúc Di báo Nàng rằng :((Chiếu xế bóng thì kiệu Vua mới tới chùa

225 ((Người ta nô nức đi xem vua, vì họ có quần áo đẹp. Thôi mặc người ta đua nhau khoe xinh, khoe đẹp. Còn mình, cửa nhà nghèo khổ, làm lụng vất vả ; thì đi chơi có vui về gì mà đi !

229 ((Khuyên Con đừng lấy thế làm tui thân, cứ nghe lời di. Con hãy chăm làm việc ruộng nương)). Hôm sau, khi mới tờ mờ sáng. Khiết Nương vác xuống và cuốc ra đồng, làm việc như mọi hôm. Liên nghe tiếng chiêng trống. Người đi xem mách nhau rằng ấy là tiếng đám rước vua về dự đàn chay tại chùa Lôi Hương.

235 Tiếng sáo đàn ca hát rập ràng. Cờ ba, tàn trưng, màu sắc rực rỡ. Tất cả các quan lớn bé đều sắm sanh lễ vật, hoa quả đang mùa, đợi để tiến dâng vua.

239 Người thanh lịch, đặt tôn quý, đầu bằng chốn trạm Cầu Bậy này. Xe Vua dừng lại đây để Vua tạm nghỉ. Dân chúng quần hồng áo lục nhõn nhơ, tứ phương tuôn lại như mây, hăm hở vui vầy.

243 Một mình Khiết Nương áo quần chân tay lấm đất bụi, làm cỏ trong vườn dâu, không tỏ ý gì muốn đi xem vua.

245 Thành linh Nàng gặp một ông hàng dầu, thưa với Nàng rằng :((Những sự dự hội lớn, xem Vua như thế này, thì Qui Nương rồi không thiếu. Tôi chắc rằng Qui Nương sẽ thành

kẻ cung phi ; hẳn đúng như lời đoán, chứ không sai))

249 Khiết Nương liền trả lời rằng :((Về sự ấy, thật tôi nhường cho người khác, chứ không dám tính đến. Tôi đã qua nhiều nỗi đói rét, chỉ mong cho khỏi cô độc là may. Dám cầu gì hơn nữa.

253 ((Thiếu chi kẻ giàu sang tranh giành được tuyền, thì tôi dè gì mà ước ao)). Ông hàng dầu thưa :((Kìa xem trên trời, có đám mây che Quý Nương như cái tàn. Sự ấy là điềm hôm nay Quý Nương được gặp Vua và được làm Hoàng hậu sủng ái. Tôi đi bán dầu hôm nay may được gặp Quý Nương, thì khi Quý Nương quý hiển, tôi xin sẽ không quên tôi))

## 9.-VUA TUYỂN VÀO CUNG

- 261 Vừa khi Thánh giá đổ nơi\*  
Hương đưa sức nức khắp trời thơm xông
- 263 Dập dụa trong áng+ ngoài vòng  
Kẻ thì phô\* sắc, người mòng\* xem vua
- 265 Trong khi hành tại bấy giờ  
Tinh phi long nhân\* soi ra khắp trời
- 267 Nội+ thanh lác\* mắt một người  
Lợi thoi\* nhật cò thừa\* vời\* nương dâu
- 269 Tường vân che ngát trên đầu  
THÁNH TÔNG gắm biết thể âu\* điềm trời

271 Cận thân vái lay vâng lời :

((Kìa ý lan nội có người lạ thay !

273 ((Kíp ra vời+ lấy lại đây

((Cho ta phán hỏi cứ này dường sao))

275 Cận thân kinh dần đưa vào

Nhìn xem phong thái dường\* sao cung Hàn

277 Người tuy chịu việc lắm than\*

Nết na khuôn vóc phạm gian khôn\* tà

279 Bấy giờ may gặp ở đây

Trong cơ tác hợp ngày rày phải nao ?

281 Kíp truyền hỏi :((Sự làm sao

((Lệnh nghiêm từ trước người nào dám khuấy

283 ((Bốn bề sum họp bằng mây

((Một mình chẳng đoái, tội rày phải âu\*))

285 KHIẾT NƯƠNG qui lạy khấu đầu :

((Tội thì xin chịu, xin tâu một lời

287 ((LỖI HUONG chín\* thật quê tôi

((Thông huyền sớm đã bước vời\* đường mây

289 ((Khó khăn chẳng có ai vầy\*

((Ở cùng di ghé đêm ngày toan tân

291 ((Mãng\* lo mọi việc tảo tần

264. *Phờ* = bày ra để khoe.

*Mòng\** = mong

265. *Hành tại* = chỗ vua trú tạm dọc đường.

266. *Tinh phi long nhân* : mắt rồng liếc sáng như sao bay/trò mắt vua.

277. *Lầm than* : Lầm là bùn. Ở Hà Nội xưa có cửa ô Đống Lầm ; "Cát lầm" là cát với bùn .

278. *Khuôn vóc* = nét mặt và dáng người

267. *Lác (nhác) mắt* = chột thấy.

268. *Thừa* : nghĩa cũng như Chung = ở/ Bởi Hán từ Sở.

269. *Tường vân* : mây có nhiều màu, được coi là điềm tốt.

272. *Ý lan nội* = đứng trong đám cỏ lá dài như lan

274. *Phán* : trò vua nói lời ra.

276. *Phong thái* : cách điệu và vẻ mặt

*Cung Hàn* = cung Quảng Hàn, cung Trăng mà thần thoại cho là nơi trú của nàng tiên Hằng Nga.

278. *Khuôn vóc* = khổ mặt và hình người.

280. *Tác hợp* : kết nên vợ chồng.

282. *Khuây\** = bỏ qua.

284. *Ấu\** = lo sợ.

285. *Khấu đầu* : cúi đầu.

287. *Chir\** = rất.

288. *Thông huyền* = cha mẹ

*Bước vời* = đi xa/ ý là đã chết.

289. *Vây\** = giúp/ bởi từ Vi.

290. *Toan tân* = chua cay, khổ sở.

291. *Mãng\** = chăm chú làm việc này thành quên việc khác.

*Táo tần* = tần tảo. C.T. 85.

310. *Thị ngự* = hầu vua.

312. *Dương xuân* = mặt trời ấm mùa xuân.

317. *Khấu đảo* = kêu cầu.

## DIỄN NGHĨA

261 Vừa khi ấy, vua dừng nghỉ. Mùi hương thơm nức bay khắp mọi nơi. Người người qua lại trong ngoài đám rước. Kẻ thì để khoe mình đẹp, người thì để xem mặt Vua.

265 Trong khi tạm ngồi ở trạm cầu Bầy, Vua đưa mắt sáng như sao sa, xem khắp chung quanh đến tận xa. Vua chợt thấy trong đồng lúa xanh có một người lúi thúi một mình nhặt cỏ trong nương dâu.

269 Trên đầu có đám mây ngũ sắc che cao ngút. Vua nghi rằng đó là một điềm lành gì đây, và Trời báo cho hay. Vua mới gọi cận thần : chúng vái phục nghe lời vua phán rằng : ((Trong đám cỏ kia, có người thật lạ !

273 ((Hãy đi chóng ra mời vào đây, để ta phán hỏi vì sao

không tới xem đám rước)). Cận thần đi dẫn Nàng vào. Vua thấy vẻ cách Nàng như ở Hằng Nga trong cung Trăng.

277 Vua bèn nghĩ ngợi. “Người này tuy làm chân lấm tay bùn, nhưng cử chỉ hình dáng thì người phàm tục không sánh kịp. Hôm nay ta gặp y là ngẫu nhiên được, biết đâu ấy chẳng là ngày ta tìm được vợ.”

281 Vua bảo hỏi rằng :((Đã có lệnh nghiêm cấm con gái trốn đi dự hội, ai dám chẳng tuân. Thế mà cứ sao cô không nghe lệnh ? Từ phương kéo đến tụ tập đông đảo. Một mình cô không để ý tới. Phạm tội, phải lo đấy !))

285 Khiết Nương quì xuống cúi đầu, tâu :((tôi xin chịu tội, nhưng xin cho tôi giải thích. Chính thật tôi quê ở Lôi Hương này ; đã mồ côi cha mẹ khi tôi còn nhỏ.

289 ((Chịu nghèo đói, không ai giúp rập. Tôi ở cùng dì ghè, đêm ngày cay đắng có nhau. Chỉ quan tâm lo việc kiếm ăn bếp nước. cả ngày, siêng năng chăm vườn dâu, cuộc cỏ ruộng.

293 ((Đáng lẽ ra, tôi cũng sắp đi xem hội, nhưng dì tôi đã có lời răn tôi chớ đua người ăn chơi.

295 ((Vậy tôi tiếp tục làm lụng như thường, cho nên không biết đến có lệnh ấy)). Rồi Vua lại hỏi liền : ((Đã có ai đi hỏi Người chưa ?))

299 Nàng quì xuống tâu rằng :((Nhà tôi nghèo đói, thì ai yêu tôi ?)). Vua nghe nói cảm thương, cúi đầu khen rằng :((Thật là lòng bền bỉ không lay chuyển ! biết đâu chẳng là Trời đã ban

phúc cho Trăm gặp Người. Trăm xưa đã có những lời cầu nguyện thành khẩn được gặp vợ hiền))

305 Liền ra lệnh cho thị nữ sắm sửa quần áo sạch cho Nàng thay, rồi sai xe tùy giá đưa Nàng về thành Thăng Long trước. Vua cho Nàng ở cung riêng, đặt tên là Lan cung. Lại sai các bà hầu, bà mụ dạy nàng phép tắc ăn ở nói năng trong cung rồi sẽ châu Vua.

309 Lại sai ti Tư thiên chọn tháng ngày vào điện Vua, hầu cận. Cảnh hưởng vui không gì sánh kịp, quên cả thân nghèo khổ, cảnh cô đơn. Nay như được ánh nắng soi ấm áp.

313 Có hôm trong cung vắng vẻ, Vua đem tâm sự sợ hiềm hoi mà khuyên Nàng rằng :((Khanh hãy nhớ lời dặn này : ngày rằm, mồng một phải ăn chay niệm Phật, thắp hương mà khẩn xin Trời ban cho chóng có thai. Lòng tin thành, thì lời xin sẽ thấu đến Trời, và Thần Phật sẽ cảm thông)).

## 10.- ĐẠI DIÊN LẬP KẾ

319 *Này đoan tiểu thần NGUYỄN BÔNG*

*Lam quan thị ngự tin dùng ai đang*

321 *Ý LAN dịch ấy nghiêm trang*

*Lệnh truyền ra đây giữ giàng hôm mai*

323 *Ven+ KINH ở mái phương đoài\**

*Danh lam cổ tích mia vời\* non Vu*

325 *Vạn ban cảnh vật đều thu*

- Ba nghìn thế giới một bầu cảnh tiên
- 327 Lão sư danh hiệu ĐẠI ĐIÊN  
Tu hành chẳng biết mấy niên gia tri
- 329 Cảnh thiêng BÔNG khắp tìm đi  
Chúc cầu gia sức ắt thì nên công
- 331 Lệnh truyền sai khiến NGUYỄN BÔNG  
Vâng đem lễ cúng hết lòng kính tin
- 333 Trong khi tới chốn già chiến\*  
Cầu xin Hoàng tử thay quyền trị dân
- 335 Và thêm chúc nguyện Thánh quân  
Muôn năm trường trị xa gần cung thâu
- 337 Việc thường nào quản đèn dầu  
Ngày ngày đi lại đã hầu\* quen quen
- 339 Bây giờ sư cả\* ĐẠI ĐIÊN  
Rước đem vào chốn am chiến\* nghỉ ngơi
- 341 Trà thang ngọc thực khuyển mời  
Thừa nhân khi vắng lựa lời nhiệm\* thay :
- 343 ((Cùng nhau nghĩa đã bấy chầy\*  
((Yêu đương mới nói lời này, nên chẳng ?
- 345 ((Vả\* xem tính đã khác hằng\*  
((Làm ngôi Thiên tử vẻ vang tâm lòng))

- 34 Thấy lời Thầy dạy lạ lùng  
Thật hư chưa biết những xong\* lẽ nào
- 349 Lạy thôi trình hết thấp cao :  
((Ngôi Trời dường ấy, có nào dám toan\*))
- 351 Thấy rằng :((Thiên vận tuần hoàn  
((Công tu hành đã muôn vàn xiết đâu !
- 353 ((Kiếp xưa đã trọng\* công phu  
((Thân sau ắt được làm vua trị đời
- 355 ((Trước ta đã chịu lệnh Trời  
((Làm vua chẳng muốn, muốn chơi đạo mầu+
- 357 ((Muốn thì ta chẳng tiếc đâu))  
Bông xin từ tạ khấu đầu thưa qua
- 359 Thấy rằng :((Phép nhiệm thay là !  
((Thìn\* lòng chẳng lộ sự ra bề ngoài
- 361 ((Tìm nơi dục thất giấu chơi  
((Trộm dòm hình dạng xem người trong cung))

### H.D.

321. DICH+. nv 掖 đọc Dịch nghĩa là nhà phụ bên cung điện. Tôi nghĩ là nv “Lan cung dịch”, nghĩa là nhà người canh phòng Lan cung ở.

323. MÁI+. nv 厦 đọc Mái như “Mái nhà”, nhưng đây là từ mà ngày nay nói “Mé”, nghĩa : phía.

324. MIA+. nv 嗟 từ cổ đọc Mĩa theo Genibrel, nghĩa là đường như.

345. HÀNG+. nv Thường, sai vẫn.

360. THÌN+. nv 時 đọc Thì. Tôi chắc do chữ 辰 đọc Thìn, một từ cổ, nghĩa là gìn giữ. Hai chữ Thì và Thìn thường thông dụng.

### C.T.

319. *Tiểu thần* = viên chức nhỏ hầu trong cung.

323. *Ven* = bên/ âm cổ.

*Đoài* = Tây/ trên địa bàn, quẻ Đoài đặt ở phương Tây.

324. *Mĩa vời* = giống chùng.

*Non Vu* : núi cao ở hẻm sông Dương Tử ra khỏi Tứ Xuyên ; tương truyền có tiên ở.

325. *Vạn ban cảnh vật* : cảnh vật vạn chiều khác nhau.

326. *Ba nghìn thế giới* : Văn từ trở khắp mọi nơi, chỗ trông thấy cũng như chỗ không trông thấy/ Điển Phật kinh nói : có ba hạng thế giới, thế giới nhỏ thì chung quanh có núi Sắt (Thiết sơn), ở giữa có núi Tu Di ; một nghìn thế giới nhỏ ấy hợp lại làm một thế giới trung ; lại một nghìn thế giới trung hợp lại thành một thế giới to. Toàn thế giới gồm một nghìn thế giới to, và gọi là "Tam thiên thế giới" hay *ba nghìn thế giới*.

328. *Gia tri* = giúp thêm cho chúng sinh giữ lòng tin Phật, nói chung là trợ vị tăng tu hành.

336. *Trường tri* = ở ngôi lâu.

*Cung thâu* = cung đón vật liệu và thâu thuế.

341. *Trà thang ngọc thực* : nước trà và bánh trái.

342. *Thừa nhân* = nhân khi rỗi việc.

*Nhiệm* = kín.

348. *Xong* : quyết định.

353. *Trọng* = nặng, nhiều.

*Đạo mầu* = đạo huyền bí mầu nhiệm.

358. *Khẩu đầu* = cúi đầu.

361. *Dục thất* = nhà tắm.

### DIỄN NGHĨA

319 Sau đây sẽ kể chuyện Nguyễn Bông một viên quan nhỏ hầu cận vua. Ý được vua tin dùng hơn mọi người ; cho nên được vua chọn ra coi cung Lan, Nàng ở, và giữ rất nghiêm.

323 Cạnh Kinh đô, về phương Tây, có ngôi chùa cổ nổi tiếng phô bày vẻ đẹp như cảnh non Vu. Mọi cảnh kỳ vật lạ, đều nhóm tại đây, như tất cả bầu trời thu về một chốn tiên này.

327 Sư trụ trì chùa này hiệu là Đại Diên ; tuổi đã già, không biết tu hành từ đời nào. Nguyễn Bông tìm mọi chùa thiêng để cầu giúp Nàng. Nghĩ rằng mình cố cầu khẩn thì sẽ chắc thành công.

331 Nàng sai Nguyễn Bông đem lễ vật tới chùa ấy cúng dàng vời tất cả lòng thành. Khi đến chùa, thì cầu xin Trời Phật

ban cho Nàng sinh Hoàng Tử để nối vua mà coi dân. Lại cầu thêm cho Vua trường thọ, ở ngôi lâu dài, thu hút được lòng mến và thuế dịch của nhân dân xa gần.

337 Cứ việc thường, Nguyễn Bông đem dầu đèn đến cung tại chùa này và đã quen thân với thầy Đại Diên. Có hôm, thầy Đại Diên mời Nguyễn Bông vào sau an nghỉ. Thầy mời uống trà, ăn quả ; rồi nhân khi nhà vắng người, thầy mới cẩn thận nói lời kín đáo sau :

343 ((Tôi quen Ông đã lâu ngày, nên trở thành bầu bạn có nghĩa với nhau. Tôi vì mến Ông, nên muốn tỏ cùng Ông lời này, không biết có nên chăng ! Tôi xem xét thấy Ông có tính chất khác thường, có thể lên ngôi vua, vẻ vang và sung sướng)).

347 Thấy lời thầy Đại Diên nói bất ngờ như vậy, Bông không biết lời ấy thực hư thế nào. Bông vái cảm ơn Thầy và thưa rõ đầu đuôi rằng :((Ngôi Vua cao như vậy, tôi đâu dám nghĩ tới))

351 Đại Diên đáp :((Vận mệnh vẫn xoay, ai cũng có thể lên quý hiển. Như Ông, kiếp trước đã có nhiều công tu hành lắm và đã thi nhiều công đức ; thì thân sau chắc được làm vua coi dân. Như tôi, kiếp trước Trời đã ra lệnh kiếp này làm vua. Nhưng tôi không thuận, chỉ thích đi tu.

357 ((Nếu Ông muốn kiếp sau làm vua, tôi sẽ giúp không tiếc công)). Bông bằng lòng, cúi đầu cảm ơn. Đại Diên bảo :((Kế rất hay, hãy giữ kín trong bụng, chớ để lộ cho người biết. Hãy tìm một nơi bên cạnh nhà tắm ở hậu cung mà rình nhìn Ý Lan tắm))

## 11.- NGUYỄN BÔNG ĐẦU THAI

363 *Vâng lời Thầy dạy làm lòng*

*Thang lan luống những chực mòng\* hôm mai*

365 *Tính đà vắng vẻ thánh thơi*

*Phi nhân sắp sửa ra chơi dục đình*

367 *Nào hay BÔNG đã tiềm hình*

*Lọt vào chón áy dòm rình mọi nơi*

369 *Phi nhân thấy vậy hổ ngươi*

*Giận, liền minh bạch mấy lời tâu vua :*

371 ((NGUYỄN BÔNG là đứa phạm phu

((Trộm dòm đang lúc lỏa lồ hình dung))

373 *Lệnh truyền ra bắt NGUYỄN BÔNG*

*Phan rằng :((Trẫm đã tin dùng yêu đương*

375 ((Cớ sao làm lỗi đạo thường

((Bất trung tội ấy không lương được may

377 ((Truyền quan lực si điệu ngay

((Quyết hình gào\* chúng cho hay tội tình

379 ((NGUYỄN BÔNG kêu vị\* thần minh :

((Nghe Thầy cho phải lụy mình oan khiên

381 ((Ôn quan Lực si muôn nghìn

((Dem Bông tới chón già chiến\* miền tây))

383 Khâm sai thấy nời thương thay !

Dưa BÔNG một phút thẳng ngay tới chiến

385 Xin đòi thầy cả ĐẠI ĐIÊN

Cho BÔNG sẽ nói tiền duyên một lời

387 ĐẠI ĐIÊN coi thấy nực cười :

((Kể chi thân ấy mà Người lo phiền !

389 ((Trần duyên chưa được mãn nguyên

((Muôn tiêu kiếp ấy, mới nên sau này))

391 Nói thôi, BÔNG trả ơn Thầy

Bấy giờ Lục sĩ gia tay việc dùng

393 Đêm ấy vua LÝ THÁNH TÔNG

Chiêm bao mộng thấy Tiên ông hiện hình

395 Trao cho Thái tử tốt lành

Phút giờ mộng tỉnh, tâm tình mừng thay !

397 Phán bảo Ý LAN cho hay :

((Điểm trời đã ứng, kia nay chẳng lầm))

399 Phi nhân từ ấy hoài nhâm

THÁNH TÔNG gấm biết, mừng thắm hôm mai.

401 Tới ngày mộng một tháng mười

Tương vân năm thức giữa trời hiện ra

403 Hào quang chói lợi sáng lò

Lân chơi phượng gáy, cỏ hoa phun hồng

405 Tự nhiên chuyển vận đùng đùng

BỤT TRỜI tiếp dẫn NGUYỄN BÔNG hóa hình

407 Đêm ấy Ý LAN gia sinh

Được Hoàng Thái tử tốt lành bằng tiên

409 Thiên hương sức nức hoà đèn

Lòng vua mừng rỡ muôn nghìn xiết chi

411 Rạng ngày văn võ triều nghi

Vào mừng Hoàng tử giai kỳ đàn sinh

### H.D.

366. CHOI. nv như vậy, nhưng có thể nguyên là Nơ ;  
văn vẫn đúng mà ý thuận hơn.

376. TÔI. nv Đạo ; có lẽ sai. Theo ý mà chữa.

LUONG. nv 量 đọc Lượng , hay một biến thành  
văn bằng : lương hay lường. Đây là biến thanh của chữ  
cùng đọc Lượng, nghĩa là tha thứ.

378. GAO. nv 高 ý là rao cho công chúng biết. Nhưng  
âm Rao viết . Có người đọc Kêu, nhưng kêu viết . Tôi  
đoán đó là từ cổ, nghĩa là kêu to như Rao.

379. VÌ. nv 尾 đọc Vi, nghĩa : kêu, như "van vì"

386. SÊ. Đây nghĩa là khê, nhẹ.

396. GIỜ. nv như vậy. Có lẽ đó là chữ Giây chăng ?

## C.T.

363. *Làm lòng* = không quên/ Kiều có “Này con thuộc lấy làm lòng”.

346. *Thang lan* = nước nóng để tắm có nấu hoa thơm/ Kiều có “Thang lan có lúc trướng hồng tắm hoa”.

366. *Phi nhân* : trở Ý Lan, như vế 398 sẽ trở rõ.

*Dục đình* = nhà tắm.

367. *Tiền hình* = giấu ẩn mình.

375. *Đạo thường* = đạo không bao giờ thay đổi.

377. *Lực sĩ* : chức quan võ, bảo vệ gần vua ; là những võ sĩ có sức mạnh đặc biệt.

378. *Quyết hình* = trăm quyết, bị chém đầu.

379. *Thần minh* : vị thần thiêng, sáng suốt.

386. *Tiền duyên* : duyên nợ gây từ kiếp trước.

389. *Trần duyên* = duyên ở cõi trần đang sống.

399. *Hoài nhâm* = mang thai.

403. *Hào quang* = tia sáng.

404. *Lân chơi phượng gáy* = văn từ trò muông chim quý lạ đều hiện ra, vui mừng vì gặp thời thịnh.

406. *Hóa hình* : chết rồi sinh trở lại, theo tín ngưỡng Phật giáo luân hồi.

407. *Gia sinh* : đẻ con.

411. *Triều nghi* = nghi vệ của triều đình trong khi làm các lễ.

412. *Giai kỳ* = cơ hội tốt.

## DIỄN NGHĨA

363 Được sư Đại Diên dặn vậy, Bông ghi kỹ vào lòng ; luôn luôn trông mong có cung nữ ra tắm. Một hôm Ý Lan nhân rồi việc, thấy trong cung vắng vẻ, vào dục thất tắm.

367 Không ngờ rằng Nguyễn Bông đã lén vào chỗ soạn sẵn để ẩn mình dòm được khắp trong nhà tắm. Ý Lan bắt được quả tang, thẹn và giận lắm, bèn đem chuyện rõ ràng tâu Vua.

371 Rằng : ((Nguyễn Bông là tục tằn. Nó đã dòm trộm hạ thần trong khi cởi quần áo)) Vua bèn ra lệnh bắt Nguyễn Bông tới. Vua mắng rằng : ((mày đã được Trâm yêu thương và tin dùng ; cơ sao còn làm điều bất chính, trái với luân thường, đạo vua tôi. Tội bất trung ấy rất to, Trâm không tha thứ))

377 Bèn sai quan võ sĩ trời và đất Nguyễn Bông đi rao tội cho công chúng biết, rồi gia tử hình.

379 Nguyễn Bông kêu oan với các thần thánh, rằng mình đã lỡ nghe lời sư xui, nên bị chết oan. Vậy xin quan Lực sĩ thiết tha hãy đưa mình đến hỏi sư ở chùa mé Tây Thành.

383 Quan Lực sĩ nghe Bông kêu, cũng thương tình, bèn liền dẫn thẳng Bông đến chùa ấy. Bông xin Lực sĩ đòi thầy Đại Diên ra, cho Bông hỏi nhỏ chuyện kiếp trước mình.

387 Thầy Đại Diên ra thấy Bông kinh sợ hoang mang thì cười, mà bảo lời này : ((Thân Người hôm nay thì kể làm chi ! Kiếp này đã không vừa ý, thì hủy nó đi, mới có kiếp sau tốt đẹp hơn))

- ((Nương dâu ruộng cỏ siêng cần hôm mai  
 293 ((Lê tôi cũng rắp xem chơi  
 ((Song DÌ tôi đã có lời khuyên răn  
 295 ((Vây tôi cứ việc làm ăn  
 ((Cho nên những sự xa gần chẳng hay))  
 297 Bây giờ VUA lại phán ngay\* :  
 ((Nhân duyên ai đã định rày hay chưa ?))  
 299 KHIẾT NUONG quì lạy tâu qua :  
 ((Cửa nhà khó ngặt, ai là yêu đương))  
 301 Mặt rông cúi chạnh\* lòng thương  
 Phán rằng :((Tiết nghĩa đá vàng chẳng sai  
 303 ((Ai hay là chẳng phúc Trời ?  
 ((Trẫm xưa đã nguyện mấy lời đình ninh))  
 305 Kíp truyền quần áo sắm sanh  
 Xe sau rước lầy về thành **THĂNG LONG**  
 307 Truyền cho ở chốn **LAN CUNG**  
 Khiến người dạy bảo vào vòng sê hay  
 309 Lại sai chọn kỳ tháng ngày  
 Vào đến\* thi ngự vui thay ai bì !  
 311 Chốn khô, hang lạnh kể chi  
 Dương xuân soi tới đời\* khi ấm nồng

- 313 Có phen vắng vẻ trong cung  
 VUA liên lại ngò môi lòng cho hay :  
 315 ((Phu nhân giữ lấy lời này  
 ((Hễ ngày sóc vọng ăn chay khẩn nguyện  
 317 ((Tháp hương khấu đảo Hoàng thiên  
 ((Lòng tin ngở thấu Thánh Hiền cảm thông))

### H.D.

267. LÁC+. nv 落 đọc Lác hay Nhác (cũng như Lờ với Nhời).

268. LOI THOI+. nv 雷催. đọc Lôi thôi thì sai. Kiểu có “Lôi thôi bờ liễu mấy cành dương quan”. Nghĩa là lè loi, lác đác. Tiếng cổ.

271. VÁI LAY. nv 拜泣. đọc Bái vái ? hoặc đó là Lạy vái ?

274. SAO. nv Bao

275. KINH DẪN. nv 經引 nghĩa là thi hành lệnh đưa đi.

299. TÀU. nv Thừa

314. LIÊN. nv Trên

### C.T.

261. Thánh giá = kiệu vua

263. Áng = đám hội.

391 Sư nói xong, Bông hiểu ý, bèn tạ ơn thầy. Lược sĩ lại dẫn Bông tới pháp trường (cánh đồng Bông ở xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm) xử trảm. Đêm ấy, vua mộng thấy một vị Tiên ông trao cho vua một đồng tử đẹp đẽ khoẻ mạnh. Chốc lát, vua tỉnh dậy, trong lòng rất mừng.

397 Vua mới bảo Ý Lan chuyện mộng và nói :((Điềm Trời báo gặp Khanh trước đã ứng, thì mộng này chắc cũng không sai)) Ý Lan từ hôm ấy mang thai. Thánh Tông găm chuyện mộng, biết chắc sẽ sinh con trai, luôn luôn mừng rỡ.

401 Ngày mồng một tháng mười (Sử ký chép 15 tháng giêng năm Bình Ngô 1066) mây ngũ sắc che giữa trời. Ánh sáng lòa chiếu khắp. Trong ngự uyển, các thú lạ vui mừng nhảy múa, các chim quý rộn rập hát ca.

405 Tự nhiên sấm động đất rung. Ấy là Bụt Trời đón linh hồn Nguyễn Bông và cho giáng sinh vào Hoàng gia. Đêm ấy Ý Lan chuyển dạ, sinh được một trai tốt đẹp lành mạnh y như một tiên đồng.

409 Có mùi thơm tự nhiên sực nức bay khắp cung điện. Lòng vua chan chứa vui mừng không kể xiết. Sáng sớm hôm sau, các quan văn võ triều đình theo nghi lễ, sang cung Lan làm lễ chào mừng Hoàng tử ra đời.

## 12.-HOÀNG HẬU GIÚP VUA

413 Đêm ngày trường dưỡng cung thanh

Đế vương khi tượng thông minh như thần

415 *Sắc phong Ý LAN* phu nhân

Lên ngôi *Hoàng hậu PHI THẦN* là tên

417 *DÔNG THỊ* kế mẫu tiết hiền

Phong làm *ĐẬU QUỐC* còn quyền ai đương

419 *HOÀNG HẬU* phúc đức muôn dường

Và xem tinh hạnh khác thường xưa nay

421 Thông minh hiển háo ai tày

Lại thêm lỗi lạc gồm thay mọi tài

423 *THÀNH TÔNG* ra sức trị đời

Bể trong mển đức, cõi ngoài nếp uy

425 *HÒA CHÂU* là đất thành trì

*CHIÊM THÀNH* nước bé nó thì xâm binh

427 Mệnh vua đại giá thân chinh

Sáu quan bèn thác trong *THÀNH* trị thay

429 Xe rồng nhẹ ruổi bằng mây

Gió nhân hây hây quét bay bụi hồng

431 Xa gần nghe thấy mừng lòng

Đều thi đôn rước *Thánh* cung khai hoàn

433 Tung bùng khắp cả giang san

Thiếu quân đâu đây tiếng ran rẩy trời

435 Thần dân khắp cả mọi nơi

- Muôn nghìn kính chúc sánh đời non Tung
- 437 Khi nhân Vua hạnh\* dịch cung  
Thấy hai hoàng thái trong lòng mừng thay
- 439 Phần hương, trí án đặt bày  
Bèn quì than khóc, tuôn ngay dọt phiến :
- 441 ((Quốc gia dựng nghiệp xây nền  
(Những màng\* lo nỗi tổ tiên bấy chầy\*
- 443 ((Nhờ ơn tiên tổ Thần phi  
(Sinh hai Hoàng tử uy nghi lạ dường
- 445 ((Gồm nơ\* tài đức minh cường  
(Thật là "dẫn tộ miên trường" lâu xa
- 447 ((Xuân thu Trẫm đã tuổi già  
(Hoàng Trừ bé nhỏ dễ hòa+ nây+ trao
- 449 ((Thần phi tạm ngự ngôi cao  
(Trông nom việc nước giữ sao vững bền
- 451 ((Mai sau Hoàng tử lớn lên  
(Bấy giờ đã có con hiền trị thay))
- 453 THẦN PHI nước mắt tuôn đầy  
Khẩu đầu từ tạ bày ngay\* râu răng :
- 455 ((Vả\* tôi tài thiếu trí hăng  
(Ơn Vua với vợi xem bằng Thái sơn

- 457 ((Dù tôi thịt nát xương tan  
(Báo làm sao được bua\* quan ngày rày
- 459 ((Hoàng Trừ còn trẻ bé thay !  
(Trong cơ họa phúc khôn hay lo lường
- 461 ((Nguyên xin tuổi bằng\* Đế Vương  
(Sẽ lên ngôi báu sửa sang việc đời
- 463 ((Ấy là phủ\* thừa\* nguyên tôi  
(Dầu muôn một\* nữa, cơ trời chẳng âu\*)

### H.D.

415. SẮC. nv 𠄎 đọc Tái, là Lại. 𠄎
416. HOÀNG HẬU. Không đúng với sử Bấy giờ là Dương Thị chiếm ngôi Hoàng Hậu. Ý Lan ban đầu mới có vị Phu nhân ; bấy giờ được thành vị Phi.
438. HOÀNG THÁI. nv như vậy. Nhưng ý là Hoàng Tử. Có điều lạ, là thoại Hoàng Thái lại đúng với lời Chu Khứ Phi, một người Tống, chép trong sách *Linh ngoại đại đáp* rằng các con vua Lý đều gọi Thái Tử.
463. PHỦ. nv 𠄎 đọc Phủ, nghĩa cũng như Phi/ Nay còn trong thành ngữ Phủ phê, nghĩa là thỏa lăm.

### C.T.

413. *Trương dưỡn* : nuôi và lớn lên.  
*Cung thanh* = cung đẹp.

418. *Con quyền* = oai quyền.

424. *Nép* = sợ.

426. *Hóa Châu* = đây muốn trở đất ở phía nam đèo Ngang.

427. *Đại giá thân chinh* = vua ngồi kiệu tự đi.

428. *Sáu quan* = văn quan ở sáu bộ : lại, lễ, binh, hình, hộ, công.

*Thành* : trở kinh đô.

430. *Gió nhân* = hành động nhân đức của vua được người dưới bắt chước, lan ra như luồng gió.

*Bụi hồng* = tượng trưng việc binh đao/ Điển : quân và ngựa đi tung bụi. Ngày xưa thành ngữ được dùng cho chiến tranh ở phía bắc Trung Quốc nơi đất có màu vàng đỏ.

432. *Thành cung* = mình vua.

*Khải hoàn* = đem quân thắng trận trở về.

434. *Thiếu quân* = những khúc nhạc riêng tấu trước Vua.

436. *Đò* = theo bằng.

*Non tung* = tên núi, tục truyền ngày xưa rất thiêng ; trên núi có thần. Khi Hán Vũ Đế qua đó, có tiếng vang từ núi vọng ra chúc vua thọ vô cùng.

437. *Dịch cung* = cung ở cạnh cung vua.

442. *Màng* = chăm lo.

445. *Góm nơ* = gồm đủ.

446. *Dẫn tộ miên trường* : thành ngữ Hán từ nghĩa là con cháu nối ngôi dằng dặc lâu dài.

448. *Hòa\** = mà.

*Này\** = giao cho làm nội việc gì ; trao

458. *Bua quan* : Âm "Vua" ngày nay là dư âm của cổ âm ở giữa "bua" và "vua". Bua quan trở sự gì thuộc nhà nước.

460. *Cơ họa phúc* : thật ra là khi có họa ; nói lóng trở khi vua mất.

461. *Bãng\** = biến âm của bằng/ Vế này hơi ẩn nghĩa, phải phân tích mới hiểu.

463. *Thừa\** = một hư từ gốc Hán văn : Ki, hay Sở. Ý là ấy, 其 của người ấy, thuộc sự ấy.. 所

## DIỄN NGHĨA

413 Hoàng Tử được nuôi nấng dạy dỗ trong Dòng cung, đã nên hình dáng nhà vua, thông minh khác thường. Vua lại phong cho Ý Lan phu nhân hiệu Phi thân Hoàng hậu

417 Vì kế mẫu họ Đồng trình tiết và tốt, nên cũng được phong hiệu Đậu quốc phu nhân và ban quyền thế ít kẻ có. Hoàng hậu vốn hưởng nhiều phúc đức, mà tính cách xét ra lại hơn khác người ta từ xưa đến nay.

421 Bà thông minh hiền hậu, tốt bụng không ai bằng. Mà lại có mọi tài xử thế, trị dân. Giúp Thành Tông càng chăm coi việc nước. dân trong nước mến đức vua, và các nước láng bang cùng sợ uy.

425 Đất Hóa Châu ngăn chặn xâm lăng từ miền Nam, bị quân Chiêm Thành chiếm đóng. Vua ban chiếu tự mình đem đại quân giành lại, phó thác cho Hoàng Hậu đốc suất các quan văn võ triều đình để coi việc dân.

429 Quân nhà Vua tiến xuống miền Nam nhanh chóng, đem lòng nhân đối đãi vua Chăm, bắt mà không giết, cho nên biên sự xử xong. Dân gian hay tin, rất mừng rỡ, đưa nhau đón rước Vua thắng trận trở về.

433 Khắp cả mọi nơi trong nước, hội mở tung bừng, nhà nhạc gảy những khúc mừng đời thịnh trị. từ thành thị đến thôn quê, quan và dân đặt hương án và nghi lễ để bái vọng và chúc Vua sống muôn nghìn năm.

437 Thời giờ thắm thoát, một hôm Vua rảnh việc, qua chơi cung phụ thăm con. Vua thấy hai Hoàng tử lòng Vua mừng lắm.

439 Thánh Tông bèn đốt hương, đặt bàn, bày lên, qui xuống, cảm động, khóc mà bày tỏ nỗi lòng riêng trước bàn thờ tổ tiên, rằng :((Tổ tiên đã có công xây dựng nền tảng triều đại ta. Bây lâu tôi chỉ phải lo nổi nghiệp.

443 ((Nhờ ơn tổ tiên và Phi thần mà ta có hai Hoàng tử oai vệ đẹp đẽ, lại có đủ tài đức, thông minh khoẻ mạnh. Ngôi báu nhà nước thật là có cơ nối dài lâu đời.

447 ((Tuổi Trẫm nay đã cao, mà Hoàng tử dự bị nối ngôi còn bé lắm. Đến khi Trẫm mất, không thể trao Quyển cho Thái Tử được. Vậy bây giờ, Thần phi sẽ hãy tạm giữ ngôi chấp chính, coi sóc việc nước cho thịnh vượng yên ổn.

Đợi đến khi Thái tử khôn lớn giỏi giang, thì sẽ có người xứng đáng thay Khanh trị nước))

453 Hoàng Hậu nước mắt đầm đìa, qui xuống lạy để cảm ơn lời Vua dạy, và thành thật tâu rằng :((Tôi thì tài năng cạn, trí tầm thường, thế mà đã được Vua ban ơn cao ngất như núi Thái Sơn. Nếu tôi có ra sức trả ơn kiệt lực thì cũng không xứng ngang với công đức nhà Vua ngày rày.

459 ((Thái Tử thì thật còn bé quá ! Nếu có chuyện bất trắc, thì không biết ử đoán phải làm ra sao ? Vậy mong rằng nhà Vua sống lâu cho đến khi Thái tử lên đến tuổi nhà Vua khi mới lên ngôi. Bấy giờ Thái Tử mới sẽ lên ngôi coi nước. Nếu được như vậy thì tôi toại nguyện. Phỏng mà xảy ra việc bất ngờ, thì cũng bởi cơ trời, chứ không đáng lo nữa)).

### 13.- THÁI HẬU CẨM QUYỀN

- 465 Vừa năm Nhâm Tý thu đầu  
THÁNH TÔNG phứt chóc Đình hồ rỗng bay
- 467 Chiều ra đầu đây cùng hay  
Con là CÀN ĐỨC lên thay trị vì
- 469 Sắc ra thiên hạ cộng tri  
VUA lên bảy tuổi hiệu thi NHÂN TÔNG
- 471 Đức khoan, lượng cả bao dung  
Thanh Vương thua trước sanh cùng chẳng xa

- 473 HOÀNG HẬU có đức khoan hòa  
Lên ngôi THAI HẬU chiêu ra cửa đến
- 475 Hoàng đế thân vương rất hiền  
Cũng ban tước thỏ, vững bền kim âu
- 477 CHIÊU THẮNG nhị niên năm sau  
Non êm hang thỏ, bể thâu tằm kinh
- 479 Bụi hóng rày đã quét thanh  
Âu ca trám họ, thái bình muôn dân
- 481 THÁI HẬU nói với Minh quân :  
(Nhờ ơn Trời Bụt xây vãn phúc duyên
- 483 ((Rày đã như ý mãn nguyên  
(Phải toan kinh bao dám quên đâu là))
- 485 Truyền quan thao chiếu trao ra  
Kén trong các cuc' phong ba nghìn người
- 487 Việc nào việc ấy chàng sai  
Chọn ngày xây đắp một đài Kinh thiên
- 489 Chập chống từng dưới đợt+ trên  
Dư trăm bực dốc, ba nghìn tác cao
- 491 Ngán nghìn cửa, lông+ bao cầu  
Cầu nghề, tháp nhận, tòa sao bốn bề
- 493 Lưu tô trương gấm phủ che

- Này này ngọc điểm, kia kia vàng dan+
- 495 Dùn dùn bảo cái chàng phan  
Tàn trương soi sáng thiên ban lạ dương
- 497 Hội làm khánh tán khai quang  
Ba nghìn cung nữ cùng dâng thời trai
- 499 Ba nghìn tặng chúng nhiều thay  
Nọ thầy chuyển chủ, kia thầy tụng kinh
- 501 Liên đài, bảo tháp nhiều quanh  
Trống chuông pháp bảo linh đình vui thay !
- 503 Hội này chẳng có xưa nay  
Đàn tràng đâu được thế này hay không ?
- 505 Lại phat ba nghìn cân đồng  
Dục chuông, tô tượng, hưng công để truyền
- 507 Danh lam, cổ tích, già chiến  
Trùng tu, tân tạo phương viên mọi tòa
- 509 Bạc vàng, châu báu phat ra  
Ngự phê :((Mọi vật để hòa lưu thông))

### H.D.

465. THU. nv vậy, nhưng theo sử thì Lý Thánh Tông  
mất ngày Canh Dần tháng giêng.

469. SẮC. nv 救 đọc Xá. Lvtd > 救

470. **HIÊU**. Thực ra thì lấy hiệu Thái Ninh. Vốn hiệu “Nhân Tông” là sau khi mất rồi mới được đặt.

475. **ĐỀ**. nv làm ra Hậu.

490. **DỐC**. nv , âm dựa vào chữ Nhục . Tuy có thể đọc Nóc (nóc nhà), nhưng tôi nghĩ rằng đọc đốc (NH và DZ biến âm nhau) mới hợp ý và tiểu đối cân với “Cao” ở cuối vế/Âm Dốc thường viết với chữ Đốc.

**TẮC**. nv Thước. nhưng nói như vậy thì không những ngoa mà vô lý, vì mỗi bậc cao quá.

491. **LÔNG**. nv đọc Rộng thì ý không hợp. Phải đọc lộng, nghĩa là thông suốt.

### C.T.

465. *Nhâm Tý* = 1072.

466. *Đỉnh hồ rồng bay* : trò vua chết/ *Điển* : tương truyền Hoàng đế thành tiên, tới Đỉnh Hó, cưỡi rồng bay lên trời.

467. *Chiếu* : lời vua truyền cho mọi người hay.

465. *Sắc* : truyền lệnh vua định đoạt một sự gì.

*Cọng tri* = đều biết.

470. *Nhân Tông* : đây là hiệu mà vua sau đặt ra. Lúc lên ngôi thì hiệu là Thái Ninh.

472. *Thành Vương* = vua thứ hai đời nhà Chu : lên ngôi khi còn nhỏ, được Chu Công thay trị nước, sau thành vua giỏi.

475. *Hoàng đệ Thần Vương* : em Nhân Tông, con thứ của

Ỡ Lan. Theo sử ký thì sinh vào tháng giêng năm Mậu Thân 1068, được gọi là Minh Nhân Vương và sau lại có hiệu Sung Hiến Hầu.

476. *Kim âu* = văn từ trò chính quyền quốc gia/ Nghĩa đen là cái bình bằng vàng rất vững bền.

477. *Chiêu thắng* = niên hiệu thứ hai của Lý Nhân Tông, kể từ tháng tư năm Bình thin 1076. Toàn diện niên hiệu là Anh Vũ Chiêu Thắng nghĩa là thắng trận rạng rỡ. sự đặt niên hiệu mới này xảy ra liền sau khi Lý Thường Kiệt phá Ung Châu tại Quảng Tây rồi rút về (tháng ba năm ấy)/ Vậy về này muốn nói : năm sau đó (Đinh Ty 1077)

478. *Hang thỏ...tâm kinh* : văn từ trò sự có giặc dã chiến tranh/ Thỏ xoi hang làm đổ thành, cá voi dờ sóng làm đắm thuyền. Vế này nói : thái bình trở lại. Thật ra thì chỉ thái bình tạm thời. Cuối năm quân Tống tới xâm lăng.

480. *Âu ca* = ca hát khen ngợi đời thái bình.

481. *Minh quân* : tiếng (vua sáng suốt).

482. *Phúc duyên* : sự tốt may đem lại bởi công

486. *Cục* = cơ quan nhà nước coi về các việc thủ công.

488. *Dài kinh thiên* : đây, có lẽ sắc thần muốn nói đến điện Kinh thiên mà ngày nay hãy còn bậc thềm và bốn con rồng đá ? Sử chép rõ rằng “mùa xuân năm ấy, đặt hội Nhân vương ở điện Thiên An”. Về sau, năm 1148, cũng đặt hội Nhân vương ở Long Trì. Nhân vương là tôn hiệu của Đức Phật. Hội Nhân vương là trai đàn để tụng kinh Nhân vương, mục đích là

cầu được khỏi tai nạn (quân Tống đe dọa), chứ không phải để ăn mừng, như thần tích chép.

493. *Lưu tô* = Giải hoặc bông nhiều sắc tra vào cờ, phướn, màn để trang sức.

494. *Dan\** = dát mỏng và dính vào.

495. *Bảo cái* = lọng quý.

*Chàng phan* = cây phướn, một tấm dài lụa hoặc nỉ thêu màu sắc sỡ, mang tua ngũ sắc và treo trên cán hoặc cột cao.

496. *Thiên ban* = nhiều kiểu cách.

497. *Khánh tán* = mừng thành công và khen thiện căn.

*Khai quang* = khánh thành đặt tượng Phật.

498. *Thời trai* = các hoa quả đang mùa đem cúng.

502. *Pháp bảo* = đồ quý bày thờ ở chùa.

504. *Dàn tràng* = Hội ở chùa để cầu nguyện chung.

508. *Phương viên* : có thành quả đầy đủ tốt đẹp.

## DIỄN NGHĨA

465 Đầu mùa thu năm Nhâm Tý (1072), vua Thánh Tông mất một cách nhanh chóng. Triều đình ban chiếu để mọi người hay rằng Thái Tử CÀN ĐỨC lên nối ngôi.

469 Lại ban sắc chỉ cho thiên hạ biết rằng vua mới bảy tuổi (Thái hậu cầm quyền) và hiệu vua là Nhân Tông. Vua có đức độ khoan dung, có thể sánh với Chu Thành Vương đời xưa, tức Chu Công, một nhà hiền triết, giúp rập.

473 Hoàng Hậu giúp Vua, tính khoan hòa, được sắc phong làm Hoàng Thái Hậu. Có chiếu chỉ yết ra trước cửa điện Vua. Em trai Vua tính cũng tốt, được ban tước và phong ấp. Ai cũng vui lòng và nhà nước được vững bền.

477 Một năm sau đánh lui quân Tống là năm thứ hai niên hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng, trên đất cũng như dưới bể hết chiến tranh. giặc dã đã trừ hết. Dân gian hưởng thái bình, ca hát vui vẻ (năm 1077).

481 Thái Hậu mới nói với Vua rằng :((Nờ ơn Trời, ơn Phật, cho ta tránh khỏi tai nạn và hưởng phúc này. Nay đã được mãn nguyện, thì ta không dám quên báo ơn))

485 Sai quan thảo chiếu yết ra, định tuyển ba nghìn công nhân thuộc các cục xưởng để công tác. Lại bày kế hoạch ai làm việc đã chia phần rõ ràng. rồi chọn ngày khởi công đắp một đài làm hội Kính thiên.

489 Đài cao nhiều tầng chồng nhau. Có hơn hai trăm bậc dốc, cao đến ba nghìn tấc. rất nhiều cửa thông sân này với sân khác ; Chỗ nào cũng trang sức đẹp : cầu có nghê, tháp có nhọn, tòa có sao. Màn có tua ngũ sắc treo che sau hương án ; chỗ này có ken ngọc, chỗ kia có vàng thiếp, đều lấp lánh sáng loè.

495 Nào lọng quý, nào phướn thêu bày ra, màu sắc rực rỡ, mọi vẻ khác thường. Hội sắp xếp xong xuôi, bắt đầu khánh thành làm lễ an tượng Phật. Ba nghìn cung nữ mang hoa quả đang mua tới cúng.

499 Có đến ba nghìn tầng chùng họp lại ; thầy thì đọc

những câu chú, thầy thì tụng kinh. Các thầy tuần hành chung quanh đài sen tháp quý, đánh trống, gõ chuông, dâng pháp bảo, thật là linh đình. Hội như thế này chưa từng có, và đàn tràng ở đâu cũng thua đây.

505 Lại phát ba nghìn cân đồng cho các chùa đem đúc chuông, đúc tượng để truyền về sau. Thái hậu lại sai hoặc làm mới, hoặc chữa lại những chùa cổ có tiếng và những nơi thắng tích. Mỗi lúc có tiệc của cải, bạc vàng, châu báu dành trong kho, thì Vua liền bảo :((Có những của quý thì đừng tích trữ giấu cất)).

#### 14.- VUA NUÔI HOÀNG DIỆT

511 *Lạ thay vua LÝ NHÂN TÔNG!*

*Kinh tin Phật Pháp một lòng từ bi*

513 *Tiền duyên nhân quả cứ chi?*

*Cho nên sắc dục xem thì xa ưa\**

515 *Bốn tuần tuổi đã lễ tư*

*Chút hiểm chưa có hoàng trừ lệ\* thay!*

517 *Lòng Vua khẩn nguyện xơi chay*

*Chơi chùa Thánh chúa đêm ngày cầu xin*

519 *Thầy tở thầy LÊ ĐẠI DIÊN*

*Ở chốn rừng thiền hiệu là PHÁP THÔNG*

521 *Qui tâu trước mặt Thánh cung:*

*((Tôi xin dẫn sự NGUYỄN BÔNG tỏ tường*

523 *((Ấy là thân trước Hoàng Vương*

*((Tiền triều ngự thi yêu sang ai bi*

525 *((Có công ngày tháng cầu kì*

*((Bụt Trời báo ứng được thi hóa thân*

527 *((Kiếp này làm đấng minh quân*

*((Nguyên dương "thủy khí" phi tần chẳng ưa*

529 *((Muốn cho quốc tộ lâu xa*

*((Người vào Tông thất ắt hòa\* nuôi thay))*

531 *Lòng Vua nghe nói sầu tây\**

*Băn khoăn luống những đêm ngay\* ngại ngưng*

533 *Lên châu THÁI HẬU đèn rờng*

*Hỏi xem các sự thủy chung thế nào*

535 *THÁI HẬU bèn nói tiêu hao\* :*

*((Sự này ắt thật, sau nào có hư))*

537 *NHÂN TÔNG biết nỗi sau xưa\**

*Nuôi con Hoàng Thúc hiền hòa\* có nhân*

539 *Thầy TỬ ĐẠO HẠNH hóa thân*

*Tên là DUƠNG HOÀN thánh thần gồm no\**

541 *Lấy ngôi Thái Tử trao cho*

*Dành nhường báu cả\* mấy thu sau này*

## H.D.

513. NHÂN. nv 因 đọc Có. Lvtd > 因 .

517. XOÀI. nv 齋 đọc Xuy, nôm có thể đọc Xơi, nghĩa là ăn, tiếng dành cho những kẻ được tôn trọng.

518. CHƠI. nv 制 nôm đọc chơi cũng là tiếng dùng trò Vua đi khơi cung điện.

519. THAY TỐ. tức là nay nói “đầy tớ”. Nv 榮個 .

524. YÊU SANG. Bản B chữa ra Yêu đương.

530. VAO. Nghĩa là vào số/ Đọc nào là sai.

532. NGAY. Biến âm của Ngày. Vùng Nghệ Tĩnh nguyên chỉ có từ “Ngày” mà thôi. Đây đọc Ngày thì thất niêm.

## C.T.

513. *Tiến duyên* : Phật ngữ, ý là việc mình đã làm ở kiếp trước có ảnh hưởng đến kiếp sau.

*Nhân quả* : Phật ngữ, ý là việc mình làm tốt hay xấu sẽ có ảnh hưởng đến vận mệnh mình về sau, ví như đã gieo hạt (nhân) thì sẽ mọc cây rồi có quả.

516. *Lệ* = sợ, lo.

518. *Chùa Thánh Chử* : chùa có thầy Đại Diên trụ trì (Sử ký năm 1063). Có lẽ ngày sau là chùa thờ Đại Diên ở làng Dịch Vọng, ở gần các làng Yên Lãng và Yên Quyết.

520. *Rừng thiên* : chỗ tụ hội nhiều vị tăng, ví như cây lớn góp thành rừng.

521. *Thanh cung* = minh vua.

525. *Cầu ki* = cầu xin được ban phúc

526. *Hóa thân* : Phật ngữ trở sự chết đi rồi đầu thai thành người khác.

528. *Nguyên dương* : trò Nguyễn Bồng vốn là đàn ông.

*Thủy khí* : trò khi chất thuộc âm.

529. *Quốc tộ* = ngôi vua của một triều đại.

530. *Hòa\** = mà.

531. *Tây\** = riêng.

535. *Tiêu hao\** = tin tức.

538. *Hoàng Thúc* = chú Vua, nhưng đây lại là em vua bấy giờ. Nguyễn văn có chú thích : “Hoàng thúc là Sùng (hiển) Hầu, em vua Nhân Tông, cầu tự tại núi Phật Tích rồi sinh Hoàng thái tử là Dương Hoán”. Theo *Sử ký*, năm Nhâm Thìn (1112) vua Nhân Tông bấy giờ tuổi đã cao (46 tuổi) nhưng không con : ban chiếu chọn con người tông thất để nối ngôi. tuy vậy, Thái hậu vẫn khuyên Vua tự có Hoàng Tử. Năm Ất Mùi (1115), vua lập 36 cung nhân và 3 Hoàng Hậu, lập đàn chay cầu tự. Chắc cũng đợi xem em vua có con trai. Vào năm Nhâm Thìn, các sách đời Trần, như *Việt Sử Lược* và *Thiên Uyển Tập Anh* đều chép chuyện Vua muốn nuôi để truyền ngôi, một đứa trẻ lạ ở Thanh Hoa (xem chú thích sau). Nhưng Sùng Hiển Hầu sau đó (1116) sinh con trai, đặt tên Dương Hoán, mà người xưa tin là hóa thân của vị tăng Từ Đạo Hạnh tu ở chùa Thầy. Vua liền lập Duy Hoán làm Thái Tử và nuôi trong cung với con bốn hầu

Hạnh đã chứng tài hơn đưa bé Giác Hoàng kia, và đã biết đau Giác Hoàng kia chẳng la tá quái. Vua tin lời hầu, bèn tha cho Sư. Giác Hoàng cũng chết. Đạo Hạnh rất mừng, vì theo Sư thì Giác Hoàng chính là hóa thân của Đại Diên đã đầu thai để hại mình. Thông đồng với Sùng Hiền Hầu, Đạo Hạnh tới nhà Hầu, rình dòm trộm phu nhân đang tắm để đầu thai. Tháng 6 năm Bính Thân 1116, khi phu nhân sắp lâm bồn, Đạo Hạnh tắm gội, thay quần áo, rồi vào trong hang núi Phật Tích mà mất. Người ta tin rằng Dương Hoán mà phu nhân họ Đỗ mới sinh đó là hóa thân của Đạo Hạnh. Trên đây, kể chuyện theo hai cách viết đời Trần. Còn Sử ký soạn lại đời Lê không chép chuyện Giác Hoàng, chỉ chép rằng "năm Nhâm Thìn 1112, Đạo Hạnh tới nhà Sùng Hiền Hầu nói chuyện Hầu cầu tự ở núi Phật Tích; Sư có bảo: ngày nào phu nhân lâm đản thì báo cho tôi biết trước. Ba (sai) năm sau, bà có mang, sinh Dương Hoán... Tháng 6 năm Bính Thân 1116, bà họ Đỗ lâm bồn, nhưng khó sản. Hầu nhớ lời Đạo Hạnh đã dặn, cho người tới báo. Thầy tắm gội, thay quần áo, rồi vào núi đá mà bỏ xác lại để đầu thai. bà Phu nhân sinh con trai là Dương Hoán.

542. *Bau cá*: ngôi vua.

*Mây thu*: Dương Hoán sinh năm 1116 và lên ngôi năm 1127

## DIỄN NGHĨA

511 Lạ thay! vua Nhân Tông, tuy tin đạo Phật và giữ long tử bi, mà vẫn hiềm hoi. Có lẽ tiền duyên có sự gì bí mật, cho nên kiếp này không ưa sắc dục.

515 Bấy giờ Vua đã bốn mươi tư tuổi, nhưng chưa có con trai nối ngôi. Vua lo lắm. Vua khẩn nguyện ăn chay, và luôn luôn đi cầu tự ở chùa Thánh Chúa.

519 Có một đệ tử thầy Lê Đại Diên tu tại chùa ấy, hiệu là Pháp Thông. Sư qui trước mặt vua và tâu điều kín mà sư biết về chuyện Nguyễn Bông.

523 Lời tâu rõ ràng rằng: ((Thân kiếp trước Nhà Vua là Nguyễn Bông, một quan Thị ngự hầu đức Thánh Tông, đã được yêu đương và nên sang trọng, ít ai sánh kịp. Bông đã gia công viếng các chùa chiền cầu tự cho Thái hậu, và xin được hóa thân đầu thai. Bụt Trời đã chứng cho.

527 ((Nhờ vậy mà Bông đã hóa ra Nhà Vua ngày rày. Nhưng nguyên chất của Bông lại có khí thuộc Nước, tức là âm (Bông vốn là quan hoạn). Vì vậy nhà Vua không thích các cung nữ. Nếu mong ngôi vua có kẻ nối lâu dài, thì phải nuôi một người trong họ Vua))

531 Vua âm thầm buồn, trong lòng không yên, và không quyết định, bèn lên cung Thái hậu thăm mẹ và hỏi rõ đầu đuôi câu chuyện có thật hay không.

535 Thái hậu mới cho biết tin xưa và kết rằng: ((Chuyện Bông đầu thai có thật, thì việc sau này Vua không có con chắc

cũng không sai)) Nhân Tông hiểu rõ đầu đuôi chuyện mình, bèn chọn con trai em ruột mình, đứa có đức hiền và có lòng nhân, mà nuôi.

539 Hoàng Diệt này vốn là hóa thân của thầy Từ Đạo Hạnh, tên là Dương Hoán, giỏi giang và tài năng du ca. vào học thần thánh. Vua lập Dương Hoán làm Hoàng Trư, đề ngày sau có thể phó thác ngôi vua cao cả.

## 15.- TÔN PHẬT TRỌN ĐỜI

543 **LY HẬU** công đức cao dày

*Thánh tôn thần tử nốt thay đời truyền*

545 *Và xem những sự tiền duyên*

*Toan làm công đức để truyền hậu lai*

547 **LÔI HUONG** đến phủ mọi nơi

*Chua chiến tân tạo vẽ vờ nghiêm trang*

549 *Niềm tin chàng khác Tể, Lương*

*Đức công thi trọng, bạc vàng xem khinh*

551 *Làm hết cầu quán chùa đình*

*Khắp hòa từ trần, kinh thành sửa sang*

553 *Xây am, xây tháp, xây tường*

*Mở mang mọi cảnh phong quang ưa nhìn*

555 *San kinh, tạc tượng kiến kiến*

*Hồng Chung, Bảo Khánh để truyền thế gian*

557 *Khấp hết Phả Lại, Phao San*

*Cùng nơi Giao Thủy, Đông Ngàn, Yên Tân*

559 *Hào li chẳng tốn của dân*

*Sửa sang công đức nghìn xuân vững bền*

561 *Hăm lăm tháng bảy thu thiên*

*Bồng đầu điếm lạ hiện lên tốt vờ*

563 *Hắc vân che phủ đời nơi*

*Chàng phan báo cái giữa trời khấp che*

565 *Gió đưa sức nước hương hoè*

**NHÂN TÔNG THÁI HẬU** ngự về Tây phương

567 *Ừ ề cỏ nội hoa tường*

*Chuông kêu núi lở cảm thương muôn phần*

### H.D.

544. **THÁNH TÔN**: 聖孫 chứ không phải Thánh Tông. Tôn là cháu, đi với Thần tử (con thần cháu thánh là sáo ngữ tôn xưng con cháu nhà vua chúa.

555. **KIẾN KIẾN**: 虔虔, nghĩa là : kính kính. Nhưng ta có thứ gỗ cứng gọi là gỗ "kiến kiến", nên chớ hiểu đây muốn nói tượng bằng gỗ ấy. Và chẳng ngày xưa tạc tượng bằng gỗ mít.

558. DÔNG NGÀN : tức là Đông Ngạn. “Ngàn” là biến âm xưa của từ “Ngạn” 岸 là bờ (ngàn liễu = liễu ngàn 柳岸)

567. NÔI : nv 丕 svtd> 内 Bản B phiên âm đoán là “ngõ”

### C.T.

544. *Dờ* = theo.

546. *Toar* = tính.

*Hậu lai* = đời sau.

547. *Phù* : tư đệ và nhà thờ của các vua, chúa, vương, hậu ở chốn quê hương.

549. *Tề, Lương* : hai triều đại phân hóa của Nam Bắc triều nối nhà Tấn ở Trung Quốc, đều sùng đạo Phật (479-557).

553. *Tường* : đây trò tường chung quanh cơ sở tự viện.

554. *Phong quang* : sắc thái bày ra.

557. *Phả Lại, Phao Sơn* : hai nơi gần sông Lục Đầu thuộc tỉnh Hải Dương. Ở Phả Lại có chùa Quỳnh Lâm, ở Phao Sơn có chùa Hộ Quốc.

558. *Giao Thủy* : tên huyện, ngày xưa lớn hơn bảy giờ, có chùa Nghiêm Quang (nay Thần Quang, tức là chùa Keo).

*Đông Ngạn* : huyện trực trị bởi phủ Từ Sơn xưa, có chùa Cổ Pháp gốc nhà Lý, ở làng Đình Bảng thờ các vua Lý

*Yên Tân* : tôi không biết ở đâu và chùa nào.

561. *Hăm lăm...* : *Sử ký* và *Việt Sử lược* đều chép Ý Lan mất vào tháng 7 năm Đinh Dậu 1117. *Sử ký* cho biết rõ ấy là

ngày 25. Tháng sau, táng Thái Hậu ở Thọ lăng tại Thiên Đức Phủ (Đình Bảng), vẫn giữ tục lệ ác nghiệt là bắt ba thị nữ chết theo. Ý Lan sùng Phật, theo lệ hỏa táng. Chắc các thị nữ bị đầu độc rồi cũng hỏa táng.

563. *Hắc vân* : mây đen.

564. *Chàng phan báo cái* : phươn và lọng là nghi thức trọng để rước Phật.

565. *Tây Phương* : Phật ngự trở một cõi vô hình mà những kẻ tu hành đắc đạo lên ở sau khi mất. Cõi ở phương Tây, vì Ấn Độ, đất sinh Phật, ở phía Tây Trung Quốc và nước ta.

Đến đây hết chuyện riêng về Thái Hậu Ý Lan. Có lẽ thần tích cũng hết. Đoạn sau có lẽ diễn gia thêm vào để làm lời gởi câu chuyện

### DIỄN NGHĨA

543 Thái Hậu thi thố rất nhiều công đức, cho nên con cháu giỏi giang nối ngôi nhà Lý. Và lại Thái Hậu gả lại tiên kiếp của các vua con cháu mình, thì càng làm công đức truyền về sau.

547 Bà lo dựng những đền, những phủ ở quê mình để thờ tổ tiên ; lại cất chùa trang nghiêm đẹp đẽ. Lòng bà tin Phật như các Vương hậu đời Tề đời Lương ; chỉ lo làm công đức, chứ khinh của cải.

551 Chỗ nào cần, thì làm hết cầu quán cho lữ khách đi đường, sửa chữa lại chùa đình ở Kinh và bốn trấn chung quanh.

553 Thái Hậu bỏ tiền sai xây am, xây tháp, xây tự viện. Những nơi thắng cảnh đều được mở mang đẹp đẽ. Thái Hậu lại sai in kinh, tạc tượng để thờ cúng kính ; sai đúc chuông, đúc khánh để truyền lại đời sau.

557 Những việc kể trên đều được thi hành khắp mọi nơi, như chùa Phả Lại, chùa Pháo Sơn, chùa Giao Thủy, chùa Yên Tân, chùa Đông Ngạn. Làm công đức như vậy, tuy không tốn một mảy gì của dân, mà được vững bền mãi mãi.

561 Ngày 25 tháng 7 năm Đinh Dậu 1117, thành linh có điềm lạ hiện lên trên trời : mây đen kéolén khắp, cờ phướn, tàn lọng hiện lên trời. Rồi có cơn gió thổi đưa mùi hương sực nức lên mây. Đó là hồn Ý Lan Thái Hậu vừa tạ thế, được rước về cõi Phật.

567 Nhân dân, cây cỏ được tin đều rất buồn bã. Chuông các chùa đều gióng giả đánh giốn làm lay chuyển cả núi, làm cho ai nghe lòng cũng náo nuột.

## 16.- DANH VỌNG TRIỀU LÝ

569 *Trị yên NAM VIỆT thánh thần*

*Thịnh suy đời đời mấy lần thành đô*

571 *Kể sao xiết nổi cuộc cờ*

*Kể từ LÝ TỔ ban xưa trị vì*

573 *Qua châu CỔ PHÁP một khi*

*KIẾN SƠ* chùa áy Vua thì hạnh chơi

575 *Vua xem có bốn câu bài*

*Vốn sâu mới đục ở ngoài vỏ cây :*

577 *Kệ rằng : "THÀNH ĐỨC CÀN KHÔN ĐẠI*

*聖德乾坤大*

*UY NGHỊ TÌNH BÁT DIÊN*

*威儀淨几筵*

*U AM MÔNG DUỆ TRÁCH*

*幽陰蒙畜澤*

*UU OC BAI XUNG THIÊN"*

*溥渥并冲天*

581 *Đọc thấy kệ này mới hay*

*Thật là Trời Bụt khi nay điềm trình*

583 *Mầu nhiệm thấy sự hữu tình*

*Mọc câu trên vách hiển linh rõ ràng*

585 *Kệ rằng : "NHẤT BÁT CÔNG ĐỨC THÙY*

*一鉢功德水*

*TÙY DUYÊN SAI THỂ GIÀN*

*隋緣洒世間*

*QUANG QUANG TRƯỜNG CHIẾU CHỨC*

*光光常照燭*

*ẢNH MỘT NHẬT ĐĂNG SAN"*

*影没日登山*

589 *Lý triều vững đặt âu vàng*

*Nghìn năm ở đất hà Dang lệ kỷ*

591 *Ấm ảm ra đức dấy uy*

*Gần thì đều mến, xa thì đều vui*

593 *Kể từ lúc mới lên ngôi*

*Về sau tinh được tâm đời trị an*

- 595 *Trái xem Nam sử chuyện bàn*  
*Trước sau các tích như in chép bày*
- 597 *Danh truyền để đến tận nay*  
*Xa gần Nam Bắc Đông Tây già chiến\**
- 599 *Có bia LÝ HẬU để truyền*  
*Dà nên có phúc nhân duyên tình cờ*
- 601 *Dà nên phù qui vinh hoa*  
*Dạo lên ở chôn Liên tòa vui chơi*
- 603 *Dời đời gồm\* hương phúc Trời*  
*Dù mười hai tháng đến dài khỏi hương*
- 605 *Dời sau lấy đây làm gương*  
*Làm phúc được phúc tỏ tường chép ghi*

### H.D.

583. MÁU NHIÊM. Bản B đổi ra Nhiệm máu, vì cho rành nguyên khổ đọc.

MOC. nv 木 đọc Mọc, tức là rêu mọc ở tương.

### C.T.

572. *Bair\** xưa = buổi xưa.

573. *Cổ pháp* : tên châu, Lý Thái Tổ đổi ra phủ Từ Sơn (1010), thuộc Thiên Đức Giang tên mới của Bắc Giang đời Lê.

574. *Kiến sơ*: chùa cổ ở núi Tiên Du, thuộc châu Cổ Pháp, hương Phù Đổng. Đời Đường thiên sư Vô Ngôn Thông trụ trì ở đó ; là tổ một dòng Thiên ở nước ta, mất năm 826. Sau đó có thiên sư Đa Bảo. Theo Thiên Uyển Tập Anh chép : Khi Lý Thái Tổ chưa lên làm vua, sư đã đoán trước sự ấy, và bảo đó là thiên mệnh không thể tránh. Sau khi Vua lên ngôi, rất hậu đãi Sư, thường hỏi về chính sự và sai chữa lại chùa Kiến Sơ. Thời xưa, thường dùng những sự quái dị, mê tin để củng cố hay chiếm đoạt chính quyền, như chuyện sét đánh vào cây gạo tại hương Dịch bạng (Đình Bạng), quê họ Lý, phát hiện trên cây bài sấm bao trước rằng : "...Hòa đao mộc lạc, Thập bát tử thành..." ẩn ngữ nghĩa là triều Lê rơi, triều Lý sinh. Sư Vạn Hạnh, trụ trì ở chùa Lục Tổ ở đó cũng hiểu như vậy và khuyến khích ngầm.

588. *Nhật đăng san* : cũng có nghĩa kín là : chữ Nhật ở trên chữ Sơn, thành chữ đọc sấm, là húy Vua Lý Huệ Tông, không có con trai, phải trao ngôi cho con gái là Chiêu Hoàng, rồi cho rể họ Trần. Hiểu như vậy thì về này là câu sấm : đến vua tên Sấm thì triều nhà Lý hết.

590. *Hà Dang* hay *Hà Dương* ; nghĩa không chắc. Thường chữ Dương trở một địa điểm hoặc ở phía Nam một núi, hoặc ở phía Bắc một sông, là phía được hưởng ánh nắng nhiều. Đây có thể là trở Thăng Long ở bờ tây sông Lô, được hưởng ánh nắng mặt trời mọc.

*Lệ kỳ* = đẹp và lạ.

594. *Tam đời* : Khai quốc là Thái Tổ (Công Uẩn 1010), Thái Tông (Phật Mã 1029), Thành Tông (Nhật Tôn 1055), Nhân

(con vua trước ?) : Thành Khánh, Thành Quang, Thành Chiêu và Thành Hưng (1117).

539. *Từ Đạo Hạnh* : về đời tu hành và tín ngưỡng dân gian đối với những chuyện thần thông, luân hồi, đầu thai mà thấy nhiều liên quan đến vị cao tăng này, thì không những những thần tích ngày sau, mà hai tác phẩm đời Trần, nay còn, cũng chép rõ ràng ( Xem *Lý Thường Kiệt* trang 418). Sau đây tôi tóm tắt câu chuyện : Sư tên họ là Từ Lộ. Cha tên Vinh, làm đến chức tãng quan đô sát, biết phép phù thủy ; thường làm phép quấy Diên Thành hầu. Hầu này (con vua Thánh Tông chăng ?) phải mượn thầy Đại Diên làm phép đánh chết. Về việc này, thần phủ chùa Láng, chùa Thầy thờ Đạo Hạnh kể chuyện rằng : “Từ Vinh thường làm phép tàng hình lọt vào hậu cung Diên Thành Hầu. Đại Diên sai rắc tro trước cửa phòng cung nhân, niệm chú và trao chỉ ngũ sắc cho cung nhân, dặn nếu thấy Vinh tới thì lấy chỉ này buộc quanh mình thì sẽ bắt được. Đêm ấy Từ Vinh quả đến, cung nhân quấn chỉ quanh mình rồi hô cấp cứu. Vinh muốn chạy thoát, nhưng Đại Diên đã đến. Vinh bèn tàng hình biến ra con rắn chui vào lỗ tường mà trốn. Đại Diên tìm thấy cái râu dán ở tường lôi ra. Đại Diên cầm kéo ra, thấy con rắn trắng ; thầy đánh chết thì lại hóa ra Từ Vinh. Xác vứt xuống sông Tô Lịch ; trôi đến cầu Vu Quyết (cầu Yên Quyết hay ) thì dừng lại trước nhà Diên Thành Hầu, dựng đứng lên và trò vào nhà Hầu. Hầu sợ, lại cầu cứu Đại Diên. Thầy tới niệm chú, xác Vinh bèn ngã xuống mà trôi đi. Từ Lộ tìm giết Đại Diên. Một hôm gặp thầy, Lộ gơ gậy toan đánh, thì có tiếng trên trời hét xuống báo : Chớ ! Chớ ! Lộ bèn vứt gậy chạy. Lộ bèn gia sức tu trì, tụng niệm. Đến lúc Lộ thấy có thần nhân

“Từ trần thiên vương” xin đến để sư sai khiến, sư biết mình đã đạt được phép thần thông và có thể trả thù cho cha. Lộ bấy giờ đã lấy đạo hiệu Đạo Hạnh. Muốn thí nghiệm phép mình, Sư tới cầu Vu Quyết, ném cái gậy xuống sông, đọc chú. Như con rắn nước, gậy lội ngược dòng đến cầu Tây Dương. Đạo Hạnh mừng ; thẳng tới trụ sở Đại Diên khiêu đánh. Đại Diên hỏi có còn nhớ chuyện trước không. Nhưng ngừng mặt lên trời, Đạo Hạnh không nghe tiếng hét như lần trước ; Sư biết mình đạt phép hơn Đại Diên rồi. Sư đánh Đại Diên đến ốm rồi chết. “Còn Diên Thành Hầu thì đến năm 1117 cũng mất (*Sử ký*). Sau khi tra được thù cha, Đạo Hạnh kinh hành các túng lâm, bàn đạo với các sư nổi tiếng, rồi trụ trì ở chùa Thiên Phúc trên núi Phật Tích (Sài Sơn ngày sau). Tháng 2 năm Nhâm Thìn 1112, ở bờ bé Thanh Hóa có một đứa bé mới ba tuổi mà nói gì nó cũng hiểu. Nó lại tự xưng là Thái tử, là Phật. Phàm vua Nhân Tông làm việc gì, nó cũng biết. Vua sai sứ đến thăm, thì thấy quá thật. Vua bèn sai đem nó về Kinh, nuôi ở chùa Báo Thiên, và muốn lập nó làm Thái Tử. Triều đình can gián và xui Vua lập đàn cầu tự và xin nó đầu thai vào cung nhân. Đạo Hạnh thấy vậy, lấy làm lo rằng đứa bé kia là tà ma ; bèn sai em gái mang vài hạt bùa để giấu dưới mái nhà đàn tràng. Vua lập lên, để yếm. Đứa trẻ lên cơn sốt, mạch rằng có người bùa lười sắt ngăn nó không cho nó vào cung đầu thai. Vua tra ra thì biết chủ mưu là Đạo Hạnh ; bèn sai bắt Sư, trói lại ở hành lang Hưng Thanh, toan kết tội tử hình. Nhân lúc ấy, em Vua là Sùng Hiền Hầu qua đó. Đạo Hạnh cầu cứu và hứa sẽ đầu thai vào vợ Hầu. Bấy giờ, Hầu cũng chưa có con trai, và vợ cũng thường đi cầu tự ở chùa Thiên Phúc. Hầu bèn tâu Vua xin tha cho Đạo Hạnh vì Đạo

Tông (Càn Đức 1073), Thần Tông ( Dương Hoán 1128), Anh Tông (Thiên Tộ 1138), Cao Tông (Long Cán ? 1176), Huệ Tông (Sảm 1211), Chiêu Hoàng (Phật Kim, 1223-1225). Đình làng Đình Bang ở địa điểm chùa Lục tổ hay chùa Cổ Pháp xưa, thờ các vua Lý, được gọi là đền Lý Bát Đế.

607. *Năm Cảnh Hưng thứ 20*: 1759.

608. *Châu...lộ*: đây dùng những loại tự cổ về phân hạt, chữ đời Cảnh Hưng thì đó là Xứ và Phủ.

610. *Ngọc Trong*: tên con gái các Chúa đều dùng chữ lót ấy. Nên để ý đến sự cung nữ này vẫn giữ tên Nôm.

611. *Phủ Chi Nguyên*: Phủ đây là nơi có cung điện, nhà thờ họ ngoại vua chúa (Chúa Trịnh); Chi Nguyên là tên phủ này. Theo ý về này thì xưa có bản khắc ván bài diễn Nôm này. Có lẽ nay đã mất.

## DIỄN NGHĨA

569 Các vua giữ yên nước nam Việt thuộc nhiều triều đại, có khi thịnh, khi suy, và thay đổi kinh đô đã mấy lần. Nói chi hết những biến cố xưa đã xảy ra. hãy kể từ khi vua Lý Thái Tổ lên ngôi ngày trước.

573 Có khi Vua đi qua châu Cổ Pháp tới chơi chùa Kiến Sơ. Vua thấy có bốn câu thơ đề trên vỏ cây, bởi sâu đục mà thành chữ. Lời thơ ấy dịch ra như sau :

*"Đức của các Vua lớn bằng Trời đất.*

*Oai vệ làm yên tám cõi trong nước.*

*Chốn khuất tôi mong đội ơn Vua ;*

*Được ơn dãi dào, cúi lạy Trời cao"*

581 Đọc bài thơ ấy, Vua biết rằng Bụt và Trời đã bày điểm lành để mách cho biết triều nhà Lý sẽ thịnh và nước sẽ được yên ổn...Vua lại thấy một sự mâu nhiệm thích thú khác : ấy là rêu mọc trên vách thành bài kệ sau :

*"Một bát nước là công đức,*

*Theo duyên rười khắp thế gian.*

*Như đuốc sáng chiếu mãi mãi*

*Đuốc tắt như mặt trời lên khỏi núi"*

589 Triều nhà Lý dựng cơ nghiệp vững vàng để tồn tại nghìn năm ở đất kẻ sông lớn đẹp lạ. Ban ân huệ, lấy uy phong mà trị dân. Kẻ ở gần thì mến, kẻ ở xa thì vui lòng chịu mệnh lệnh.

593 Kể từ đầu, thì nhà Lý có tám đời vua ở ngôi. Hãy đọc sử nước Nam thì sẽ biết rõ ràng.

597 Còn Thái Hậu Ý Lan thì có sự khác là danh Thái Hậu truyền đến ngày nay, ấy bởi những chùa chiền Thái Hậu đã thi công đức Thái Hậu. Thật rằng Thái Hậu vì đã gieo hạt đức, mới gây được duyên may, hưởng phúc của Trời Bụt ban cho.

601 Khi sống Thái Hậu đã hưởng giàu sang rạng rỡ. Sau khi mất, lại được thành Phật, thong dong ở Niết bàn.

603 Thái Hậu hưởng phúc Trời mãi mãi ; suốt năm, tháng nào cũng có ngày lễ cúng ở đền chùa Thái Hậu. Xem

gương đo thì chúng ta bây giờ hiểu rằng : Hễ làm phúc thì sẽ được phúc. Vì cố ấy, ta chép lại chuyện Thái Hậu cho rõ ràng

607 Triều ngày nay, năm CẢNH HUNG thứ 20, giữa thu, ngày lành, Châu (Kinh-) Bắc, lộ Thuận (-thành), nhà Tĩnh Hiên, vụng về thành 皇朝景興二十年仲秋穀旦北州順路觀軒拙成

609 Xã NHU QUYNH, thôn LÊ XÁ, bà Cung tần hầu trong PHỦCHÁNH hiệu THƯƠNG HÒA TRƯONG THI NGOC TRONG soạn viết. 如琮社黎舍村正府侍內宮嬪尚和張氏玉翻撰寫

611 Miếu ở phủ CHI NGUYỄN kính cẩn giữ bản khắc. 至元府廟奉守板藏

### BẢNG KÊ NHỮNG TỪ HAY NGHĨA CỔ TRONG CHUYỆN Ý LAN

Số trong dấu ngoặc tròn là số hiệu vé mang từ kể đây.

Có lược chú.

- ÂNG : đăm (263)
- ÂU : lo (284-464)
- BAN : buổi (572)
- BÀN NÀN : phàn nản (20)
- BẰNG : bằng (461)
- BUA QUAN : vua quan (458)
- BÀU : ống tay áo (78)
- BẦY CHẦY : bầy lâu (182-343-442)
- BỤNG TUNG : mờ sáng (231)
- CẢ : lớn (339-542)
- CONG : trong (34-126)
- CỤC : công xưởng (486)

- CÚNG DÀNG : cúng nuôi táng (168-498...)
- CỬ : theo (160)
- CHÀ : chầy tuôn (49)
- CHẠNH : động lòng (301)
- CHIỀN : chùa (94-197-340-384) X. GIA
- CHỈN : rất (287)
- CHỢ : kinh kỳ (110-193)
- CHỨC : khăn (184)
- CHUNG : hư tự (82-186)
- DAN : đình (84-494)
- DẬP DIU : qua lại (165-210-263)
- DIỂM DÀ ; đẹp (209)
- DỄ HẦU : không dễ (254)
- DÔI : đuổi theo (546)
- DỪ : nếu (133)
- DỤNG : làm (58-60-104-392)
- DƯƠNG : dáng, như (94-172-256-278-356)
- DÀI DẰNG : nói cặn kẽ (81)
- ĐAM CHIÊU : tả hữu (174)
- ĐÀN SINH : sing kẻ qui (2-412)
- ĐỂ : bỏ (162)
- ĐẸN : điện (160-310-409-474)
- DIỀU : hòa thuận (8)
- DOÀI : phía tây (323)
- DÔI : nhiều (10-106-164-178-312-563)
- DỐC SINH : sinh kẻ qui (12-190)
- DỢT : từng (489)
- GAO : kêu rao (378)

GỒM : đủ (445-540-603)  
GIÀ CHIỀN : chùa (128-333-382-517-598)  
HẠNH : (vua) đi (172-206-574)  
HẰNG : thường có (141-345-232)  
tầm thường (185)  
HẦU : gần như (48-246-254-338)  
HÒA : cả (157-409-552) ; là (930) ; mà (448-510) ;  
và (510)  
KHẮN KHẮN : kiên trì, thành tâm (128-188)  
KHÂU NHÂN : ? (211)  
KHI NAY : bây giờ (558-582)  
KHÔN : khó (26-30-31-96-102-222-278)  
KHUẬY : quên (282)  
LẠ DUỜNG : khác thường (256)  
LÁC : chợt thấy (257)  
LẮM : bùn. LẮM THAN : khổ sở (278)  
LÀM LÒNG : ghi dạ (363)  
LỄ : lễ thường (152)  
LỆ : sợ (516)  
LOI THOI : lè loi (268)  
LỔ LỘ : thoát hiện ra (173)  
LỘNG : thông suốt (491)  
LỤC SỞ : ? (211) ( )  
LUỐNG : gần vô ích (99-153)  
LƯƠNG : tha thứ (376)  
MAI NGAY : ngày sau (190)  
MÁI : mé, phía (323)  
MẶNG : chú ý lo (442)

MẶNG : chăm lo nên quên việc khác (291)  
MẪU : có công hiệu (356)  
MĨA : phò đẹp (324)  
MÔNG : mong (102-264-364)  
MỘT : rất (17)  
MỘT KHI : tức thì (77-233)  
MUÔN MỘT : rui ro (401-464)  
MỮA : chớ (42)  
NÃO NÀ : rất đẹp (17)  
NÀY : trao cho (418)  
NẮM NẮM : kinh sợ (116)  
NÈO : lối, cách (52-250)  
NO : đủ (445-540)  
NỘI : đồng áng (567-267)  
NGÀN : bờ (236)  
NGAY : thẳng (124-188-287-454)  
ngày (190-204-532)  
NGẮT (ngút) : cao xa khuất (91-269)  
NGHỈ : định đoạt (201)  
NGÕ : may chi (100-129-318)  
NGÔI : (kè sang) nghỉ (240-261)  
NHIỀU : đi vòng quanh (501)  
PHA : nhuộm (101)  
PHÔ : bày (227-264)  
PHỦ : phủi mần (463)  
RẬY : ám (93-110-235) RẬY RÀNG  
SÁ : kể (192)  
SAU XUA : trước sau (537)  
SẮM SANH : sấm sửa (117)  
SẤP : soạn sửa (81)

SỐ : chia hạng (175)  
TẮM : nhỏ bé (126)  
TÂY : riêng (38-531)  
TIÊU HAO : tin tức (535)  
TOAN : liệu (32-52-250-484-546)  
THẢO : hiểu (41)  
THẤY TỚ : đệ tử, đày tớ (511)  
THẾ ẬU : thật là (20-170-250-270)  
THIỆT : đau lòng (36-69-126-61)  
THIN : gìn giữ (360)  
THỐT : nói (16)  
THUA : hư tự = của người ấy (268-463)  
TRĂNG : tháng (11)  
TRƠI : khoe, bày ra (166)  
TRỞ : cản (31)  
VÀ : từ màu, hư tự (185-345-455) (\*)  
VẦY : giúp vi (289)  
VEN : bèn bờ (329)  
VI : vị, ngôi vua (468-572)  
VÌ : kêu van (379)  
VỒI : vị, ngôi (4); mời (273); chung (170-268-288- 324)  
XA ỪA : không thích (514)  
XONG : hoàn hảo (348)  
XUỀ : khoe bày (166)  
XUA SAU : trước sau (47-66)

Ngày 7 - 12 - 1984 H.X.H.  
(Theo TẬP SAN KHOA HỌC XÃ HỘI  
Paris, số 12 tháng 1 - 1986)

**HỒ XUÂN HUONG**  
**VỚI VINH HẠ LONG**

## I.- XUÂN HUƠNG BÀ THAM HIỆP TRẦN YÊN QUẢNG

“Cảnh đẹp nên thơ”, đó là một sáo ngữ thông thường. Mà ở nước ta, cảnh nào là vĩ đại, vừa lạ vừa đẹp bằng cảnh vịnh HA LONG. Thế mà thơ người xưa đề vịnh chốn này ngày nay còn thấy rất ít. Hoạ hoãn chỉ có vài ba bài của vua LÊ THÁNH TÔNG và của chúa AN (Trịnh Cương) như ta sẽ thấy sau. Sự ấy bởi cứ rằng vịnh HA LONG tuy là cảnh đẹp, nhưng nằm ngoài phạm vi chính trị trung ương ; khiến nên ít kẻ văn nhân được dịp qua đó.

Thế mà tôi nhờ may mắn, tình cờ đã được biết rằng nữ sĩ nổi danh nhất ở nước ta, HỒ XUÂN HUƠNG, đã có lúc ở trên bờ vịnh HA LONG, nhiều lần dong thuyền trên vịnh, và còn để lại đến ngày nay một số thơ Hán văn Đường luật kỷ niệm cảm tưởng của mình trong những cuộc nhàn du ấy.

Thư viện trường VIỆN ĐÔNG BẮC CỔ xưa ở HÀ NỘI có trữ một tập Hán văn chép tay, nhan đề *DUƠNG HẠO Đình Tập QUỐC SỬ DI BIÊN* 皇朝典故 皇朝典故 皇朝典故 số hiệu A. 1045. Ấy là một tập sử soạn bởi viện sử quan, Thám Hoa PHAN THỨC TRỰC (nguyên tên DUƠNG HẠO), người tỉnh NGHỆ AN, soạn vào khoảng trước năm 1852, sử biên niên ba triều vua đầu nhà NGUYỄN (1802-1847). Tuy sách chép sơ lược về các quan lớn, nhưng đối với nhân sự vật, nhất là khi có liên hệ đến văn chương, thì sách này hay chép với nhiều chi tiết hơn chính sử.

Về năm GIA LONG thứ 18 (Kỷ Mão 1819), nhân việc viên quan Tham hiệp trấn YÊN QUẢNG bị án tử hình, sách ấy cho hay rằng vợ bé y là nữ sĩ HỒ XUÂN HUƠNG. Sau đây là nguyên Hán văn đoạn ấy :

“Yên Quảng tham hiệp dĩ hống hách dân tài tọa trụ. Vạn Ninh châu điền đa hoang phế. Tham hiệp ức dân khai vi thực điền ; dĩ sách thu ngân tiền thiên số. Châu nhân khống chi. Án lại THỦ DUNG cấu thành ngục, kiên giam nhất niên. (Kỳ tiểu thiếp XUÂN HUƠNG năng văn, chính sự. Thời xung tài nữ. THAM HIỆP thường sử can dự ngoại sự. THỦ DUNG tố kỵ chi)”

安广参叶以吼赫民財坐殊。万寧州田多荒廢。叶抑民南為實田以策收銀錢。州人控之。按吏守容構成獄。堅監一年。其小妾春香能文政事，時稱才女。参叶常使干預外事。守容素忌之。

Nghĩa là :

“Quan Tham hiệp trấn YÊN QUẢNG bị tội tử hình, vì dọa nạt dân để lấy của. Ruộng tại châu VẠN NINH bị bỏ hoang nhiều. Quan Tham hiệp ép dân phờ làm ruộng cày. Nhân đó đòi dân đút tiền, kể đến bạc nghìn. Dân châu này kiện. Viên án thủ (trách nhiệm an ninh) DUNG tố cáo làm Ông bị giam chặt trong một năm. Vợ bé Ông tên là XUÂN HUƠNG, giỏi về văn chương và chính trị ; bấy giờ nổi tiếng là tài nữ. Quan Tham hiệp thường sai Nàng dự vào việc quan. viên Án thủ

DUNG vốn sợ ghét Nàng...”

Sách chính sử ĐẠI NAM THỰC LỤC (Chính biên Đệ nhất kỷ, quyển 57 trang 12a) cũng có ghi chuyện này, lại cho biết tên quan Tham hiệp ấy, nhưng lại chép chuyện vào tháng 5 năm trước, tức là năm Mậu Dần 1818. Ý chừng lúc ấy là lúc quan Tham hiệp mới bị bắt giam. Rồi một năm sau mới bị xử tử. Văn sử chép như sau ;

“YÊN QUẢNG Tham hiệp TRẦN PHÚC HIỂN tư thu dân tiền tang chi thất bách mãn. Sự phát. Đế viết : “Tham hắc bất tru, hà dĩ khuyến liêm” Mệnh Thành thần trị kỳ tội. HIỂN tọa tử.”

安广参叶陳福顯私收民錢。至七百緡事發。帝曰：貪黑不誅，何以勸廉。命城臣治其罪。顯坐死。

Nghĩa là :

“Quan Tham hiệp trấn YÊN QUẢNG, là TRẦN PHÚC HIỂN, ăn tiền hối lộ của dân đến bảy trăm quan. sự ấy lộ ra. VUA nói : “Tham nhũng như thế mà không giết, thì lấy gì mà khuyến liêm”. Bào quan BẮC THÀNH trị tội. HIỂN bị án tử hình.”

Ta không nên lấy làm lạ rằng đây không chép chuyện vợ bé của quan. Chính sử nước ta chỉ chép những sự cốt yếu về việc công mà thôi. Nói tóm lại, hai sử liệu trên cho ta biết rằng :

TRẦN PHÚC HIỂN giữ chức Tham hiệp trấn YÊN QUẢNG, tức là cầm đầu hành chánh, năm Gia Long thứ 17 bị dân châu VẠN NINH tố cáo hối lộ. Tháng 5 năm ấy (Mậu

Dân 1818) bị bắt giam. Vua sai kết tội tử hình. Năm sau y bị xử tử. Vợ lẽ y giỏi văn chương và chính trị, được chồng nhờ giúp trong việc hành chánh. Nàng đã nổi tiếng là một tài nữ và có tên XUÂN HUONG.

Ta có thể tin chắc rằng tài nữ này chính là tài nữ HỒ XUÂN HUONG, mà ta đã từng quen tiếng, nhưng không rõ chắc gì về thân thế. Cũng như nữ sĩ trong truyền thuyết, Nàng giỏi văn chương, duyên phận hẩm hiu, thường phải làm vợ bé; khi chồng làm quan thì Nàng thường thay chồng phê án. Sau này tôi sẽ đem những chứng khác khiến ta quyết đoán rằng hai tài nữ này là một, và trong một khoảng đời nàng, HỒ XUÂN HUONG đã sống tại đất QUẢNG YÊN ngày nay, bên cạnh vịnh Hạ Long, và đã có dịp dọc thuyền ngao du trong thắng cảnh này, cùng đã làm thơ vịnh cảnh.

Sự can trọng nhất đối với văn học sử Việt Nam là ta đã chính xác biết trong một thời gian nhất định, những cảnh huống gia đình, xã hội, những hoạt động cá nhân hay cộng đồng, và một ít văn phẩm chắc chắn của một văn nhân rất nổi danh, nhưng đã bị dư luận bình dân tượng trưng hóa.

Nay ta biết vào khoảng năm 1818, Nàng có chồng, làm quan lớn. Tuy chỉ là vợ lẽ, nhưng là một sủng thiếp, không những được chồng quý trọng, mà còn dùng làm cán sự trong việc quan. Chồng vốn con nhà thi thư. Bố chồng tên là *TRẦN PHÚC NHÀN* 陳福閑 có lẽ người đảng trong, nguyên giữ chức tham mưu trong quân đội trước khi chúa NGUYỄN khôi phục Phú Xuân, và có lẽ tử trận. Tháng 7 năm Quý Hợi (Gia Long thứ 2, 1803), để đến công, con là PHÚC HIỂN được bổ

chức Hàn lâm viện Thị thư (TL 22/1b)(1). Sau đó được thăng dần đến chức tri phủ phủ TAM ĐÁI thuộc trấn SƠN TÂY (từ năm 1822 đổi tên ra phủ VINH TUÔNG). Đến tháng 12 năm Gia Long thứ 12 (1813), lại được thăng nhậm chức Tham hiệp trấn YÊN QUẢNG (TL 47/16b)(2). Y cưới XUÂN HUONG năm nào? Sau đây ta sẽ biết rằng năm sau đó Nàng còn ở một mình. Vậy Nàng bắt đầu làm vợ lẽ y vào khoảng năm 1815-1818.

*Trấn YÊN QUẢNG* tức là tỉnh QUẢNG YÊN ngày nay. Từ đời Gia Long, địa bàn không thay đổi mấy; chỉ có nội bộ có phân hạt hoặc thay tên ít nhiều. Đời LÊ ban đầu tên YÊN BANG cuối MẠC đổi ra YÊN QUẢNG vì kiêng húy vua Lê Anh Tông. Đời Minh Mạng (1822) mới đổi ra QUẢNG YÊN. Nguyên đời LÊ, địa bàn mang hiệu Đạo, Thừa Tuyên, Xứ. Đời TÂY SƠN và đầu đời NGUYỄN, vì việc trị an là quan trọng cần có hành chánh quân sự, cho nên đặt hiệu là Trấn. Đến năm 1842 mới đổi ra Tỉnh. Đất trấn này gồm tất cả các đảo vịnh HA LONG và phía bắc, phần lục địa ven bể đến Trung Quốc. Đời Gia Long, trấn chia làm 3 huyện: phía nam là Yên Hưng, Hoàn Bồ và Hoa Phong (năm 1847 đổi ra Nghiêu Phong vì húy mẹ vua Thiệu Trị), với 3 châu (dân Kinh và Thượng tạp cư) phía bắc là Vân Đồn (nay là Vân Hải), Tiên Yên, Vạn Ninh (nay là Hà Cối và Môn Cáy). Đặc biệt là huyện Hoa Phong gồm các đảo trên vịnh HA LONG ngày nay, từ vĩ tuyến Cẩm Phả về Nam. Còn các đảo về Bắc, như những quần đảo Vân Đồn, Cầu Đâu, thì thuộc châu Vân Đồn. Trong hai địa hạt ấy, có vô số núi lèn dựng trên mặt nước, bờ dựng đứng lên cao, chân bị sóng xoi mòn mà sâu hoắm, thành những hành lang kín mái nắp chung quanh núi.

Đỉnh núi đá gồ ghề, nhấp nhô, bày ra đủ mọi hình dáng : nào lâu đài, nào thầy tăng, nào dũng sĩ, nào con cóc, nào con mèo, nào con thuyền, nào chiếc đũa. Nhiều núi mang hang, động, đường hầm, vũng nước. Đảo tuy riêng rẽ, nhưng số rất lớn đến đối trông xa tưởng liền thành rặng núi chắn ngang. Nếu trời mưa phùn hay hơi mù, thì đảo càng xa, trông càng mờ, khiến các đảo lại thành riêng rẽ ra nhiều từng lớp. Nếu lại thêm bóng xế mặt trời chiếu xuống, thì cảnh tượng lại càng tuyệt mục. Ban ngày, khi trời nắng sắc nước rất xanh, trông xa lẫn với sắc trời. Ban tối, dưới bóng trăng bạc, thì sắc trời, ánh nước mờ nhạt sau bóng đá đen. Dưới mái chèo vẩy nước, thì lại hiện ra cảnh tượng lân tinh từ nước tóe ra như sao băng. Ai đã từng qua trên vũng nước này, thì không khỏi chịu một ấn tượng lạ kỳ sâu sắc. Không kể đời cận đại, những du khách trong ngoài nước đã tả cảnh này một cách rất niềm nở, như CH.PATRIS đã viết cả một tập hồi ký (*La baie d'ALONG et de FAI-TSILONG - Impressions de croisière*), tôi sẽ dịch một đoạn văn tả cảnh này trong tập *AN NAM KÝ DU* của một người Thanh, tên PHAN ĐÌNH KHUÊ 安南紀遊 潘廷珪, đã đi thuyền trên bể HOA PHONG cách bây giờ 300 năm :

“Mùa đông năm KHANG HI thứ 27 (1688), tôi ngẫu nhiên có việc ở Cao Lương thuộc Quảng Đông. Tôi lấy thuyền đi tắt cho chóng. Không dè bị gió bạt vào ở mép nước An Nam gọi là châu VẠN NINH. Cửa bể châu này mang tên GIANG BÌNH 江平. Từ Giang Bình vào kinh đô nước ấy có ba lạch đều theo ven bể. Tôi mua một thuyền bản xứ để đi vào. Chưa hết một ngày đã đến HOA PHONG. Hoa Phong là những đảo. Nhìn

tứ phía đều núi đá, nhón nhọn chập chồng. Trăm vạn hình dáng từ đáy bể chỗi vọt lên. Tuyệt nhiên không cát đất, lùm cây, đám cỏ. Chỉ có cây tùng lạ, cây bách cối, hình dáng ly kỳ, mọc xen “kê đá, bày gân lộ cốt mới vượt lên được. Núi cao hoặc vài trăm thước, hoặc chỉ hơn trăm thước, hoặc chèn lấn nhau, hoặc quanh co đứt nối, khiến ta không thể đoán được mà cũng không tìm hiểu được. Ngóng thấy hình hoặc như trăm thú vật, hoặc như dũng sĩ mang áo giáp mũ trụ đang ngồi, hoặc như đám mây hè, đỉnh mang lửa, đang vụt chỗi lên. Hoặc khi xa thì thấy vậy mà khi lại gần thì không thấy vậy. Hoặc khi nhìn thẳng trước thì như vậy mà khi nhìn nghiêng bên thì khác vậy. Trong chớp mắt, gió mây biến đổi ảo trạng không chừng. Thuyền ta lênh đênh giữa khoảng nước này trong bốn hôm mới ra khỏi. Mỗi lúc thuyền tới nơi núi kèm bể chẹt, thì tưởng chừng lối nghẹt không thông. Hồi lâu, lại hiện ra một cảnh giới như trước. Cứ như vậy một ngày kể có trăm phen. Đêm thì buộc thuyền cạnh núi đá. Dò thử nước nông sâu thì thấy sâu hơn độ mười tầm. Núi bao bọc kể bốn phía, thường không thấy gió ; thuyền qua lại nhiều, khiến ta quên rằng mình đang đi trên bể.”

(Trích Tiểu Phương Hồ trai *DƯ ĐỊA Tùng sao*, tập 3 trang 115)

Về cảnh tượng ban đêm, các du khách Pháp đã tả một cách tình tứ hơn trong những bài du ký. Sau đây sẽ kể một vài